



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VPBANK 2017

2017



MỚI & TĂNG TRƯỞNG

Kết thúc chặng đường 5 năm triển khai chiến lược 2012 - 2017, VPBank đã đạt và vượt nhiều chỉ tiêu tài chính quan trọng do Đại hội đồng Cổ đông đề ra. Đây là kết quả của những nỗ lực không mệt mỏi và sự đổi mới không ngừng của Ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ nhân viên ngân hàng trong suốt những năm qua. Sự sáng tạo và đổi mới được triển khai quyết liệt trong hàng loạt những hoạt động trọng yếu, như xây dựng mô hình kinh doanh, quản trị rủi ro, quản lý tập trung dịch vụ khách hàng và phê duyệt tín dụng, đầu tư vào công nghệ thông qua phát triển các ứng dụng online và mobile... để tạo nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng mạnh mẽ và liên tục của VPBank. Bước vào chặng đường 5 năm tiếp theo, 2018 - 2022, VPBank sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng hiện tại và tìm những động lực tăng trưởng mới, dựa trên sự đổi mới và sáng tạo không ngừng nghỉ.



MỤC LỤC



4-5

THÔNG ĐIỆP CỦA
CHỦ TỊCH HĐQT & TGD



3

CÁC KẾT QUẢ
KINH DOANH NỔI BẬT



11-18

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH



6-10

TỔNG QUAN
VỀ VPBANK





37-70
QUẢN TRỊ
DOANH NGHIỆP



19-27
KẾT QUẢ THOẠT ĐỘNG
KINH DOANH



144-145
KẾ HOẠCH
KINH DOANH 2018



71-143
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN 2017



28-36
NHỮNG THÀNH TỰU
VỀ XÂY DỰNG
NỀN TẢNG



CÁC KẾT QUẢ KINH DOANH NỔI BẬT

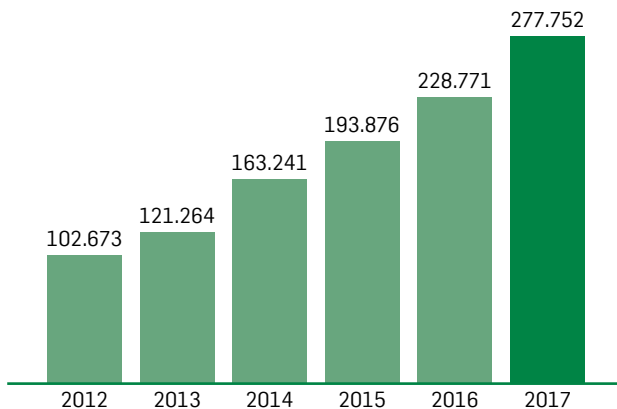
MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tỷ đồng)	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng tài sản	102.673	121.264	163.241	193.876	228.771	277.752
Vốn chủ sở hữu	6.709	7.727	8.980	13.389	17.178	29.696
Huy động khách hàng + Phát hành giấy tờ có giá	59.680	88.345	119.163	152.131	172.438	199.655
Dư nợ cấp tín dụng(*)	44.965	65.626	91.719	126.943	158.696	196.673
<i>Trong đó: Cho vay khách hàng</i>	36.903	52.474	78.379	116.804	144.673	182.666
Thu nhập hoạt động thuần	3.237	5.085	6.271	12.066	16.864	25.026
Lợi nhuận trước thuế	949	1.355	1.609	3.096	4.929	8.130
MỘT SỐ CHỈ TIÊU AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ	2012	2013	2014	2015	2016	2017
ROAA	0,77%	0,91%	0,88%	1,34%	1,86%	2,54%
ROAE	11%	14%	15%	21%	26%	27,5%
Hệ số an toàn CAR (theo quy định hiện hành của NHNN)	12,5%	12,5%	11,3%	12,2%	13,2%	14,6%
Hệ số an toàn CAR (theo Basel II)	-	-	-	-	9,5%	12,6%
Số lượng nhân viên	4.326	6.795	9.501	12.927	17.387	23.826
Số lượng điểm giao dịch	204	207	209	208	215	216
Số lượng Khách hàng hoạt động (nghìn KH)	353	635	1.305	2.088	3.290	4.901

* Không bao gồm trái phiếu VAMC

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán các năm

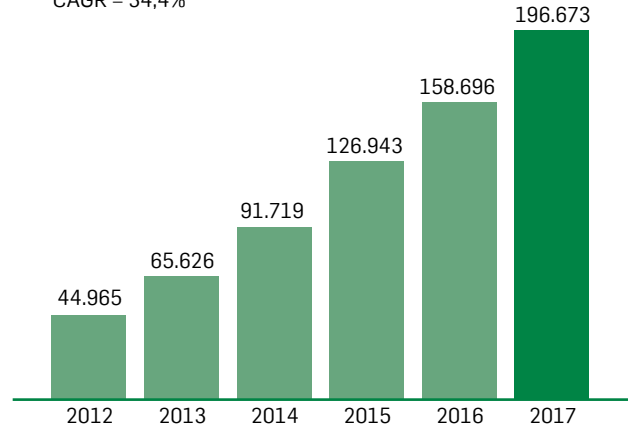
TỔNG TÀI SẢN (tỷ đồng)

Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) = 22,0%



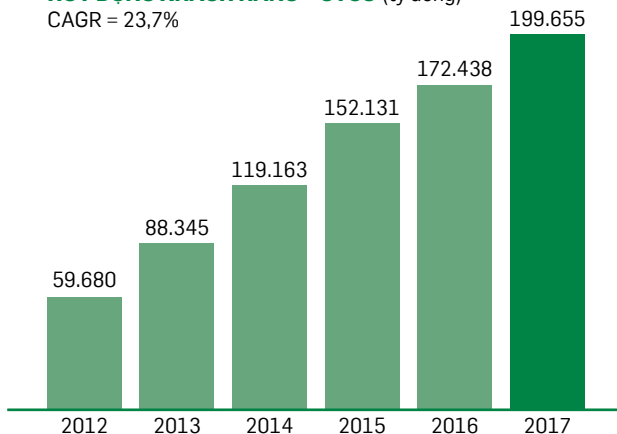
DƯ NỢ CẤP TÍN DỤNG (tỷ đồng)

CAGR = 34,4%



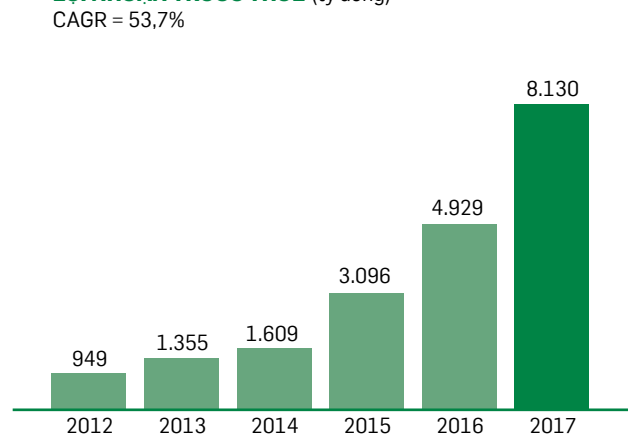
HUY ĐỘNG KHÁCH HÀNG + GTCG (tỷ đồng)

CAGR = 23,7%



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (tỷ đồng)

CAGR = 53,7%



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán các năm

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thân gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng và Đối tác.

Năm 2017 là năm cuối trong lộ trình triển khai chiến lược 5 năm của VPBank với tầm nhìn trở thành một trong năm ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam. Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, chúng tôi bày tỏ sự vui mừng, tự hào và xin thông báo tới Quý vị rằng VPBank đã đạt các thành tựu rất đáng ghi nhận trong năm 2017. Đặc biệt hơn, VPBank đã niêm yết thành công cổ phiếu trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Trong bối cảnh các yêu cầu kiện toàn về bộ máy quản trị và nâng cao chất lượng dịch vụ ngày càng tăng cao, việc niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán mang lại cả những cơ hội và thách thức, đưa Ngân hàng trở thành một định chế tài chính chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả hàng đầu Việt Nam.

Những thành tựu có được trong 5 năm qua được tạo nên bởi sự tập trung cao độ và nỗ lực không ngừng nghỉ của toàn thể cán bộ nhân viên trên con thuyền VPBank, theo kim chỉ nam do Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đề ra. Tập thể VPBank tin rằng, đây mới chỉ là một số trong những thành quả đầu tiên và còn rất nhiều mục tiêu mà Ngân hàng có thể đạt được trong hành trình 5 năm tới, với nền tảng đã xây dựng được cũng như tầm nhìn xa và sự đồng lòng của toàn thể cán bộ nhân viên Ngân hàng. Chúng tôi xin bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới các Quý vị cổ đông, Quý khách hàng và đối tác đã đồng hành và ủng hộ VPBank trong năm vừa qua. Chúng tôi cũng đặc biệt cảm ơn sự đóng góp của Ban Điều hành, các cán bộ quản lý, cùng toàn thể cán bộ nhân viên VPBank đã chung sức cho sự phát triển của Ngân hàng.

Tính đến 31/12/2017, huy động tăng trưởng 16% so với cùng kỳ năm 2016, lợi nhuận trước thuế đạt 8.130 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu tăng 73%, chi phí trích lập dự phòng rủi ro ở mức 8.001 tỷ đồng, đảm bảo phản ánh đúng thực tế, chất lượng hoạt động, cũng như sự an toàn của Ngân hàng. Kết quả kinh doanh nêu trên đã giúp VPBank củng cố vị trí trong nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần có quy mô và lợi nhuận cao hàng đầu tại Việt Nam hiện nay. Về mặt hiệu quả, chỉ tiêu ROAE của Ngân hàng đạt 27.5%, cao nhất trong nhóm ngân hàng trên thị trường.

Về hoạt động kinh doanh, VPBank tiếp tục đẩy mạnh phát triển ba mảng kinh doanh trọng tâm phục vụ phân khúc khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, và tín dụng tiêu thương. Đối với các mảng kinh doanh khác, năm 2017 cũng là một năm thành công, xét về hiệu quả từ các Khối Khách hàng Doanh



nh nghiệp lớn, Khối Thị trường Tài chính, Trung tâm Định chế tài chính và Ngân hàng giao dịch... Các đơn vị kinh doanh này đã chủ động đẩy mạnh khai thác các sản phẩm dịch vụ riêng biệt, song song với phối hợp liên khối và đối tác bên ngoài một cách chặt chẽ để thực hiện các chương trình bán chéo, chương trình tài trợ chuỗi nhằm phục vụ khách hàng tốt nhất lại vừa tối ưu hóa kết quả kinh doanh của toàn Ngân hàng năm 2017. Năm vừa qua tiếp tục đánh dấu thành công trong mảng kinh doanh tín dụng tiêu dùng của VPBank. Tốc độ tăng trưởng của mảng tín dụng tiêu dùng được duy trì trung bình xấp xỉ 40%/năm, tính trên các chỉ số quan trọng về khách hàng và kết quả kinh doanh, đóng góp lớn vào lợi nhuận cho Ngân hàng.



suất, chất lượng hoạt động. Sự thành công trong công tác xây dựng và chuyển đổi các hệ thống này là yếu tố quyết định lên các mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, năng lực quản trị hệ thống, và củng cố hiệu quả tăng trưởng trong năm 2018.

Môi trường kinh tế vĩ mô năm 2018 dự kiến còn nhiều biến động phức tạp do tác động từ các điều kiện chính trị - kinh tế thế giới, cũng như các yếu tố nội tại của kinh tế vĩ mô Việt Nam, đặc biệt là yêu cầu ngày càng cao hơn từ phía các cơ quan quản lý đối với các chuẩn mực quản trị trong lĩnh vực ngân hàng. Nền kinh tế vẫn đang trên đà phục hồi, tạo điều kiện cho bức tranh ngành ngân hàng trở nên sáng hơn sau thời kỳ tái cấu trúc. Các ngân hàng đang lấy lại vị thế, đẩy mạnh tăng trưởng, tạo ra áp lực cạnh tranh rất cao trên thị trường, đặc biệt là trong phân khúc khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trước những cơ hội và thách thức mới, VPBank đã thông qua chiến lược 5 năm cho giai đoạn 2018 – 2022 với những mục tiêu tham vọng. Chiến lược mới sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng của sự tăng trưởng, đảm bảo cho Ngân hàng tiếp tục là ngọn cờ dẫn đầu về tăng trưởng và hiệu quả trên mọi mặt, củng cố vị trí dẫn đầu trong chiến lược bán lẻ và ngân hàng số.

Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, và toàn thể cán bộ nhân viên VPBank tin rằng, khi chung một chí hướng, chúng tôi sẽ cùng vượt qua mọi thách thức để vươn tới mục tiêu là một trong các ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam vào cuối năm 2018.

Xin trân trọng cảm ơn!

Đằng sau kết quả kinh doanh nổi trội, không thể không kể đến vai trò quan trọng của hệ thống nền tảng với những chuyển đổi và hoàn thiện tích cực. Nhằm thích ứng với các xu hướng thị trường và hành vi tiêu dùng khách hàng, cũng như nâng cao năng lực quản trị, VPBank đã triển khai 11 dự án trọng điểm trên toàn ngân hàng. Đa số các hoạt động chuyển đổi này đều hướng tới chuyển đổi mô hình kinh doanh và vận hành tập trung hóa, chuyên môn hóa nhằm tách bạch độc lập các nghiệp vụ về tài chính, quản trị rủi ro, vận hành, sản phẩm... dựa trên nền tảng tự động hóa với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin. Các chỉ số tác động trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả hoạt động được đo lường sát với bản chất, giúp kịp thời xác định và tháo gỡ các khó khăn, liên tục cải thiện hiệu

Ngô Chí Dũng
Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

**Ngân hàng
TMCP tốt nhất
Việt Nam**
International Banker (UK)

**Giải pháp
Ngân hàng số
tốt nhất
Việt Nam**
The Asian Banker

**Ngân hàng cung cấp
sản phẩm vay
tín chấp ưu việt nhất
Việt Nam**
The Asian Banker

TỔNG QUAN VỀ VPBANK



2017

- Niêm yết 1,33 tỷ cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HoSE), chào bán riêng lẻ gần 165 triệu cổ phiếu, thu về 6.424 tỷ đồng. Qua đó giúp tăng vốn điều lệ của Ngân hàng lên 15.706 tỷ đồng.
- Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của VPBank đạt 25.026 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 8.130 tỷ đồng, là ngân hàng hoạt động hiệu quả nhất và dẫn đầu khối ngân hàng TMCP tư nhân.
- Thành lập Khối Ngân hàng số - VPDirect với mục tiêu xây dựng VPBank thành một ngân hàng hoàn toàn trên nền tảng số.
- Giành 20 giải thưởng danh giá từ các tổ chức trong nước và quốc tế.
- Được Moody's nâng mức xếp hạng tiền gửi dài hạn và xếp hạng nhà phát hành lên B2 từ B3.
- Hoàn thành thực thi chiến lược 5 năm giai đoạn 2012-2017 và tiến hành xây dựng chiến lược cho 5 năm tiếp theo 2018-2022.

2015

- Tiên phong trong việc thành lập và đẩy mạnh các mảng kinh doanh mới như Dịch vụ Tín dụng Tiểu thương (Household Business), Dịch vụ Ngân hàng Công nghệ số (Digital Banking Service).
- Tập trung hóa dịch vụ khách hàng đảm bảo đồng nhất chất lượng dịch vụ toàn hệ thống.
- Xếp hạng 21 trong số các đơn vị nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- Giành 6 giải thưởng quốc tế uy tín.

2013

- Xây dựng và triển khai giai đoạn 1 của Chương trình Chuyển đổi-Thúc đẩy tăng trưởng và đẩy mạnh nền tảng.
- Xây dựng lộ trình tổng thể cho lĩnh vực quản trị rủi ro và công nghệ thông tin.
- Tổ chức lại các đơn vị kinh doanh, hỗ trợ và mạng lưới phân phối.
- Lần đầu tiên Moody's xếp hạng tín nhiệm VPBank ở mức B3 với triển vọng "Ổn định".

2011

- Chuyển sang mô hình ngân hàng bán lẻ hiện đại bằng việc triển khai 6 sáng kiến chiến lược với sự tư vấn, hỗ trợ của công ty McKinsey & Company.
- Ra mắt các điểm giao dịch chuẩn đầu tiên theo mô hình mới.
- Lần đầu tiên vốn điều lệ vượt 5.000 tỷ đồng.
- Lần đầu tiên lợi nhuận trước thuế vượt 1.000 tỷ đồng.

2016

- Lần đầu tiên tổng tài sản vượt 200.000 tỷ đồng, cấu trúc tài sản tập trung tăng trưởng bền vững với sự đóng góp đáng kể của các hoạt động cốt lõi.
- Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của VPBank đạt gần 16.900 tỷ đồng, riêng Ngân hàng đạt gần 9.300 tỷ đồng, và dẫn đầu khối ngân hàng TMCP tư nhân.
- Lần đầu tiên được Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) phê duyệt khoản vay dài hạn trị giá 133 triệu USD.
- Chuyển Trụ sở miền Bắc về VPBank Tower, 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội và chuyển Trụ sở miền Nam về VPBank Tower Saigon, 1-1A-2 Tôn Đức Thắng, Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với cơ sở vật chất hiện đại bậc nhất, khẳng định vị thế dẫn đầu của Ngân hàng.

2014

- Là 1 trong 10 ngân hàng hàng đầu Việt Nam được lựa chọn thực hiện phương pháp quản trị vốn và rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II vào năm 2015.
- Mua lại thành công Công ty Tài chính Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam và đổi tên thành Công ty Tài chính VPBank (VPB FC), tập trung cung cấp các sản phẩm và dịch vụ cho thị trường tài chính tiêu dùng đại chúng.
- Là ngân hàng đầu tiên trên thị trường thành lập một Ủy ban Dữ liệu với đầy đủ chức năng quản lý dữ liệu tổng thể.
- Được công nhận là thương hiệu quốc gia lần thứ 2.

2012

- Xây dựng và công bố chiến lược phát triển của VPBank giai đoạn 2012-2017 với sự hỗ trợ của công ty McKinsey & Company hướng tới mục tiêu trở thành 1 trong 3 ngân hàng TMCP bán lẻ lớn nhất.
- Hoàn thành bản đồ chiến lược chi tiết, sẵn sàng cho việc triển khai các hoạt động thực tế nhằm đạt được kế hoạch đề ra.
- Thành lập Khối Quản trị Rủi ro và củng cố khung quản trị rủi ro.
- Được vinh danh là một trong các thương hiệu quốc gia tiêu biểu nhất.

2010

- Đổi tên thành Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
- Ra mắt logo và bộ nhận diện thương hiệu mới.
- Thí điểm triển khai mô hình chi nhánh ngân hàng bán lẻ hiện đại với sự hỗ trợ của công ty tư vấn quốc tế McKinsey & Company.
- Thành lập bộ phận Tín dụng tiêu dùng dưới thương hiệu FE Credit.

VPBANK

8 ĐIỂM SÁNG

TIÊU BIỂU

DUY TRÌ ĐÀ TĂNG TRƯỞNG MẠNH, LỢI NHUẬN TĂNG GẦN 65%

Kết thúc 5 năm triển khai chiến lược giai đoạn 2012 – 2017, VPBank duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định. Tổng thu nhập hoạt động đạt 25.026 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 8.130 tỷ đồng, dư nợ cấp tín dụng đạt 196.673 tỷ đồng, huy động và phát hành giấy tờ có giá đạt 199.655 tỷ đồng, đứng đầu trong khối các ngân hàng thương mại cổ phần đối với các chỉ tiêu lợi nhuận.

01



02



NIỆM YẾT THÀNH CÔNG TRÊN SÀN CHỨNG KHOÁN HOSE

VPBank chính thức niêm yết 1.33 tỷ cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM (HoSE) với giá tham chiếu 39.000 đồng/cổ phiếu. Tiếp đó, Ngân hàng đã thực hiện phát hành riêng lẻ gần 165 triệu cổ phiếu và thu về hơn 6.400 tỷ đồng giúp vốn điều lệ tăng từ 14.059 tỷ đồng lên 15.706 tỷ đồng, tạo đà cho Ngân hàng phát triển trong những năm tới.

FE CREDIT ĐẠT KẾT QUẢ KINH DOANH ẤN TƯỢNG

Nam 2017, FE Credit đã đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng: dư nợ tăng 40%, lần đầu tiên đạt gần 45.000 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế tăng gần 68% từ gần 2.000 tỷ đồng trong năm 2016 lên 3.358 tỷ đồng năm 2017. Kết quả kinh doanh nổi bật của FE Credit có được là nhờ mở rộng nhanh chóng cơ sở khách hàng bằng việc sử dụng nguồn dữ liệu lớn (big data) từ các đối tác. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện thành công việc chuyển đổi nền tảng công nghệ thông tin để tạo điều kiện cho việc số hóa, tự động hoá quy trình và dịch vụ khách hàng.

03



THÀNH LẬP TRUNG TÂM SỐ HÓA NGÂN HÀNG

Nhằm tập trung đẩy nhanh quá trình số hoá, với tư vấn của McKinsey, VPBank đã thành lập Trung tâm Số hoá Ngân hàng (Digital Lab). Digital Lab là nơi tập trung các nguồn lực và kỹ năng thiết yếu cho công cuộc số hoá các hành trình trải nghiệm khách hàng, cũng là nơi ươm trồng những mô hình kinh doanh số mới. Nhờ đó, số người dùng dịch vụ ngân hàng trực tuyến của VPBank tăng gấp 2 lần so với 2016.

04



05



PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI ĐỐI TÁC ĐA DẠNG

Phát triển hệ sinh thái đối tác đa dạng là một trong những chiến lược trọng tâm của VPBank. Cho đến nay VPBank đã có 17 đối tác, trong đó phải kể đến việc tăng cường hợp tác với các công ty viễn thông, tập đoàn bảo hiểm lớn nhằm phát triển số lượng khách hàng và tối đa hóa tiện ích cho khách hàng.

KÝ HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC DÀI HẠN VỚI AIA VIỆT NAM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA Việt Nam (AIA Việt Nam) và VPBank chính thức công bố việc ký kết thỏa thuận hợp tác phân phối bảo hiểm độc quyền, kéo dài 15 năm. Hợp tác độc quyền dài hạn này cho phép cả AIA Việt Nam và VPBank cùng đầu tư và cam kết xây dựng một nền tảng bancassurance hàng đầu trên thị trường trên cơ sở tích hợp các giải pháp kỹ thuật số, các chương trình huấn luyện - đào tạo tốt nhất và phương thức tiếp cận mới để phục vụ khách hàng tốt hơn.

06



07



NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI THÔNG QUA DỰ ÁN HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG KHỞI NGHIỆP (VPBANK STARTUP)

VPBank chính thức giới thiệu Dự án Hỗ trợ cộng đồng khởi nghiệp mang tên VPBank StartUp với tổng giá trị hỗ trợ lên tới 1 triệu USD trong năm đầu tiên. VPBank StartUP đánh dấu bước đi mới của Ngân hàng trong việc triển khai các hoạt động thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR), trong đó tập trung vào việc hỗ trợ toàn diện cho cộng đồng khởi nghiệp tại Việt Nam, hưởng ứng chủ trương lớn của Chính phủ và các thành phố lớn trên cả nước.

NHẬN 20 GIẢI THƯỞNG UY TÍN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

VPBank nhận được 20 giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế trong năm 2017, khẳng định vị thế hàng đầu trên nhiều phương diện của VPBank trên thị trường tài chính - ngân hàng Việt Nam

08





CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ CHỨNG NHẬN UY TÍN TRONG NĂM 2017

Năm 2017 đánh dấu sự phát triển vượt trội của VPBank về thương hiệu sau khi được các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế trao tặng 20 giải thưởng và danh hiệu.

Cụ thể, công ty Brand Finance, công ty tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới, đã xếp hạng VPBank là một trong 22 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam năm 2017, tăng 4 bậc so với năm 2016. Tạp chí Forbes cũng xếp hạng VPBank đứng thứ 2 trong số các ngân hàng thương mại cổ phần về giá trị thương hiệu. Trong khi đó tạp chí Global Brands Magazine trao tặng giải thưởng “Thương hiệu Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2017” cho VPBank.

Ngoài ra, VPBank cũng nhận được các giải thưởng uy tín khác như: “Giải pháp tốt nhất cho phân khúc thẻ 2017” do Mastercard bình chọn; “Ngân hàng TMCP tốt nhất Việt Nam 2017” do International Banker bình chọn; “Ngân hàng dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tốt nhất Việt Nam năm 2017”, “Ngân hàng có Dịch vụ Quản lý dòng tiền tốt nhất cho doanh nghiệp vừa và nhỏ năm 2017” và “Sản phẩm tín dụng tốt nhất của năm” (Sản phẩm Thuế+ của CommCredit) do Asian Banking and Finance bình chọn. Trong năm nay, The Asian Banker – tạp chí uy tín hàng đầu về tài chính và ngân hàng tại khu vực châu Á – cũng đã dành cho VPBank ba giải thưởng, bao gồm: “Giải pháp Ngân hàng số tốt nhất Việt Nam”, “Ngân hàng cung cấp sản phẩm vay tín chấp ưu việt nhất Việt Nam” và “Sản phẩm vay tín chấp tốt nhất khu vực châu Á”. Tạp chí Asia Money

bình chọn VPBank là “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ năm 2017”, bởi các sáng kiến đột phá, các sản phẩm chuyên biệt và gói tài chính ưu việt, giúp đem đến giải pháp tối ưu cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ vốn chưa có nhiều kinh nghiệm về quản lý tài chính cũng như luôn ở trong tình trạng thiếu hụt nguồn vốn.

Vietnam Report, công ty uy tín trong lĩnh vực xếp hạng và đánh giá doanh nghiệp của Việt Nam, cũng công nhận VPBank nằm trong Top 10 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam, Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam và Top 50 doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam.

Trong năm 2017, VPBank cũng vinh dự là ngân hàng duy nhất được Công ty Anphabe và Nielsen bầu chọn là 1 trong 5 “Nơi làm việc hạnh phúc nhất Việt Nam”. Employer Branding Institute cũng bình chọn VPBank nằm trong Top 100 Thương hiệu tuyển dụng hàng đầu châu Á.

Số lượng giải thưởng và danh hiệu đạt được cho thấy sự đánh giá cao của các tổ chức trong và ngoài nước về chất lượng dịch vụ của các sản phẩm và sự đóng góp của VPBank vào nền kinh tế. Những giải thưởng và danh hiệu trên cũng thể hiện sự lớn mạnh của VPBank không chỉ ở khía cạnh kinh doanh, mà còn cả ở sức mạnh thương hiệu, và khẳng định vị thế của một trong những ngân hàng lớn nhất Việt Nam.

KẾT QUẢ

TÀI CHÍNH



Ngân hàng có
dịch vụ quản lý
dòng tiền tốt nhất
cho DN vừa & nhỏ



Asian Banking Finance



Top 50 DN có
giá trị thương hiệu
cao nhất Việt Nam



Brand Finance

PHẦN 1. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2017

Năm 2017, trong bức tranh nhiều khởi sắc của kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam đã có những thành tích ấn tượng. GDP tăng 6,81% vượt qua mục tiêu 6,7% Quốc hội đề ra, là mức tăng trưởng cao nhất trong 6 năm trở lại đây. Bên cạnh tăng trưởng mạnh mẽ, các chỉ số kinh tế vĩ mô quan trọng đều được duy trì ổn định và có những cải thiện tích cực. Lạm phát năm 2017 ở mức dưới 5%, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình giai đoạn 2011-2017 6,5%. Tỷ lệ nợ công trên GDP giảm xuống còn 62% so với 63,6% năm 2016. Tốc độ tăng nợ công có xu hướng giảm. Cán cân thương mại được cải thiện. Bên cạnh đó, nền kinh tế còn đối mặt nhiều thách thức như tăng trưởng phụ thuộc nhiều vào lĩnh vực xuất khẩu và FDI, xu hướng bảo hộ trên thế giới, nợ công còn ở mức cao, ngân sách thiếu hụt.

Ngành tài chính ngân hàng Việt Nam đã có những đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế và ổn định vĩ mô. Tỷ giá ổn định, lãi suất được duy trì ở mức thấp. Tính đến 20/12/2017, tổng phương tiện thanh toán tăng 14,19%, tăng trưởng tín dụng đạt 16,96%, tăng trưởng huy động thấp hơn ở mức 14,5%, tuy nhiên thanh khoản hệ thống

vẫn được đảm bảo và dồi dào. Bên cạnh tăng trưởng, Ngân hàng Nhà nước rất chú trọng vấn đề xử lý nợ xấu giúp ổn định và cải thiện chất lượng tài sản.

Việc tái cấu trúc các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu tiếp tục là trọng tâm, cụ thể hóa trong việc ban hành Nghị quyết 42/2017/QH14 và thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng. Tháng 10 năm 2017, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's công bố triển vọng của ngành ngân hàng Việt Nam là Tích cực ghi nhận những biến chuyển mạnh mẽ của nền kinh tế cũng như ngành tài chính ngân hàng.

Với VPBank, năm 2017 là một năm đặc biệt thành công với nhiều thành tựu lớn, là điểm sáng của ngành ngân hàng Việt Nam. Giai đoạn triển khai chiến lược 5 năm 2012-2017 đã kết thúc và gặt hái thành công rực rỡ: tăng trưởng đi vào ổn định và bền vững, phát triển có chọn lọc và có chiều sâu mang đến chất lượng và hiệu quả vượt trội. Nhờ đó, VPBank sẵn sàng bước vào giai đoạn chiến lược tiếp theo 2018-2022 với nhiều khát vọng mới.



Lễ trao quyết định niêm yết và chào mừng ngày giao dịch chính thức cổ phiếu VPBank trên HoSE

PHẦN 2. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2017

1. QUY MÔ HOẠT ĐỘNG TIẾP TỤC TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH VÀ BỀN VỮNG VỚI TRỌNG TÂM HƯỚNG ĐẾN CÁC PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG CHIẾN LƯỢC.

VPBank đã thực hiện chuyển đổi thành công về mọi mặt theo chiến lược kinh doanh. Năm 2017 kết thúc giai đoạn 2 của chương trình chuyển đổi toàn diện (2012-2017) đã đánh dấu những bút phá vượt bậc dựa trên những nền tảng vững chắc được xây dựng trong giai đoạn trước. Giai đoạn 1 của chương trình (2012-2015) là phát triển về quy mô và củng cố hệ thống nền tảng, giai đoạn 2 (2015-2017) là sự phát triển sâu sắc về chất lượng và tăng trưởng có chọn lọc. Theo đó quy mô tăng trưởng ổn định bền vững, cơ cấu tăng trưởng thể hiện những biến chuyển chiến lược tập trung vào các lĩnh vực hiệu quả nhất, nhờ đó tăng trưởng về mặt hiệu quả của VPBank vượt xa tăng trưởng về quy mô, một lần nữa khẳng định chiến lược đúng đắn và nỗ lực thực thi chiến lược quyết liệt, mạnh mẽ của VPBank.

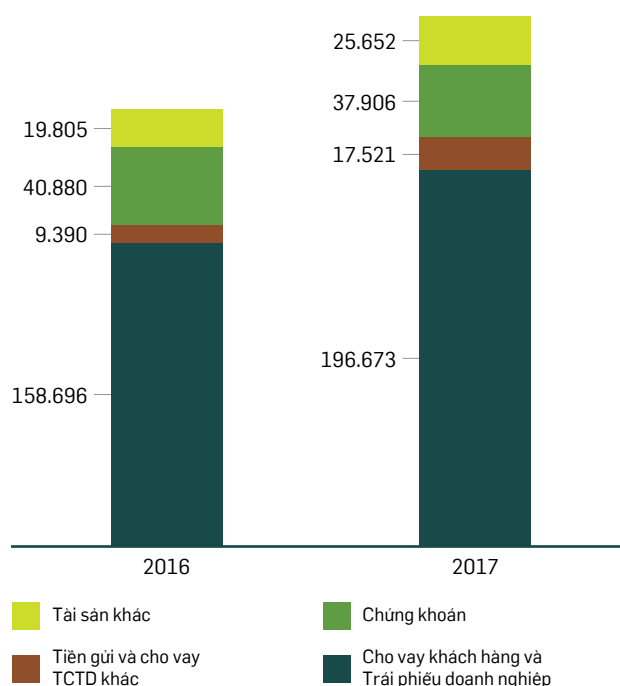
1.1 Cấu trúc tài sản dịch chuyển theo hướng nâng cao các tài sản có chất lượng tốt và tối ưu hóa hiệu quả.

Tổng tài sản (TTS) của VPBank đạt 277.752 tỷ đồng, tăng trưởng 21,4% so với cuối năm 2016. Tài sản tiếp tục tăng trưởng với cấu trúc bền vững, hiệu quả với sự đóng góp đáng kể của các hoạt động cốt lõi, trong đó, cho vay khách hàng tăng trưởng mạnh nhất với mức 26,3%, đóng góp 66% tổng tài sản. Dự nợ cấp tín dụng (gồm Cho vay khách hàng và Trái phiếu doanh nghiệp) năm 2017 tăng ròng gần 38.000 tỷ đồng, tương đương tăng trưởng gần 24% so với cuối năm 2016, cao hơn đáng kể so với trung bình ngành.

Năm 2017, VPBank tiếp tục đặt trọng tâm tăng trưởng vào bốn trụ cột kinh doanh chính gồm Tín dụng Tiêu dùng, Khách hàng Cá nhân (KHCCN), Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và phân khúc tương đối mới Tín dụng Tiêu thương và tiếp tục đạt kết quả tăng trưởng ấn tượng giúp tỷ trọng đóng góp của các phân khúc này vào tổng dự nợ cấp tín dụng lên đến 71%. Trong năm 2017, dự nợ tín dụng của Khối KHCCN tăng 25%, Khối SME tăng 20%, Khối Tín dụng Tiêu thương tăng 77% so với năm 2016. Đặc biệt mảng tín dụng tiêu dùng tiếp tục là điểm sáng với mức tăng trưởng 40% so với 2016.

Cấu trúc sản phẩm cho vay (product mix) cũng có nhiều thay đổi theo hướng phát triển mạnh các sản phẩm đem lại lợi nhuận cao như cho vay tín chấp, vay tiêu dùng, vay qua thẻ tín dụng. Theo đó, quy mô cho vay tín chấp năm 2017 tăng hơn 22.800 tỷ đồng, tương đương tăng

CO CẤU TỔNG TÀI SẢN (tỷ đồng)



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2017

tương 50% so với cuối năm 2016.

Với việc tập trung vào mô hình bán lẻ và phát triển các sản phẩm tín chấp, VPBank hết sức chú trọng công tác quản trị rủi ro và thu hồi nợ. Các chính sách tín dụng được điều chỉnh kịp thời và hợp lý, phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước cũng như nhu cầu quản trị của Ngân hàng. Các kỹ thuật tiên tiến và chuẩn mực quốc tế được VPBank tích cực tiếp cận. Trong đó phải kể đến việc khai thác dữ liệu lớn (Big Data) hiệu quả, hỗ trợ đắc lực cho công tác chọn lọc khách hàng, quản trị danh mục, tăng cường bán chéo và nâng cao hiệu quả thu nợ sớm. Công tác thu nợ được triển khai hiệu quả với nhiều biện pháp toàn diện như áp dụng công nghệ vào vận hành, hỗ trợ xây dựng kế hoạch tài chính cho khách hàng gặp khó khăn nhằm tối đa hóa khoản thu cho Ngân hàng, tăng cường chất lượng nhân sự đội ngũ thu hồi nợ. Đồng thời, Nghị quyết 42/2017/QH14 được Quốc hội ban hành về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng cũng đã tạo ra hành lang pháp lý thuận tiện hơn cho công tác thu hồi nợ. Nhờ vậy, tỷ lệ nợ xấu của VPBank luôn được kiểm soát chặt chẽ, duy trì ở mức dưới 3% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước

Hoạt động đầu tư được đa dạng hóa tận dụng các cơ hội của thị trường để gia tăng lợi nhuận cho Ngân hàng, đa dạng hóa nguồn thu nhập song song với việc kiểm soát và quản lý rủi ro thanh khoản, vì vậy danh mục chứng khoán (không bao gồm trái phiếu doanh nghiệp) chủ yếu là Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo

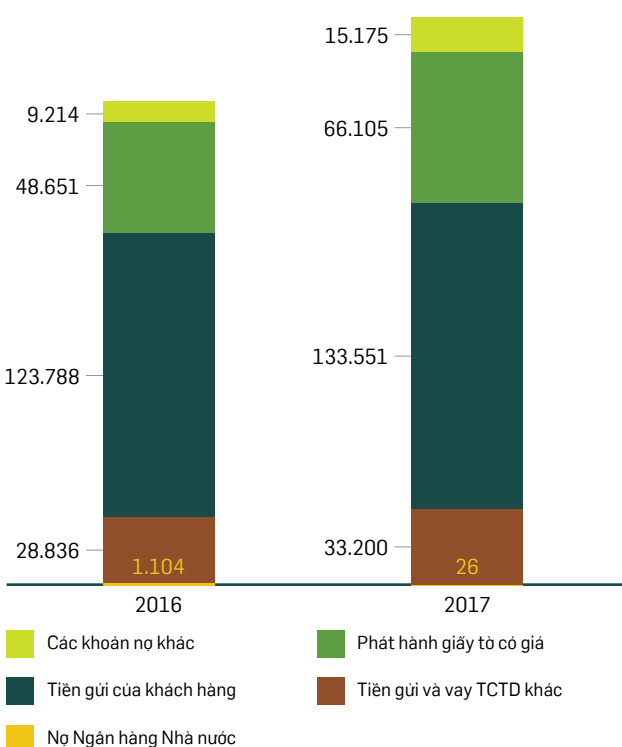
lãnh với số dư gần 31.500 tỷ đồng cuối năm 2017 chiếm 83% trong tổng danh mục chứng khoán.

1.2 Nguồn vốn đa dạng, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn; cơ cấu dịch chuyển theo chiến lược huy động vốn.

VPBank hướng đến đa dạng hóa nguồn huy động với các sản phẩm huy động phong phú, đảm bảo nguồn vốn cho vay, an toàn thanh khoản và tạo điều kiện cho tăng trưởng. Chiến lược về huy động luôn đi đôi chiến lược về cho vay và đầu tư, đảm bảo cơ cấu tài sản Ng-Có hợp lý và an toàn. Nguồn huy động của VPBank rất dồi dào từ đối tượng khách hàng phong phú bao gồm: cá nhân, tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng, các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế. Năm 2017, VPBank cũng tiếp tục đẩy mạnh huy động thông qua phát hành giấy tờ có giá, củng cố nguồn vốn trung dài hạn, duy trì tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ở mức an toàn. Mặt khác, các chính sách huy động của VPBank rất linh hoạt, phản ánh kịp thời các thay đổi của thị trường, tình hình vĩ mô cũng như nhu cầu của Ngân hàng. Nhờ chiến lược toàn diện và bao quát, nguồn vốn huy động của VPBank đã tăng trưởng phù hợp với tiến độ tăng trưởng tài sản và cấu trúc tài sản, cơ cấu nguồn vốn lành mạnh hợp lý và hiệu quả, cung cấp đủ vốn trung dài hạn phục vụ tăng trưởng.

Tổng nợ phải trả đến cuối năm 2017 đạt 248.057 tỷ đồng, tăng 36.464 tỷ đồng, tương đương tăng 17% so với cuối năm 2016. Trong đó, đóng góp phần lớn là Tiền gửi

CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ (tỷ đồng)



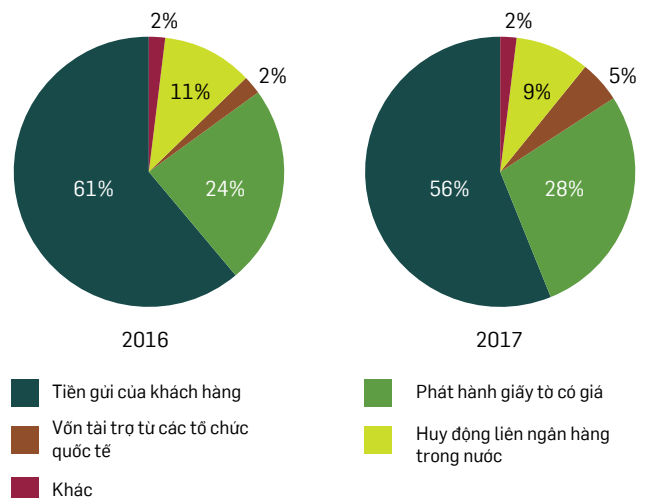
Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2017

khách hàng (chiếm tỷ trọng 54%) và Phát hành giấy tờ có giá (chiếm tỷ trọng 27%).

Tổng vốn huy động (gồm Tiền gửi của khách hàng, Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, Phát hành giấy tờ có giá và Vốn tài trợ từ các tổ chức quốc tế) tại thời điểm 31/12/2017 đạt 236.781 tỷ đồng, tăng trưởng 16% so với 2016. Trong đó Tiền gửi của khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá đạt 199.655 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 27.200 tỷ đồng tương ứng tăng 16% so với năm trước, với sự tăng trưởng mạnh ở các phân khúc chiến lược của Ngân hàng.

Cơ cấu huy động trong năm 2017 tiếp tục ghi nhận sự dịch chuyển lớn theo hướng đa dạng và bền vững hơn, huy động từ tiền gửi truyền thống dịch chuyển sang huy động thông qua phát hành giấy tờ có giá, giúp quy mô giấy tờ có giá đạt 66.105 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2016, giúp tăng tỷ trọng đóng góp lên 28% cuối năm 2017 (tỷ trọng năm 2016 là 24%). Nhờ huy động từ phát hành giấy tờ có giá nguồn huy động dài hạn được củng cố, hỗ trợ tăng trưởng tài sản dài hạn cũng như các tỷ lệ an toàn trong cơ cấu cho vay – huy động.

CƠ CẤU HUY ĐỘNG



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2017

Bên cạnh đó tài trợ từ các tổ chức quốc tế tăng lên đáng kể với quy mô hơn 11.100 tỷ đồng, gấp 2,7 lần so với năm trước, đã góp phần vào việc đa dạng hóa nguồn huy động của Ngân hàng, khẳng định vị thế và uy tín của VPBank với các đối tác quốc tế.

1.3 Củng cố nguồn vốn chủ sở hữu, đảm bảo an toàn và hỗ trợ tăng trưởng bền vững.

Năm 2017 cũng đánh dấu một bước đi chiến lược của VPBank với việc tăng vốn và niêm yết trên thị trường chứng khoán. Sau khi niêm yết trên Trung tâm Giao

dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) vào tháng 8/2017, VPBank đã phát hành thêm gần 165 triệu cổ phiếu phổ thông với mức giá 39.000 đồng/cổ phiếu, tăng vốn tự có thêm hơn 6.400 tỷ đồng. Đến 31/12/2017, VPBank ghi nhận tổng vốn chủ sở hữu 29.696 tỷ đồng, tăng 73% so với 2016.

Các nguồn tăng vốn bên ngoài kể trên cùng với chính sách giữ lại lợi nhuận giúp VPBank đảm bảo các tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật và tuân thủ Basel II, hỗ trợ đà tăng trưởng mạnh mẽ của VPBank trong ít nhất 3 năm tới. Chỉ số tổng tài sản trên vốn chủ sở hữu (Equity multiplier) giảm từ 13.32 năm 2016 xuống 9.35 năm 2017, thấp hơn nhiều so với trung bình ngành và tiệm cận các thông lệ tốt của các ngân hàng trong khu vực.

2. KẾT QUẢ KINH DOANH TĂNG TRƯỞNG VƯỢT TRỘI VỚI CÁC CHỈ SỐ HIỆU QUẢ TIẾP TỤC ĐƯỢC CẢI THIỆN MẠNH MẼ

2.1 Tổng thu nhập hoạt động thuần (TOI) tăng trưởng cao nhờ dịch chuyển cơ cấu thu nhập và thay đổi cấu trúc sản phẩm

Tổng thu nhập hoạt động năm 2017 của VPBank đạt 25.026 tỷ đồng, tăng 48% so với 2016, ghi nhận là mức thu nhập cao nhất từ trước đến nay của Ngân hàng, giúp đưa tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) trong giai đoạn 2012-2017 đạt 51%. Tăng trưởng TOI của VPBank cao hơn nhiều so với tăng trưởng quy mô là thành quả của chiến lược tăng trưởng tập trung vào phân khúc có tỷ lệ lãi cao; chất lượng tài sản được cải thiện; và hiệu quả trong việc huy động vốn và sử dụng nguồn vốn.

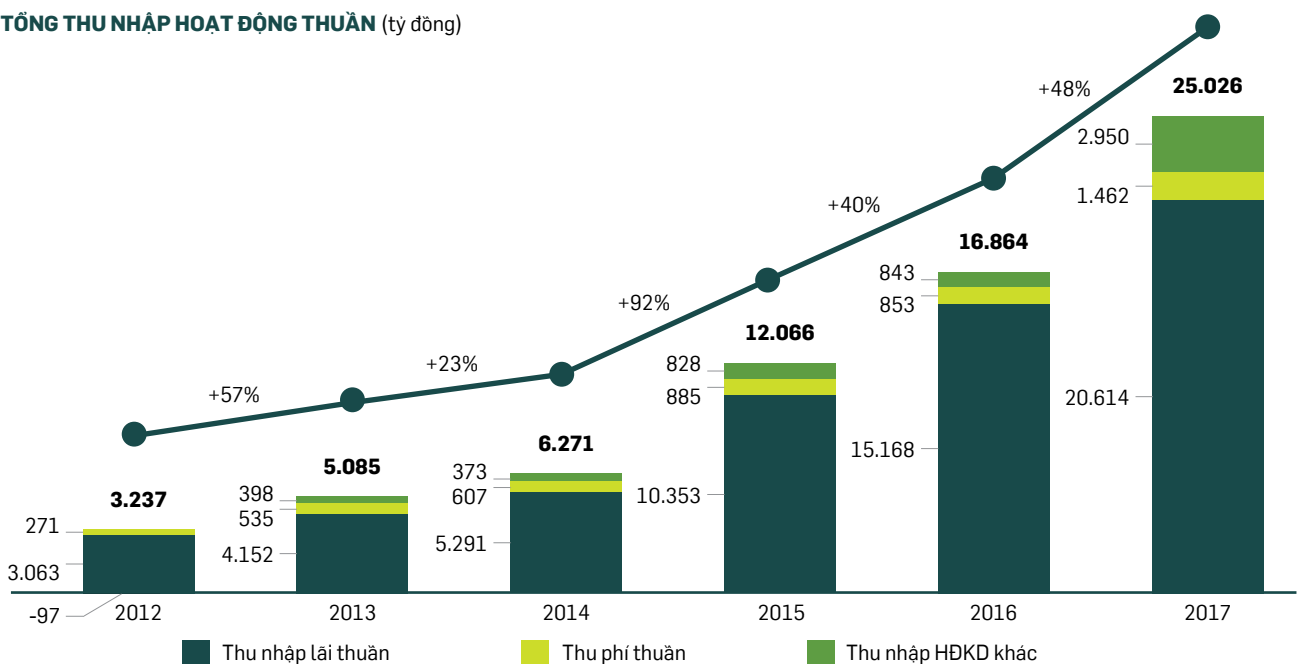
Thu nhập lãi thuần hết năm 2017 đạt 20.614 tỷ đồng, tăng 5.447 tỷ đồng tương đương tăng 36% so với năm 2016. Trong cơ cấu thu nhập lãi thuần, 2 yếu tố đóng góp lớn là thu lãi cho vay khách hàng có mức tăng 7.851 tỷ đồng tương đương 38%, cao hơn nhiều với mức tăng chi phí trả lãi (tăng 29%). Kết quả này có được nhờ việc:

- Duy trì tăng trưởng quy mô ngay từ đầu năm. Đồng thời, tập trung khai thác các sản phẩm có mức độ sinh lời cao như thẻ tín dụng, cho vay tín chấp, cho vay tiêu dùng, song song với việc nâng cao chất lượng tín dụng nhằm giảm thiểu việc thoái lãi khách hàng. Nhờ đó thu lãi cho vay khách hàng là cấu phần chính của thu nhập lãi thuần tăng 7.851 tỷ đồng, tăng 38% so với năm trước.
- Tối ưu hóa hiệu quả của bảng cân đối nhằm hướng tới sử dụng vốn một cách hiệu quả và an toàn nhất, thể hiện ở tỷ lệ cho vay trên huy động (tỷ lệ LDR theo Thông tư 02 của Ngân hàng Nhà nước) tăng lên 71% tại thời điểm cuối năm 2017.

Nhờ vậy, tỷ lệ biên thu nhập lãi thuần của Ngân hàng tiếp tục được tối ưu, tăng từ 7,7% năm 2016 lên 8,7% năm 2017, thể hiện mức sinh lời ngày càng cao trên mỗi đồng tài sản có sinh lời.

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ cũng là một mảng kinh doanh mang lại thu nhập lớn của Ngân hàng, với mức tăng trưởng 71% so với năm 2016, và đạt mức 1.462 tỷ đồng. Hàng loạt các dự án chiến lược của Ngân hàng nhằm tăng nguồn thu nhập từ phí đã mang lại kết quả tốt. Cơ cấu thu dịch vụ được chuyển dịch tích cực khi các dòng dịch vụ bán lẻ, hiện đại có tốc độ tăng trưởng tốt. Đáng chú ý mảng kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm đã mang lại mức doanh thu lên tới 2.206 tỷ đồng, tăng 46%

TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG THUẦN (tỷ đồng)



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán các năm

so với mức doanh thu năm 2016, và được kỳ vọng sẽ tiếp tục gia tăng trong những năm tới khi Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA Việt Nam và VPBank đã chính thức công bố việc ký kết thỏa thuận hợp tác phân phối bảo hiểm độc quyền kéo dài 15 năm.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác

Năm 2017, nhờ tận dụng tốt các cơ hội của thị trường, VPBank đã có một năm thành công trong hoạt động kinh doanh chứng khoán. Thu nhập thuần ở cả mua bán chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư đều có tăng trưởng cao, đạt 519 tỷ đồng.

Các khoản thu nhập còn lại đóng góp 2.536 tỷ đồng vào tổng thu nhập, chủ yếu đến từ thu các khoản nợ đã xóa và thu nhập từ khoản hỗ trợ ban đầu của đối tác bảo hiểm.

Xét về đóng góp của các phân khúc

Năm 2017, gần 79% tổng thu nhập hoạt động thuần của VPBank đến từ các phân khúc chiến lược.

Phân khúc KHCN tiếp tục có một năm thành công với mức tăng trưởng TOI bút phá ở mức 66% so với năm trước thể hiện được vai trò mũi nhọn là phân khúc chiến lược. Nhờ mô hình kinh doanh và chính sách sản phẩm phù hợp, Khối KHCN đã nâng tỷ trọng đóng góp trong tổng thu nhập toàn hệ thống từ 17% lên 19%.

Khối Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) cũng có một năm gặt hái được nhiều kết quả tốt, trong đó ghi nhận mức tăng trưởng TOI là 39%, nhờ tập trung quyết liệt vào tiểu phân khúc doanh nghiệp siêu nhỏ (Micro SME) với các sản phẩm cho vay tín chấp đơn giản đã tạo sự đột phá về lãi cận biên (margin).

Khối Tín dụng Tiêu thương năm 2017 có sự tăng trưởng cao cả về TOI và quy mô cho vay nhờ việc xây dựng mạng lưới rộng khắp cả nước giúp các tiểu thương được hỗ trợ tài chính kịp thời. Dự nợ cuối năm của khối đạt gần 3.400 tỷ đồng, giúp TOI tăng gấp 2,5 lần so với năm 2016.

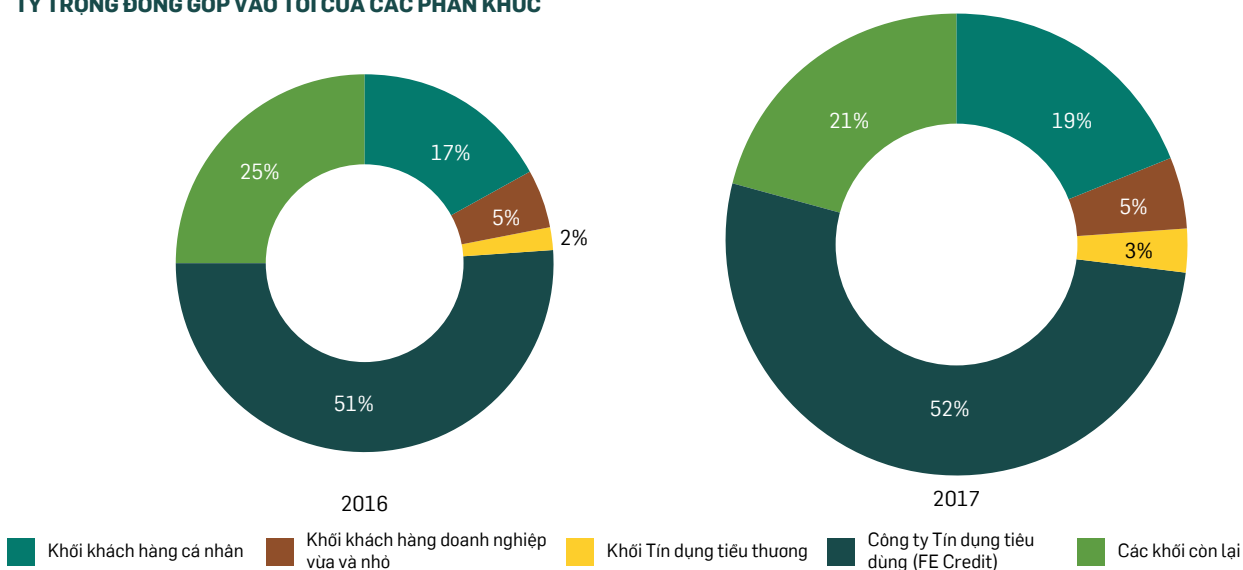
Mảng tín dụng Tiêu dùng với thương hiệu FE Credit tiếp tục khởi sắc ấn tượng cả về quy mô và hiệu quả hoạt động. Với ưu thế nắm giữ hơn 50% thị phần, cùng việc liên tục cải thiện sản phẩm dịch vụ một cách sáng tạo, linh hoạt, dễ tiếp cận song song với việc quản trị rủi ro hiệu quả, FE Credit đã tạo ra 12.957 tỷ đồng TOI năm 2017, tăng 52% so với năm trước.

Các mảng kinh doanh vệ tinh của Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn, Khối Thị trường Tài chính, Trung tâm Định chế tài chính và Ngân hàng giao dịch... cũng đánh dấu nhiều chuyển biến tích cực. Các đơn vị đã tận dụng tốt thế mạnh bằng việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng chuyên sâu, tăng cường bán chéo, tận dụng các cơ hội của thị trường... để gia tăng thu nhập cho Ngân hàng, giúp đóng góp 21% vào TOI toàn hệ thống.

2.2 Chi phí hoạt động được kiểm soát trên cơ sở tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

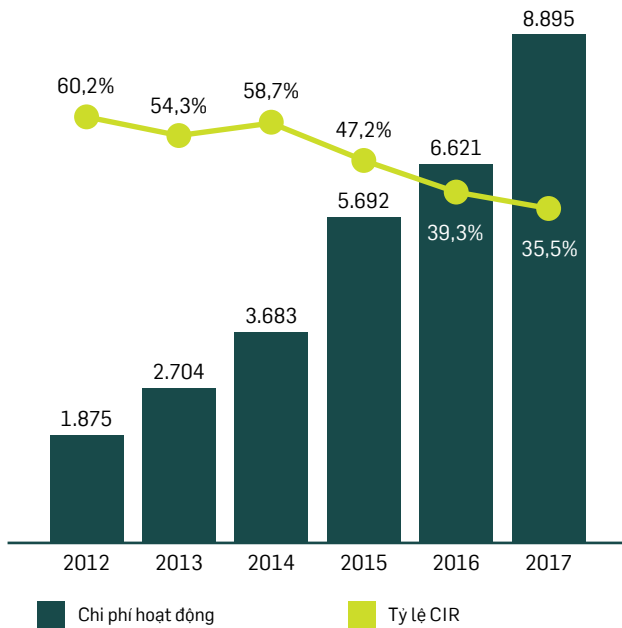
Năm 2017, VPBank tiếp tục tăng cường phân bổ ngân sách cho một số mảng kinh doanh mới và dự án trọng điểm (như dự án số hóa ngân hàng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, tự động hóa các khối hỗ trợ...), đồng thời tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng trang thiết bị cho công tác quản trị rủi ro và thu hồi nhằm cải thiện năng suất thu hồi nợ. Tổng chi phí hoạt động tăng 34% so với năm 2016 và thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng của thu nhập (48%) nên tỷ lệ chi phí hoạt động trong thu nhập hoạt động thuần (CIR) năm 2017 giảm mạnh xuống 35,5%.

TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP VÀO TOI CỦA CÁC PHÂN KHÚC



Nguồn: VPBank

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG (tỷ đồng)



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán

Trong cấu phần chi phí, các chi phí cho nhân viên, bao gồm cả chi phí lương thúc đẩy bán luôn được VPBank chú trọng đầu tư mạnh nhằm nâng cao chế độ lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ cho người lao động. Theo đó, tỷ lệ chi phí cho nhân viên chiếm 57% chi phí hoạt động trong năm 2017. Đối với các chi phí vận hành, ngân hàng kiểm soát ở mức ổn định bằng hàng loạt các dự án tối ưu hóa chi phí, đẩy mạnh số hóa và tự động hóa.

2.3 Chi phí dự phòng rủi ro được trích lập đầy đủ theo quy định.

Trong năm 2017, VPBank đã trích lập hơn 8.000 tỷ đồng chi phí dự phòng rủi ro, tăng 51% so với năm 2016 và tương đương với 32% tổng thu nhập hoạt động thuần năm 2017. Mức trích lập cao hơn năm trước chủ yếu do tái cấu trúc các danh mục đầu tư, sử dụng dự

phòng để xử lý rủi ro và trích lập cho trái phiếu VAMC nên tăng chủ yếu ở các khoản trích cho nội bảng.

2.4 Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng ấn tượng, các tỷ suất sinh lời và hiệu quả sử dụng vốn đều được nâng cao

Kết thúc năm tài chính 2017, lợi nhuận trước thuế hợp nhất của VPBank đạt 8.130 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng ấn tượng với 65%, cao nhất từ trước đến nay, vượt kế hoạch được phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông 20% và đưa tốc độ tăng trưởng kép hàng năm của giai đoạn 2012-2017 lên mức 54%.

Nhờ vậy, hiệu suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROAA) tăng ấn tượng lên 2,54% tăng 0,68% so với mức 1,86% của năm 2016. Đồng thời, mặc dù vốn chủ sở hữu tăng mạnh trong năm nhưng VPBank vẫn duy trì được mức sinh lời của vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) đạt 27,5%, lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ bình quân đạt 52%, đứng top đầu trong khối ngân hàng thương mại cổ phần về các chỉ số sinh lời.

3. CÁC CHỈ TIÊU AN TOÀN VÀ CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG

Nhờ tăng trưởng nguồn huy động trung dài hạn và tăng vốn chủ sở hữu, nên tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn cuối năm 2017 giảm xuống còn 30% (giảm mạnh so với tỷ lệ 35% của năm trước) và thấp hơn so với thị trường cũng như hạn mức theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (40%) vào năm 2019. Đây chính là kết quả của chính sách huy động từ phát hành giấy tờ có giá và nâng cao uy tín thu hút tài trợ vốn dài hạn từ các tổ chức quốc tế.

Bên cạnh đó tỷ lệ an toàn vốn của VPBank đã được cải thiện đáng kể nhờ phát hành thêm cổ phiếu và chính sách giữ lại lợi nhuận. Trong 2017, VPBank đã tăng vốn điều lệ lên hơn 15.700 tỷ đồng nâng hệ số CAR đến 14,6%, nếu theo các chuẩn mực của Basel II, CAR đạt 12,6% đáp ứng với khoảng cách rất an toàn so với mức quy định tối thiểu 8% theo thông tư 41/2016/TT-NHNN.

Chi tiết chi phí dự phòng (tỷ đồng)	Năm 2017	Năm 2016	Tăng/giảm so với 2016
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	7.682	5.383	2.299
Chi phí dự phòng VAMC	320	-71	391
Chi phí dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác	-1	1	-2
Tổng dự phòng trích trong năm	8.001	5.313	2.688

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán

4. CÁC CHỈ TIÊU PHI TÀI CHÍNH

Sự thành công của VPBank trong năm qua không chỉ dừng lại ở các kết quả tài chính, các chỉ số phi tài chính cũng đạt được tăng trưởng mạnh mẽ.

Cơ sở khách hàng: năm 2017, số lượng khách hàng hoạt động (active) của Ngân hàng có sự tăng trưởng mạnh mẽ lên hơn 4.9 triệu khách hàng, tăng trưởng 49% so với năm 2016. Đây là cơ sở quan trọng trong việc theo đuổi chiến lược bán lẻ của VPBank.

Phát hành thẻ: số lượng thẻ hoạt động (active) năm 2017 đạt gần 980 nghìn thẻ, tăng trưởng mạnh 56% so với cuối năm 2016. Cũng trong năm 2017, gần 204 nghìn thẻ tín dụng được mở mới, tăng gấp 2,3 lần so với năm 2016. Bên cạnh đó, VPBank là một trong các ngân hàng có chỉ tiêu bình quân trên thẻ dẫn đầu thị trường.

Số lượng nhân viên: sự tăng trưởng mạnh mẽ trong phân khúc bán lẻ được thể hiện thông qua tăng trưởng mạnh số lượng nhân sự, đảm bảo cung cấp đủ nguồn lực cho kinh doanh. Số lượng nhân viên toàn hệ thống tính đến hết năm 2017 là 23.826 người, tăng 6.439 người so với cuối năm 2016.

5. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017

VPBank kết thúc năm tài chính 2017 với kết quả nổi bật ở tất cả các chỉ số quan trọng: quy mô tăng trưởng ổn định (huy động vốn ~ 16%, tín dụng ~ 24%), đặc biệt các chỉ tiêu về hiệu quả có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong các năm gần đây và tiếp tục đạt kỷ lục mới (thu hoạt động thuần ~ 48%, lợi nhuận trước thuế ~ 65%).

Năm 2017, VPBank đã thực hiện tốt các cam kết với Đại hội đồng cổ đông. Căn cứ tình hình thực tế trong năm, do việc tăng vốn được thực hiện đúng dự kiến nên Ngân hàng đã chủ động điều tiết được huy động từ khách hàng để đảm bảo hiệu quả hoạt động. Việc đo lường, giám sát và dự báo rủi ro thanh khoản vẫn được tiến hành định kỳ, vì vậy, các chỉ số an toàn hoạt động luôn tuân thủ hạn mức theo yêu cầu. Điểm sáng trong bức tranh tài chính năm 2017 là việc hoàn thành vượt trội kế hoạch kinh doanh 2017 trên cả hai chỉ tiêu về lợi nhuận và doanh thu, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế vượt 20% mục tiêu đề ra.

Kết quả trên khẳng định sự phát triển ổn định, bền vững và hiệu quả của chiến lược tập trung vào phân khúc bán lẻ của Ngân hàng. Sự tăng trưởng đột phá của các trụ cột kinh doanh chính đã đóng góp phần lớn vào kết quả kinh doanh, giúp Ngân hàng thực hiện chuyển đổi thành công về mọi mặt.

Khép lại giai đoạn triển khai quyết liệt chiến lược 5 năm giai đoạn 2012-2017, VPBank luôn dẫn đầu về tăng trưởng trong ngành và đã lớn mạnh gấp 3 đến 5 lần về các chỉ tiêu quy mô và hiệu quả so với năm 2012.

Trong suốt quá trình hoạt động, chiến lược kinh doanh của VPBank luôn hướng tới việc xây dựng một ngân hàng hoạt động chuẩn mực, tuân thủ các quy định của pháp luật và bắt nhịp với các thông lệ quốc tế. Vì vậy, đối với khách hàng, cổ đông, nhà đầu tư, VPBank luôn được đánh giá là một định chế tài chính hiện đại, tin cậy, minh bạch, hoạt động an toàn và hiệu quả.

Chính sự tin tưởng này là động lực to lớn để VPBank bước sang giai đoạn phát triển mới với nhiều mục tiêu tham vọng hơn, vươn tới những đỉnh cao mới, để thành công nối tiếp thành công.

Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2017

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017 (tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2017 (tỷ đồng)	% so với KH 2017	% tăng trưởng với 2016
Tổng tài sản	277.752	280.645	99%	21%
Huy động khách hàng (gồm Phát hành giấy tờ có giá)	199.655	217.732	92%	16%
Dư nợ cấp tín dụng	196.673	200.591	98%	24%
<i>Trong đó: Cho vay khách hàng</i>	<i>182.666</i>	<i>182.433</i>	<i>100%</i>	<i>26%</i>
Tỷ lệ nợ xấu (Thông tư 02)	2,9%	<3%	Đạt	
Lợi nhuận trước thuế	8.130	6.800	120%	65%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

KINH DOANH

Sản phẩm vay
tín chấp tốt nhất
khu vực Châu Á

The Asian Banker

Top 2 Ngân hàng
TMCP về giá trị
thương hiệu

Forbes

Ngân hàng dành cho
DN vừa & nhỏ
tốt nhất Việt Nam

Asian Banking Finance

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG BÁN LẺ

Kết thúc giai đoạn 5 năm phát triển, VPBank đã vươn lên trở thành 1 trong 5 ngân hàng thương mại cổ phần bán lẻ hàng đầu Việt Nam về chỉ số doanh thu và lợi nhuận. Trong đó, Khối Khách hàng Cá nhân (KHCCN) đóng góp 50% trong tổng doanh thu toàn ngân hàng.

Tiếp nối thành công của năm 2016, doanh thu dịch vụ ngân hàng bán lẻ của VPBank năm 2017 đã đạt mức kế hoạch đặt ra và đạt mức tăng trưởng hơn 66% so với năm 2016. Đặc biệt, dựa trên mô hình lợi nhuận vòng đời theo từng sản phẩm (Single Account Profitability), VPBank cũng đã xây dựng chiến lược kinh doanh và chính sách sản phẩm phù hợp nhằm tối ưu hóa lợi nhuận. Kết quả là lợi nhuận trước thuế đạt mức tăng trưởng ấn tượng trên 100% so với năm 2016. Trong năm 2017, Ngân hàng đã liên tục đưa ra các sáng kiến cải tiến sản phẩm phù hợp hơn, hấp dẫn hơn với khách hàng. Nhờ đó, số lượng khách hàng tăng lên đáng kể với hơn 2.7 triệu khách hàng, kéo theo số dư cho vay tăng trưởng vượt trội 83%. Đặc biệt, trong năm 2017, song hành cùng việc tăng trưởng tín dụng, VPBank cũng đã triển khai nhiều dự án, ra mắt nhiều sản phẩm hướng tới cộng đồng, mang lại sự phát triển bền vững cho khách hàng và xã hội.

Năm 2017 đánh dấu sự tăng trưởng mạnh mẽ của thẻ tín dụng, về cả số lượng thẻ phát hành và chi tiêu thẻ. Từ vị trí thứ 5 trong số các ngân hàng Việt Nam về số lượng thẻ phát hành và chi tiêu năm 2016, VPBank đã vươn lên vị trí số 3 về lượng thẻ phát hành và vị trí số 2 về chi tiêu trong năm 2017. Cụ thể, số lượng thẻ phát hành tới cuối năm 2017 đạt 198.000 thẻ, tăng 132% so với năm 2016, trong khi chi tiêu thẻ liên tục cán các mốc kỉ lục mới và vượt qua mức hơn 2.000 tỷ đồng chi tiêu mỗi tháng. Dự án "Một triệu thẻ phát hành đến hết năm 2019" đã được triển khai và VPBank tự tin sẽ đạt được mục tiêu này. Một trong những lý do chính đóng góp cho những thành công này, đó là thẻ tín dụng được thiết kế và định vị phù hợp với đặc điểm và thói quen tiêu dùng của từng phân khúc khách theo đúng định hướng "Lấy khách hàng trọng tâm". Không chỉ hướng tới phân khúc khách hàng cao cấp và trung lưu, VPBank đã thiết kế dòng thẻ dành riêng cho khách hàng thu nhập thấp, đặc biệt dành cho công nhân với mong muốn mang đến cho mọi khách hàng cơ hội trải nghiệm chi tiêu thẻ đơn giản, thuận tiện với rất nhiều ưu đãi. Chính vì vậy, VPBank đã được MasterCard trao tặng danh hiệu "Ngân hàng có Giải pháp Phân khúc Khách hàng tốt nhất" (Best Customer Segment) tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương năm 2017.

Các sản phẩm cho vay vẫn tiếp tục duy trì tỷ lệ tăng trưởng ổn định. Số dư sản phẩm cho vay tăng 29% so với năm 2016. Vay tín chấp cá nhân (UPL), sản phẩm thế mạnh của VPBank, vẫn tiếp tục tăng trưởng với số

du tăng 54% và doanh thu tăng 114%. Sản phẩm UPL của VPBank vẫn đang dẫn đầu về đặc tính sản phẩm đơn giản, linh hoạt và độ phủ rộng trên thị trường. Tương tự như thế, VPBank muốn đến gần hơn với mọi phân khúc khách hàng, mang đến giải pháp tài chính cho những khách hàng không có điều kiện về thu nhập. Hàng loạt các sản phẩm cho vay tín chấp dành riêng cho giáo viên, cán bộ, nhân viên y tế làm việc tại các bệnh viện và công nhân có thu nhập thấp đã được ra mắt và đón nhận nhiều phản ứng tích cực từ khách hàng. Tháng 12 năm 2017, VPBank lần thứ 2 được nhận giải thưởng "Sản phẩm tài chính tiêu dùng tốt nhất" (Best Consumer Finance Product) do tạp chí The Asian Banker trao tặng. Bên cạnh đó, mạng lưới đối tác bất động sản và đại lý ô tô không ngừng được mở rộng nhằm cung cấp các ưu đãi và trải nghiệm toàn diện cho khách hàng.

Sản phẩm huy động và thu phí cũng đạt được những thành công nhất định, với số dư huy động tăng khoảng 15% so với đầu kỳ. Chiến lược đẩy mạnh trả lương qua tài khoản (payroll) bước đầu mang lại kết quả khả quan với số lượng tài khoản CASA tăng 260.000 tài khoản so với năm 2016, đồng thời số lượng hợp đồng bán chéo tăng gấp đôi, nâng số lượng sản phẩm nắm giữ trên một khách hàng từ 1.48 lên 1.63. Việc chuyển đổi mô hình bán bảo hiểm đã mang đến những thành tựu nổi bật cho mảng bancassurance, và VPBank đã được Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA Việt Nam chọn là đối tác độc quyền. Ngày 23 tháng 10 năm 2017, hai bên đã chính thức kí kết thoả thuận hợp tác phân phối bảo hiểm độc quyền 15 năm. Đây được coi là thương vụ lớn nhất trên thị trường trong năm 2017. Bên cạnh sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, VPBank cũng triển khai kết hợp nhiều đối tác cung cấp cho khách hàng sản phẩm bảo hiểm sức khỏe - đặc biệt là các sản phẩm dành cho bệnh hiểm nghèo (K care).

Để bắt kịp xu thế ngân hàng số, trong năm 2017, VPBank triển khai đẩy mạnh một loạt các dự án số hóa các sản phẩm chủ đạo như thẻ tín dụng, UPL và huy động. Nổi bật trong số đó là dự án "Dream" – "Cùng bạn chạm tới ước mơ". Đây là một ứng dụng giúp khách hàng quản lý tài chính, gợi ý lộ trình tiết kiệm và những hỗ trợ của ngân hàng giúp khách hàng đạt được ước mơ của mình một cách nhanh nhất. VPBank cũng xây dựng hệ sinh thái đối tác và Ngân hàng sẽ là cầu nối giữa khách hàng và các nhà cung cấp. Từ đây, mọi nhu cầu đa dạng của khách hàng sẽ được đáp ứng.

Tập trung vào phân khúc khách hàng ưu tiên luôn là một trong những chiến lược chủ đạo của VPBank. Trong năm 2017, Dự án Khách hàng ưu tiên – Affluent Banking đã được triển khai với sự hỗ trợ của các chuyên gia tư vấn Arete. Theo đó, Ngân hàng sẽ không chỉ tập trung vào huy động từ khách hàng ưu tiên mà còn cung cấp dịch vụ có tính chuyên nghiệp cao hơn dành cho

phần khúc này, như dịch vụ quản lý tài sản – Wealth management. VPBank tự hào là ngân hàng đầu tiên cung cấp dịch vụ phòng chờ VIP tại sân bay quốc tế Nội Bài dành cho khách hàng ưu tiên, dự kiến sẽ đi vào hoạt động vào đầu năm 2018. VPBank tin tưởng những hoạt động trên sẽ mở ra cho Ngân hàng cơ hội khai thác tiềm năng rất lớn từ phân khúc khách hàng ưu tiên.

Ngoài ra, trong năm 2017, việc thay đổi cơ cấu tổ chức và thiết kế lại mô hình kênh thay thế (nay đổi thành Kênh bán hàng trực tiếp) đã được bắt đầu thực hiện từ tháng 9/2017, bước đầu mang lại kết quả rất khả quan. Trong 2 tháng số lượng thẻ tín dụng phát hành tăng lên 50%, số tài khoản payroll tăng 2 lần và năng suất bán thẻ tín dụng tăng 60%.

Năm 2018, trong phân khúc khách hàng cá nhân, VPBank sẽ triển khai chiến lược Alphabet, trong đó **A**ffluent: tập trung khai thác tập khách hàng ưu tiên, **B**ancassurance: đẩy mạnh tăng trưởng sản phẩm bảo hiểm độc quyền, **C**ards: tăng trưởng mạnh thẻ tín dụng, **D**igital: tiếp tục đẩy mạnh quy trình số hóa, **E**cosystem: phát triển hệ sinh thái đối tác đa dạng.

DỊCH VỤ TÍN DỤNG TIÊU DÙNG

Với hơn 7 triệu khách hàng và hơn 10.000 đối tác ở khắp 63 tỉnh, thành trên cả nước, Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (FE Credit) thuộc VPBank tiếp tục khẳng định vị thế là công ty tài chính lớn nhất trên thị trường tài chính tiêu dùng. FE Credit hiện đang nắm giữ hơn 50% thị phần và đạt mục tiêu tăng trưởng cao hơn trong tương lai thông qua việc mang đến cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo, linh hoạt và dễ tiếp cận.

Nhờ triển khai thành công các sáng kiến trong năm 2017, FE Credit đã đạt được mức tăng trưởng đáng ghi nhận, hoàn thành các mục tiêu dài hạn đã đề ra. Năm vừa qua, FE Credit đã giải ngân 3,7 triệu khoản vay mới và phát hành thẻ tín dụng cho hơn 3 triệu khách hàng mới, qua đó đạt 3,5 triệu khách hàng hoạt động và tăng số dư cho vay lên gần 45.000 tỷ đồng. Kết quả này đã giúp doanh thu tăng từ 8.552 tỷ đồng năm 2016 lên 12.957 tỷ đồng năm 2017 trong khi lợi nhuận sau thuế tăng từ gần 2.000 tỷ đồng trong năm 2016 lên 3.358 tỷ đồng năm 2017, tương ứng với mức tăng lần lượt là 51,5% và 68%.

Một điểm đáng chú ý là FE Credit đã đạt được tốc độ tăng trưởng này trong khi vẫn cải thiện được hiệu quả quản lý vận hành và rủi ro, thể hiện qua việc cải thiện tỷ lệ dự phòng trên khoản phải thu trung bình, tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ chi phí trên thu nhập lần lượt giảm từ 6% năm 2016 xuống còn 5% năm 2017 và 35,8% năm 2016 xuống 29,2% năm 2017. Sự cải thiện về các chỉ số rủi

ro tín dụng không những góp phần nâng cao mức độ sinh lời mà còn giúp đảm bảo FE Credit sẽ đạt được các khát vọng về tăng trưởng trong tương lai.

Đánh dấu 7 năm hình thành và phát triển, cùng với những nỗ lực không ngừng của đội ngũ cán bộ nhân viên trẻ trung, năng động, FE Credit đã đạt được nhiều thành tựu về xây dựng nền tảng trong năm vừa qua, tạo tiền đề vững chắc để tăng trưởng vượt bậc trong tương lai, tiêu biểu là:

- Chuyển dịch các quy trình tiếp xúc với khách hàng trở thành nền tảng quản lý quy trình kinh doanh (BPM) tiên tiến nhất trên thị trường, với tính linh hoạt và hiệu quả cao, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Phần lớn các quy trình như mở tài khoản và dịch vụ khách hàng đã được tích hợp vào nền tảng này, phần còn lại sẽ được triển khai nhanh chóng trong thời gian tới.
- Triển khai một trong những mô hình khởi tạo khoản vay hiệu quả nhất dựa trên dữ liệu thay thế thông qua việc hợp tác với nhà cung cấp dịch vụ viễn thông lớn tại Việt Nam, đưa các dịch vụ tài chính tới hơn 300.000 khách hàng chưa được tiếp cận dịch vụ ngân hàng hoặc chưa được các ngân hàng phục vụ đầy đủ, qua đó mở rộng phạm vi kinh doanh.
- Triển khai giải pháp tiên tiến cho tổng đài điện thoại, góp phần thúc đẩy trải nghiệm xuyên kênh cho khách hàng, đồng thời tăng cường hiệu quả và năng suất kinh doanh.
- Kiến tạo một nền tảng tự động hóa quy trình hiện đại bằng việc hợp tác với các công ty hàng đầu thế giới về phần mềm và chiến lược, tạo nền tảng cho việc triển khai tự động hóa quy trình bằng công nghệ rô-bốt trong tương lai gần.
- Tung ra thị trường các tính năng mới nhất như “Fast Cash” (ứng tiền mặt nhanh) cho khách hàng thẻ tín dụng, cho phép khách hàng rút tiền mặt từ hàng ngàn điểm giao dịch của mạng lưới đối tác một cách thuận tiện chỉ bằng cách gửi tin nhắn SMS. Tính năng này được coi là một ví dụ điển hình trong ngành ngân hàng trong việc sử dụng “Fintech thực sự dành cho Con người thực sự”.
- Triển khai kho dữ liệu doanh nghiệp hoàn chỉnh, cũng như chức năng báo cáo và chức năng xây dựng mô hình với khả năng hỗ trợ phân tích dữ liệu lớn về các lĩnh vực như khách hàng, sản phẩm, rủi ro, tín dụng, vận hành, tài chính và nhân sự nhằm thúc đẩy nhanh các quy trình kinh doanh trên con đường số hóa.
- Ra mắt kênh số hóa hoàn chỉnh nhằm cung cấp dịch vụ nhanh chóng, thuận tiện và linh hoạt hơn cho khách hàng, tạo ra một nền tảng được kỳ vọng sẽ mang lại đóng góp lớn trong tương lai.
- Hợp tác với các định chế tài chính lớn trên thế giới

nhằm huy động nguồn vốn dài hạn để hỗ trợ tăng trưởng kinh doanh.

- Triển khai chương trình phát triển đội ngũ lãnh đạo đầu tiên trên thị trường qua việc tuyển dụng đội ngũ xuất sắc nhất từ các cơ sở đào tạo hàng đầu, tạo điều kiện cho họ vừa học tập vừa xây dựng lộ trình công danh để phát triển nhanh hơn đồng thời góp phần xây dựng nguồn cán bộ quản lý kế cận vững mạnh cho tổ chức.

Với những kết quả đã đạt được trong năm 2017, FE Credit vinh dự được tạp chí Global Brands (Vương Quốc Anh) trao tặng giải thưởng “Thương hiệu tài chính tiêu dùng tốt nhất Đông Nam Á 2017” và Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam 2017”.

Để duy trì đà tăng trưởng trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục các hoạt động trọng tâm như sau:

- Xây dựng một nền tảng hoàn chỉnh giúp cung cấp các giải pháp tài chính linh hoạt một cách thuận tiện và liền mạch.
- Thúc đẩy kho dữ liệu lớn và nền tảng cung cấp các sản phẩm phù hợp hơn cho nhiều khách hàng hơn.
- Tối ưu hóa chi phí vận hành, tín dụng và chi phí vốn nhằm đạt lợi nhuận cao hơn.
- Cải tiến hoạt động quản trị rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Với kế hoạch hành động nêu trên, FE Credit rất tin tưởng vào mục tiêu dài hạn của công ty là phổ cập dịch vụ tài chính thông qua việc phục vụ hàng triệu người dân Việt Nam cũng như hoàn thành các mục tiêu kinh doanh trong 5 năm sắp tới.

DỊCH VỤ TÍN DỤNG TIỂU THƯƠNG

Sau khi tạo được vị thế vững chắc trong phân khúc tín dụng tiêu thương ở các năm 2015 và 2016, VPBank tiếp tục đà tăng trưởng mạnh mẽ ở mảng kinh doanh chiến lược còn non trẻ nhưng đầy tiềm năng này. Để mở rộng dịch vụ tín dụng tiêu thương tới đông đảo khách hàng là những hộ kinh doanh gia đình, trong năm qua, VPBank tiếp tục chú trọng đầu tư vào tăng trưởng và mở rộng mạng lưới. Tính đến cuối năm 2017, Khối Tín dụng Tiêu thương (Commcredit) đã sở hữu mạng lưới chuyên biệt rộng lớn gồm 236 điểm giao dịch bao phủ khắp 51 tỉnh thành.

Ngoài việc mở rộng mạng lưới Commcredit trong năm 2017, Ngân hàng cũng đã có những bước tiến quan trọng trong việc nâng cấp hệ thống và tạo dựng một môi trường định hướng công nghệ. Bên cạnh việc cung cấp thiết bị di động cho tất cả cán bộ bán hàng trong phân khúc tín dụng tiêu thương, VPBank đang hướng

tới mục tiêu phát triển các nền tảng hỗ trợ luồng công việc xuyên suốt các giai đoạn từ khởi tạo, đánh giá, tới phục vụ khách hàng. Những nỗ lực và sáng kiến trên đã mang lại mức tăng trưởng cao về cả doanh thu và tài sản trong phân khúc tín dụng tiêu thương. Cụ thể, tổng tài sản cuối kỳ tăng 78% từ 1.915 tỷ đồng lên 3.400 tỷ đồng, tổng doanh thu tăng 153% từ 318 tỷ đồng lên 804 tỷ đồng, tổng thu phí tăng 56% từ 85 tỷ đồng lên 133 tỷ đồng. Bên cạnh đó, một số chỉ tiêu phi tài chính cũng đạt được kết quả đáng ghi nhận, như tổng mạng lưới tăng từ 129 đơn vị lên 236 đơn vị, tổng số nhân sự tăng từ 1.947 nhân viên lên 3.088 nhân viên, tổng số khách hàng giải ngân tăng từ 54.135 lên 67.800.

Với sự tập trung cao độ vào phân khúc khách hàng mục tiêu, phát triển và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ phù hợp nhất với phân khúc khách hàng và khẩu vị rủi ro đã được xác định rõ ràng, VPBank đã phát triển các sản phẩm mới như “Tax Plus” cho khách hàng đóng thuế và “Express Loan” dành cho khách hàng sở hữu tài sản cố định.

Việc tập trung vào phân khúc khách hàng đã góp phần tạo dựng sự tin cậy và uy tín trong phân khúc chiến lược này, nhờ đó VPBank đã vinh dự nhận được 04 giải thưởng danh giá trong năm 2017 dành cho các sản phẩm tín dụng tiêu thương, gồm “Giải thưởng Thương mại Dịch vụ Việt Nam 2016” do Bộ Công Thương trao tặng, “Giải thưởng Thương hiệu cung cấp Dịch vụ ngân hàng tốt nhất cho khách hàng tự doanh tại Việt Nam 2017” do Tạp chí Finance Digest trao tặng, và “Giải thưởng Sản phẩm cho vay tiêu biểu của năm (cho sản phẩm Tax+)” do Tạp chí Asian Banking & Finance trao tặng.

Trong năm 2018, VPBank sẽ tăng cường hoạt động kinh doanh trong phân khúc tín dụng tiêu thương bằng cách tung ra thị trường các sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng, từ cung cấp các khoản vay, tiết kiệm, đầu tư tới các sản phẩm bảo hiểm cho khách hàng.

DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ (SME)

Năm 2017 tiếp tục là một năm sôi động của VPBank trong phân khúc chiến lược doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME). Trong năm 2017, Ngân hàng đã đặt trọng tâm đầu tư nguồn lực vào các kênh bán, phát triển nhân tài, sáng tạo sản phẩm, quản trị rủi ro và nâng cao năng lực xử lý tín dụng. Chiến lược đầu tư đúng đắn đã dần mang lại trái ngọt giúp Ngân hàng tiến sâu hơn nữa vào thị trường doanh nghiệp vừa và nhỏ. Năm 2017 không chỉ là năm bán lẻ kết thúc giai đoạn đầu của chiến lược phát triển phân khúc SME mà còn là cột mốc bắt đầu cho lộ trình chuyển đổi mới, khởi điểm là hành trình số hóa mạnh mẽ và tập trung sâu sắc vào tiểu phân khúc doanh

ngành siêu nhỏ (Micro SME). Doanh nghiệp siêu nhỏ chiếm số lượng lớn nhất trong phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, tuy nhiên nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng các tổ chức tài chính chưa đáp ứng được nhu cầu vốn và dịch vụ tài chính từ các doanh nghiệp Micro SME. Xác định được nhu cầu rất lớn từ các doanh nghiệp siêu nhỏ, VPBank đã quyết liệt đầu tư nguồn lực vào việc khai thác cơ hội bỏ ngỏ này, nổi bật nhất là việc thành lập kênh bán mới bao gồm 350 nhân viên. Từ con số 0 tròn trĩnh, cho đến nay, kênh bán mới đã đóng góp 50% dư nợ tín chấp tăng ròng và 30% số lượng khách hàng mới hàng tháng cho toàn Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Nhận thức rõ rào cản tiếp cận vốn vay ngân hàng của các doanh nghiệp siêu nhỏ là báo cáo tài chính chưa minh bạch và thiếu tài sản đảm bảo, Ngân hàng đã cho ra mắt sản phẩm cho vay tín chấp đơn giản (Simple BIL) được thiết kế phù hợp với đặc điểm của nhóm doanh nghiệp này. Trong năm 2018, VPBank sẽ tiếp tục cho ra đời các dòng sản phẩm độc đáo như tài trợ hóa đơn hay các dịch vụ thanh toán B2B nhằm củng cố hơn nữa bộ sản phẩm sâu rộng cho nhóm khách hàng SME.

Trong năm 2017, sáng kiến hỗ trợ phân khúc doanh nghiệp có chủ là nữ doanh nhân đã được VPBank triển khai dưới sự bảo trợ và hợp tác của IFC. VPBank nhận thấy có sự khác biệt nhất định về giới trong các ứng xử tài chính, doanh nghiệp nữ cũng có các nhu cầu tài chính đặc trưng riêng. Bên cạnh các giải pháp tài chính thuần túy, các nữ doanh nhân luôn tìm kiếm các dịch vụ phi tài chính (NFS - non-financial services) như nâng cao kiến thức tài chính quản trị hay hỗ trợ khác từ phía ngân hàng. Chính vì vậy trong năm 2017, Ngân hàng đã tung ra các dịch vụ phi tài chính với mục đích "Giúp doanh nghiệp nhỏ lớn mạnh". Các dịch vụ phi tài chính này được thực hiện qua nhiều sự kiện quan trọng trực tuyến lẫn trực tiếp, như chuỗi tọa đàm cùng diễn giả là các chuyên gia uy tín hay các sự kiện "Ngày hội Kết nối doanh nghiệp" giới thiệu nhiều cơ hội cho chính các khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ của Ngân hàng. Chính những dịch vụ phi tài chính này đã góp phần nâng cao giá trị của VPBank SME đối với khách hàng và tạo ra sự khác biệt độc đáo trên thị trường. Năm 2017 cũng ghi nhận sự khởi đầu của lộ trình số hóa nhằm đưa VPBank vượt qua giai đoạn cạnh tranh khó khăn với các tổ chức công nghệ tài chính (fintech). Trong phân khúc SME, VPBank đã xác định hai lộ trình số hóa chính, với mục tiêu hàng đầu là cải thiện trải nghiệm cho khách hàng, mang về nhiều khách hàng đăng ký và thắt chặt mối quan hệ thân thiết giữa các khách hàng hiện hữu với Ngân hàng. Song song với đó, Ngân hàng cũng đã tinh giản và tự động hóa các quy trình tín dụng để giảm thời gian xử lý tín dụng (TAT) và các thao tác thủ công. Các công cụ bán hàng số hóa kết nối trực tiếp với hệ thống lõi của ngân hàng lần đầu tiên được giới thiệu và ngay lập tức đã nâng cao hiệu quả bán hàng của đội ngũ bán cũng như dịch vụ khách hàng.

Nhờ những sáng kiến mới về các sản phẩm và sự đầu tư đúng đắn về nguồn lực, doanh thu trong phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ của VPBank đã tăng trưởng 39% trong năm 2017, chất lượng nợ được quản trị tốt trong ngưỡng kỳ vọng. Đặc biệt hơn, ở tiểu phân khúc Micro SME, số lượng khách hàng hàng tháng tăng trưởng gấp 3 lần so với cùng kỳ năm 2016. Chính vì vậy, Khối SME đã ghi nhận lợi nhuận tăng đáng kể trong khi tỷ lệ chi phí/ doanh thu lại giảm xuống. Để mở rộng độ bao phủ thị trường, VPBank cũng đã mở thêm 6 Trung tâm SME và Hub bán trực tiếp tại các thành phố lớn (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh) cũng như các tỉnh thành như Móng Cái, Cà Mau.

Thành công của Ngân hàng trong phân khúc chiến lược SME cũng đã được ghi nhận bằng các giải thưởng quốc tế danh giá, bao gồm giải "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam dành cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ" được trao bởi AsiaMoney (thuộc EuroMoney), tạp chí Asian Banking and Finance bình chọn là "Ngân hàng dành cho Doanh nghiệp Vừa và nhỏ tốt nhất Việt Nam 2017". Cam kết của VPBank SME trong việc hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp địa phương cũng được khen thưởng bởi Bộ Công Thương, chính quyền địa phương và tổ chức IDG.

Trong năm 2018, Ngân hàng kỳ vọng phần tăng trưởng chính trong phân khúc doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ tiếp tục đến từ các sản phẩm cho vay tín chấp. Kế hoạch tổng doanh thu thuần của năm 2018 trong phân khúc này tăng 55% so với năm 2017, trong đó phần tăng trưởng ấn tượng đến từ thu nhập lãi thuần (tăng 63%). Thu nhập từ tài trợ thương mại, ngoại tệ và hoạt động quản lý dòng tiền dự kiến tăng trưởng 38% và tiếp tục là cấu phần phí quan trọng. Trong năm 2018, các sản phẩm bảo hiểm và thẻ tín dụng thương mại sẽ là nguồn thu phí đột phá mới.

Chiến lược phát triển tiểu phân khúc Micro SME hiện đang được nghiên cứu để sửa đổi và trong năm 2018, nhiều biện pháp cải thiện sẽ được áp dụng để nâng cao chất lượng khoản vay khởi tạo, hiệu quả bán hàng và quản trị rủi ro chung. Dự án trọng điểm này được kỳ vọng sẽ mang lại thành công hơn nữa cho chiến lược SME trong các năm tới. Song song với đó, VPBank sẽ tiếp tục cải thiện hơn nữa các giải pháp thanh toán thương mại bằng việc phối hợp với các đối tác và chuyên gia trong dự án ra mắt các sản phẩm thanh toán B2B. Chiến lược cung cấp các dịch vụ phi tài chính và dịch vụ ngân hàng cho phân khúc doanh nghiệp do nữ doanh nhân làm chủ cũng được củng cố với giao diện số hóa và bộ sản phẩm đặc thù. Chất lượng tín dụng vẫn luôn là công tác trọng tâm trong lộ trình. Bên cạnh đó, hệ thống cảnh báo sớm, các biện pháp giám sát tín dụng và điều tra gian lận; công tác quản trị rủi ro sẽ được nâng cao hơn nữa với bộ dữ liệu dồi dào và chính sách quản trị hiệu quả hơn.

DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Mảng dịch vụ khách hàng doanh nghiệp bước vào năm 2017 với nhiều thách thức cả về kế hoạch tài chính được giao, cũng như những cạnh tranh gay gắt từ thị trường trong phân khúc khách hàng doanh nghiệp quy mô. Để đạt được những mục tiêu kinh doanh được giao, VPBank đã hết sức nỗ lực, đưa ra các giải pháp sáng tạo phù hợp với diễn biến thị trường để thúc đẩy tăng trưởng của đơn vị nói riêng, góp phần vào kết quả chung của toàn ngân hàng.

Cụ thể, Khối Khách hàng Doanh nghiệp (CMB) đã tập trung tiếp cận, khai thác nhóm khách hàng tiềm năng là những doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra sản phẩm – dịch vụ có giá trị gia tăng cao, có hệ thống quản trị sản xuất tốt, có hệ thống quản lý tài chính, tồn kho chuyên nghiệp cũng như có các chỉ số tài chính lành mạnh. Ngân hàng cũng tiếp tục khai thác sâu thế mạnh trong lĩnh vực tài trợ thương mại. Đó là mảng khách hàng trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, có nguồn thanh toán ổn định, các khách hàng có các kênh phân phối rộng lớn và đáng tin cậy. Để thúc đẩy số dư bảo lãnh và thu phí, Khối Khách hàng Doanh nghiệp đã tập trung khai thác các doanh nghiệp xây dựng, thi công các công trình có nguồn vốn thanh toán tốt, các doanh nghiệp có kinh nghiệm và uy tín trong công tác hoàn thiện hợp đồng thầu.

Bên cạnh đó, việc tăng cường phối hợp với các đơn vị nội bộ Ngân hàng để phối hợp trong công tác bán chéo, cùng nhau xây dựng các chương trình tài trợ ngành mục tiêu, các chương trình tài trợ chuỗi phân phối cũng giúp đa dạng hóa sản phẩm của VPBank trong phân khúc khách hàng doanh nghiệp. Để thúc đẩy nâng cao chất lượng dịch vụ xử lý nghiệp vụ cho khách hàng doanh nghiệp, CMB đã thường xuyên trao đổi, đề xuất các ý tưởng cải tiến để cùng các đơn vị hỗ trợ kinh doanh đưa ra các giải pháp linh hoạt, phù hợp với nhu cầu khách hàng và thông lệ thị trường, nâng cao tính cạnh tranh trong cung cấp dịch vụ nhưng vẫn đảm bảo quản trị rủi ro, an toàn trong hoạt động cung cấp dịch vụ tài chính.

Công tác quản trị tín dụng, kiểm soát rủi ro trong phân khúc khách hàng này luôn được Ngân hàng lưu tâm thực hiện. Các phương thức triển khai gồm có thường xuyên theo sát hoạt động kinh doanh của khách hàng, đánh giá, cập nhật tình hình kinh doanh, thông tin về khách hàng, ngành nghề, thị trường. Bên cạnh đó, Ngân hàng đưa ra những tiêu chí căn bản để lựa chọn ngay từ đầu các khách hàng tốt, để triển khai hợp tác nhằm đảm bảo duy trì danh mục cấp tín dụng an toàn.

Nhờ kết hợp đồng bộ các giải pháp, sáng kiến mang tính đột phá, tạo động lực khuyến khích tăng trưởng kinh doanh mà trong năm 2017, Khối CMB tiếp tục khẳng

định vị trí là đơn vị đi đầu trong công tác thúc đẩy gia tăng dịch vụ bảo lãnh, thu tín dụng, tài trợ xuất nhập khẩu, thể hiện qua tỷ trọng đóng góp vào kết quả chung của toàn Ngân hàng: Tổng số dư bảo lãnh đạt 53%, tổng số dư L/C đạt 43%, tổng số dư tài trợ xuất nhập khẩu đạt 22% so với tổng số dư tương ứng của toàn ngân hàng. Tổng số dư tín dụng cuối kỳ của Khối năm 2017 đạt xấp xỉ 25.000 tỷ đồng, tổng số dư ngoại bảng đạt gần 10.000 tỷ đồng.

Bước vào năm 2018 với nhiều cơ hội và thách thức phía trước, VPBank sẽ tập trung nâng cao hiệu quả khai thác phân khúc khách hàng hiện tại. Đồng thời tiếp tục cải tiến để tối ưu hóa quy trình xử lý tín dụng, quy trình thanh toán,... nhằm nâng cao hiệu quả xử lý giao dịch, xây dựng các chính sách sản phẩm phù hợp với đặc thù khách hàng lớn trong thích ứng với sự thay đổi của thị trường.

DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP LỚN VÀ ĐẦU TƯ

Trong mảng dịch vụ khách hàng doanh nghiệp lớn và đầu tư, VPBank đã hết sức nỗ lực để duy trì thành quả của năm 2016 và cán đích thành công với việc hoàn thành các chỉ tiêu tài chính quan trọng nhất của năm 2017.

Với định hướng tăng trưởng khách hàng doanh nghiệp có chọn lọc, chú trọng vào hiệu quả sản phẩm và bán chéo, VPBank tiếp tục đẩy mạnh huy động, tăng trưởng tín dụng có chọn lọc và tăng trưởng thu nhập hoạt động thuần trên từng khách hàng lớn. Ngân hàng cũng tập trung vào các sản phẩm huy động vốn, tiếp tục tái cấu trúc danh mục cho vay để nâng cao hiệu quả, trong đó, giảm bớt sự phụ thuộc huy động vào một số tập đoàn lớn, đẩy mạnh tiếp cận và khai thác nhóm khách hàng tư nhân và FDI. VPBank đã tăng CASA qua các sản phẩm thu hộ, chi hộ, các tiện ích ebanking/cash management, tài trợ đại lý/chuỗi.

Trong mảng đầu tư và quản lý dự án, VPBank đã tập trung chủ yếu vào tái cấu trúc danh mục đầu tư, giảm dần tỷ trọng trái phiếu và cho vay trung dài hạn, tập trung phát triển mới các loại hình dịch vụ phục vụ các dự án và các khách hàng hàng lớn nhằm tăng trưởng cho vay vốn lưu động, cho vay ngắn hạn bù đắp vào số sụt giảm của dư nợ trung dài hạn.

Năm 2018 với nhiều tiềm năng kinh doanh song cũng có vô vàn thách thức, định hướng phát triển của VPBank trong phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn và đầu tư vẫn theo hướng tăng trưởng khách hàng doanh nghiệp lớn có chọn lọc, tập trung vào hiệu quả khai thác khách hàng, khai thác sâu tập khách hàng hiện hữu như VNPT, Mobifone, Viettel, VEAM... và các khách hàng doanh nghiệp FDI như Yamaha, Nippon Seiki,... đồng thời mở

rộng danh mục khách hàng mới để mang lại hiệu quả cao hơn nữa.

Mảng đầu tư cũng sẽ tiếp tục chú trọng chọn lọc các khoản đầu tư trái phiếu có lợi nhuận biên tốt được chào bán trên thị trường (do các công ty chứng khoán, các tổ chức tài chính khác ngoài VPBank thu xếp phát hành) mà vẫn đảm bảo quản lý được rủi ro, giảm dần tỷ trọng trái phiếu trung dài hạn. Qua đó, VPBank tin tưởng năm 2018 sẽ tiếp tục là một năm thành công đối với mảng dịch vụ khách hàng doanh nghiệp lớn và đầu tư.

DỊCH VỤ CHO CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH VÀ NGÂN HÀNG GIAO DỊCH

Trong phân khúc định chế tài chính và ngân hàng giao dịch, VPBank tiếp tục có sự tăng trưởng mạnh mẽ về nguồn vốn và hạn mức từ các định chế tài chính trong và ngoài nước. Tổng hạn mức do các ngân hàng nước ngoài cấp cho VPBank tăng 20% so với năm 2016 và hạn mức do các ngân hàng quốc doanh cấp cũng đạt mức tăng trưởng 30%.

Đặc biệt, năm 2017 tiếp tục là một năm thành công rực rỡ trong mối quan hệ hợp tác giữa VPBank và các tổ chức tài chính quốc tế, thể hiện bằng khoản vay đồng tài trợ trung dài hạn 5 năm với số tiền lên đến 158 triệu USD do Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) - thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới - làm đầu mối thu xếp. Tham gia khoản vay đồng tài trợ cho VPBank còn có các tổ chức tài chính quốc tế danh tiếng như ICBC, Cathay United Bank, IIB, OeEB và OFID. Ngoài khoản vay đồng tài trợ trên, VPBank tiếp tục được IFC cấp khoản vay trung hạn có thể chuyển đổi thành cổ phần trị giá 57 triệu USD và khoản vay tài trợ thương mại ngắn hạn trị giá 50 triệu USD. Việc được IFC cho vay, đầu tư cổ phần là một trong các nhân tố giúp củng cố và nâng cao hơn nữa uy tín, giá trị thương hiệu của VPBank thông qua sự giám sát và các hỗ trợ kỹ thuật của IFC trong quản trị ngân hàng, đặc biệt là quản trị rủi ro.

Bên cạnh IFC, VPBank đã được tham gia vào chương trình tài trợ thương mại toàn cầu của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB). Hạn mức được cấp từ các tổ chức này liên tục tăng đều qua các năm, góp phần quan trọng giúp VPBank đa dạng hóa nguồn tài trợ cho các doanh nghiệp Việt Nam và hỗ trợ các doanh nghiệp tốt hơn cho các hoạt động xuất nhập khẩu. So với năm 2016, tổng hạn mức do ADB cấp cho VPBank tăng 28%.

Trong năm 2017, VPBank tiếp tục là một trong các ngân hàng được nhận vốn ủy thác đầu tư của các tổ chức quốc tế như World Bank, JICA nhằm hỗ trợ nguồn vốn giá rẻ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ với tổng dư nợ tăng trưởng 20% so

với năm 2016. Đặc biệt trong năm 2017, VPBank là một trong bốn ngân hàng được Quý Phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEDF) - Bộ Kế hoạch và Đầu tư lựa chọn là ngân hàng giải ngân nguồn vốn Quý SMEDF. Dự kiến trong năm 2018, ngoài việc phát triển mở rộng các dự án trên, VPBank sẽ tham gia một số dự án tín dụng xanh có nguồn vốn ODA.

Năm 2017 được VPBank xác định là năm bản lề cho hoạt động Ngân hàng giao dịch, triển khai song song các giải pháp đẩy mạnh tài trợ thương mại xuất nhập khẩu và phát triển thương mại trong nước, thông qua các giải pháp tài trợ toàn diện cho doanh nghiệp kinh doanh theo ngành, bao gồm thức ăn chăn nuôi, nhựa, thép, ô tô... Đồng thời, VPBank cũng tăng cường các chương trình tài trợ chuỗi cung ứng nhằm cung ứng vốn nội địa cho các nhà cung cấp, nhà phân phối của các công ty đa quốc gia, tập đoàn lớn trên thế giới, tập trung vào các ngành hàng tiêu dùng nhanh. Với việc thúc đẩy mạnh mẽ các giải pháp tài trợ thương mại xuất nhập khẩu và nội địa, trong năm 2017, mảng ngân hàng giao dịch của VPBank đã đạt được những kết quả nổi bật như tăng số dư ngoại bảng, tăng doanh số mua bán ngoại tệ và doanh thu từ phí cho Ngân hàng. Doanh số ngoại bảng toàn ngân hàng tăng 20%, trong khi đó phí thu từ giao dịch tài trợ thương mại tăng 13.8% so với năm 2016. Số lượng tài trợ chuỗi đang được triển khai tại VPBank đã lên đến 20 chương trình với tổng thu nhập từ chuỗi tăng 31% so với năm 2016.

Bên cạnh các sản phẩm Tài trợ thương mại và Tài trợ chuỗi cung ứng, các sản phẩm Quản lý tiền tệ truyền thống như dịch vụ thu chi hộ, nộp thuế điện tử, bảo lãnh trực tuyến... tiếp tục được tập trung đầu tư. VPBank tự hào là một trong những ngân hàng thương mại đầu tiên triển khai thành công dịch vụ Hải quan điện tử, chuẩn bị sẵn sàng để cung ứng tới hàng trăm ngàn doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên cả nước. Cùng với hợp tác thu chi hộ cho các khách hàng doanh nghiệp lớn, dịch vụ thu hộ tiền điện cho các công ty sản xuất điện đến nay đã triển khai rộng khắp trên toàn quốc. Công nghệ số hóa ngân hàng được VPBank chú trọng áp dụng nhằm giảm thiểu giao dịch thủ công tại quầy, tăng cường giao dịch qua các kênh trực tuyến (internet banking). Với tốc độ ứng dụng công nghệ nhanh, số lượng giao dịch thanh toán chuyển tiền thực hiện qua cổng Internet banking của Ngân hàng tính đến hết năm 2017 đã tăng gấp đôi so với năm 2016 và chiếm hơn 20% trên tổng số giao dịch thanh toán chuyển tiền toàn ngân hàng.

Với kết quả kinh doanh đáng tự hào trong năm 2017, mục tiêu năm 2018 của Ngân hàng trong mảng định chế tài chính và ngân hàng giao dịch là phát triển được các chuỗi tài trợ kết hợp, tập trung đẩy mạnh tài trợ chuỗi, tăng trưởng mạnh thu nhập hoạt động thuần và số dư cho vay/ngoại bảng.

DỊCH VỤ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh trên thị trường tài chính của VPBank đã có sự bứt phá ngoạn mục, đạt được nhiều dấu ấn nổi bật và đóng góp vào thành công chung của Ngân hàng. Là đơn vị được giao trách nhiệm đảm nhận các hoạt động kinh doanh trên thị trường tài chính của VPBank, Khối Thị trường Tài chính đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu lợi nhuận cho năm 2017 với thu nhập hoạt động thuần của Khối đạt xấp xỉ 1.600 tỷ đồng, tăng hơn 37% so với năm 2016. Đặc biệt, VPBank duy trì được vị thế 1 trong 10 ngân hàng thương mại có thành tích nổi bật trong hoạt động giao dịch trái phiếu Chính phủ năm 2017 do Bộ Tài chính xếp hạng và tiếp tục được lọt vào danh sách các nhà tạo lập thị trường (PDs) năm 2018 do Bộ Tài Chính công bố.

Về quản lý thanh khoản và đảm bảo bảng cân đối hiệu quả: Khối Thị trường Tài chính đưa ra những đề xuất chuẩn xác, đóng góp giá trị cho việc hoàn thành dự án chuyển đổi cơ cấu tổ chức mới cho dự án "Nâng cao hiệu quả quản trị Tài sản nợ, Tài sản có (ALM)" cùng nhà tư vấn PwC. Kết quả của mô hình này đã giúp cho Ngân hàng có được các giải pháp chuyên nghiệp để quản lý các tỷ lệ an toàn và tối ưu hoá nguồn vốn dư thừa, đảm bảo hiệu quả bảng cân đối trong năm 2017. Cụ thể: dùng mô hình tài chính (financial modelling) để dự báo các tỷ lệ tuân thủ như: Khả năng chi trả 30 ngày, ngắn hạn, trung - dài hạn... Ngoài ra, Khối Thị trường Tài chính cũng chủ động có những phân tích và nhận định về diễn biến lãi suất và đưa ra các giải pháp để cải thiện tỷ lệ an toàn theo quy định của IFC, ADB, các giải pháp để tối ưu hoá nguồn vốn dư thừa, khai thác hiệu quả bảng cân đối.

Để đảm bảo nguồn vốn trung dài hạn của Ngân hàng với mục tiêu hoạt động an toàn hiệu quả, tuân thủ mọi quy định của Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức xếp hạng tín dụng quốc tế, Khối Thị trường Tài chính luôn chủ động tìm các phương án tối ưu tại các thời điểm thích hợp nhất để tiếp cận các nguồn vốn trên thị trường. Khối Thị trường Tài chính đóng vai trò quyết định trong việc phát hành thành công trái phiếu huy động vốn trung dài hạn của VPBank thông qua việc cấu trúc sản phẩm phù hợp và chiến lược phù hợp tiếp cận các khách hàng tiềm năng.

Với nhận biết việc áp dụng công nghệ trong ngành tài chính ngân hàng là lợi thế chiến lược trong kinh doanh, tại Khối Thị trường Tài chính việc sử dụng công nghệ tiên tiến trong vận hành và quản trị rủi ro luôn được ưu tiên hàng đầu. Khối Thị trường Tài chính đã chủ động kết hợp với Khối Công nghệ Thông tin nâng cấp phát triển hệ thống phần mềm quản trị mua bán ngoại tệ với các chi nhánh, cũng như phần mềm sản phẩm phái sinh cho khách hàng doanh nghiệp, nhằm

đạt độ chính xác cao và tạo điều kiện dễ dàng cho các chi nhánh cập nhật giá thị trường trong nước và quốc tế cho khách hàng. Ngoài ra, Khối Thị trường Tài chính đang tập trung triển khai đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng dự án phần mềm cho hệ thống giao dịch các sản phẩm thị trường tài chính – Treasury Trading System - nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro và tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển các sản phẩm thị trường tài chính chuyên nghiệp và phức tạp, đón đầu cơ hội để khai thác thị trường tài chính hiện đại và khách hàng có hiểu biết sâu về các sản phẩm tài chính ở phân khúc cao cấp.

Bước sang năm 2018 với nhiều thử thách phía trước, mục tiêu của Khối Thị trường Tài chính là đảm bảo thanh khoản đồng thời phấn đấu trở thành đơn vị kinh doanh có lợi nhuận cao nhất toàn ngân hàng. Khối sẽ tiếp tục phát huy những thế mạnh của mình nhằm giúp VPBank giữ vững vị trí nhà tạo lập thị trường tiêu biểu trên thị trường trái phiếu Chính phủ và trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, với khối lượng giao dịch hàng đầu trên cả thị trường sơ cấp và thứ cấp. VPBank sẽ tiếp tục là đối tác tin cậy của các quỹ đầu tư trong và ngoài nước, các công ty chứng khoán, các ngân hàng khi đầu tư trái phiếu Chính phủ và trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ; Giao dịch ngoại hối sẽ vẫn là lợi thế của VPBank với nhiều sản phẩm đa dạng, đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế, đầu tư trực tiếp và gián tiếp. Đội ngũ bán sản phẩm Thị trường Tài chính sẽ ngày càng được củng cố và mở rộng, ngoài phục vụ khách hàng doanh nghiệp sẽ có thêm các chuyên gia phục vụ khách hàng cá nhân để đáp ứng các nhu cầu du lịch, học tập, đầu tư... của khách hàng.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG SỐ

Năm 2017 tiếp tục đánh dấu một năm chuyển đổi mạnh mẽ và tập trung triển khai các định hướng chiến lược số hóa của VPBank. Nhằm tập trung đẩy nhanh quá trình số hoá, với tư vấn của McKinsey, VPBank đã thành lập Trung tâm Số hoá Ngân hàng (Digital Lab), là nơi tập trung các nguồn lực và kỹ năng thiết yếu cho công cuộc số hoá các hành trình trải nghiệm khách hàng, cũng là nơi ươm trồng những mô hình kinh doanh số mới. Bằng cách tận dụng những ưu thế của phương pháp làm việc Agile, Trung tâm này đang tiến hành tối ưu hóa, rút ngắn quy trình mang đến tiện ích vượt trội cho khách hàng dựa trên công nghệ, rút ngắn thời gian đưa sản phẩm ra thị trường.

Kết quả bước đầu khả quan là minh chứng cho chiến lược số hóa của Ban lãnh đạo VPBank. Cụ thể, Trung tâm Số hoá Ngân hàng đã cho ra mắt hàng loạt các sản phẩm, ứng dụng phục vụ mục đích cho vay tiêu dùng, giúp khách hàng quản lý tài chính để đạt tới những mục

tiêu trong cuộc sống, và bước đầu chạm tới nhu cầu trao đổi thông tin và tìm kiếm cơ hội tài chính của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Dù mới mẻ, các sản phẩm, ứng dụng trên đã thu hút hơn nửa triệu lượt khách hàng quan tâm, tìm hiểu và truy cập sử dụng trong vòng sáu tháng sau khi đưa ra thị trường.

Bên cạnh mục tiêu số hóa các hành trình trải nghiệm cho khách hàng, VPBank tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các công ty khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ tài chính (fintech) nhằm áp dụng các ý tưởng đột phá vào dịch vụ ngân hàng, mang tới những trải nghiệm mới cũng như các sản phẩm sáng tạo đến với khách hàng. Tiêu biểu có thể kể tới việc hợp tác trên ngân hàng số đầu tiên ở Việt Nam là Timo. Trong năm 2017, Timo đã cho ra mắt nhiều sản phẩm, tính năng mới phục vụ khách hàng như các sản phẩm tín dụng tiên tiến, đồng thời mở rộng địa bàn kinh doanh ra các thành phố Cần Thơ, Đà Nẵng, qua đó nâng cao sức thu hút khách hàng lên hơn 3 lần so với cuối năm 2016. Không chỉ còn gói gọn phạm vi hợp tác với các đối tác thanh toán, đối tác quản lý tài chính, VPBank cũng đã bước đầu bắt tay cùng với các đối tác cung cấp dịch vụ viễn thông nhằm cung cấp dịch vụ tài chính ngân hàng qua thiết bị di động. Việc hợp tác với các đối tác lớn này nhằm tiến tới phổ cập rộng rãi dịch vụ tài chính ngân hàng tới mọi đối tượng, thu hút các khách hàng chưa từng sử dụng dịch vụ của ngân hàng thông qua các tính năng đơn giản, tiện lợi. Đây cũng là cách mà VPBank giúp các khách hàng mới này truy cập được vào các dịch vụ tín dụng mà trước đây họ không có điều kiện tiếp cận.

Song song với các điểm nổi bật nêu trên, VPBank vẫn tiếp tục nỗ lực đẩy mạnh số hóa các sản phẩm, quy trình, nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng trực tuyến. Nhờ đó, số người dùng dịch vụ ngân hàng trực tuyến của VPBank tăng gấp 2 lần so với 2016; số sổ tiết kiệm được mở qua các kênh trực tuyến chiếm tới gần 60% tổng số sổ tiết kiệm được mở tại Ngân hàng. Tỷ lệ giao dịch tài

chính được thực hiện qua các kênh số hóa chiếm hơn 40% tổng lượng giao dịch và số lượng giao dịch tài chính qua các kênh này trung bình đạt 1 triệu giao dịch mỗi tháng. Số hợp đồng khoản vay trực tuyến và mở thẻ tín dụng cũng tăng tới 4 lần so với 2016.

Những thành quả nổi bật trong việc số hóa đã giúp khẳng định vị thế và uy tín của VPBank trên thị trường ngân hàng Việt Nam nói chung và trong hoạt động số hóa ngân hàng nói riêng. Trong năm 2018, Khối Dịch vụ ngân hàng công nghệ số (DBS) sẽ tiếp tục trung thành với chiến lược số hóa của Ban lãnh đạo đưa ra. Theo đó, DBS sẽ chú trọng vào tăng trưởng khách hàng, hợp tác với các đối tác fintech, triển khai mạnh mẽ các sáng kiến và phát triển, sáng tạo các hành trình trải nghiệm mới cho khách hàng, khẳng định vai trò tiên phong trong lĩnh vực số hóa trong ngành ngân hàng Việt Nam. Năm 2018 cũng được coi là một năm bản lề, khi mà các hoạt động số hóa của ngân hàng được tập trung hơn nữa vào việc đưa ra những trải nghiệm hoàn toàn mới, giảm thiểu tỷ lệ chi phí trên doanh thu, đồng thời mang lại những nguồn doanh thu mới.

Bên cạnh Khối DBS với mục tiêu số hóa các sản phẩm, quy trình, dịch vụ ngân hàng hiện tại, VPBank tiếp tục tham vọng xây dựng một ngân hàng hoàn toàn dựa trên nền tảng số bằng sự ra đời của Khối Ngân hàng số - VPDirect vào tháng 1/2017. VPDirect được thành lập nhằm gắn dịch vụ ngân hàng vào đời sống và thanh toán của mọi tầng lớp trong xã hội, mở rộng phạm vi khách hàng ra những đối tượng chưa từng có tài khoản ngân hàng. Không chỉ bao gồm những chức năng truyền thống của dịch vụ tài chính như chuyển khoản, thanh toán, gửi tiết kiệm, dịch vụ thẻ, nền tảng của VPDirect còn có thể giúp khách hàng quản lý tài chính cá nhân, giải trí, mua sắm, đặt phòng khách sạn. Dự kiến ra mắt vào tháng 4/2018, nền tảng này được mong đợi sẽ tạo ra một bước đột phá trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng tại Việt Nam.



**NHỮNG THÀNH TỰU
VỀ XÂY DỰNG**

NỀN TẢNG



**Giải pháp
tốt nhất cho
phân khúc thẻ**



Mastercard



**Sản phẩm tín dụng
tốt nhất của năm
(Sản phẩm Thuế+
của CommCredit)**



Asian Banking Finance



QUẢN TRỊ RỦI RO

Khung quản trị rủi ro của VPBank tiếp tục được cải thiện, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế qua việc ban hành nhiều chính sách và hệ thống hóa văn bản, trong đó quản trị rủi ro đã được lồng ghép vào các quy trình hoạch định chiến lược, vốn và tài chính cũng như quy trình kinh doanh thường nhật. Nhiều buổi đào tạo, truyền thông được tổ chức đã tạo nên văn hóa quản trị rủi ro tại các đơn vị kinh doanh.

Sau một năm triển khai Thông tư 41/2016-NHNN, ban hành ngày 30/12/2016, quy định các tiêu chuẩn của Basel II áp dụng cho thị trường Việt Nam, VPBank đã tuân thủ và tuân thủ sớm các chỉ số rủi ro theo lộ trình của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Tới năm 2018, VPBank dự kiến tính toán các chỉ số rủi ro theo phương pháp tiên tiến của Basel II, nâng cấp so với phương pháp tiêu chuẩn hiện tại, áp dụng quy trình đánh giá an toàn vốn nội bộ (ICAAP) và thực hiện các giải pháp rủi ro tích hợp.

Quản trị rủi ro tín dụng

Năm 2017, VPBank thực hiện điều chỉnh một số chính sách tín dụng quan trọng để phù hợp với chính sách tín dụng mới ban hành của NHNN, như Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay, Thông tư số 13/2017/TT-NHNN về bảo lãnh ngân hàng, Thông tư số 14/2017/TT-NHNN về phương pháp tính lãi trong nhận tiền gửi, cấp tín dụng... VPBank luôn đảm bảo chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ ở tất cả các phân khúc khách hàng và tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ được duy trì dưới 3%.

Nổi tiếp thành công về xây dựng và áp dụng các mô hình chấm điểm rủi ro tín dụng, VPBank cũng đã xây dựng được nhiều mô hình mới trong năm 2017 bằng các kỹ thuật tiên tiến theo chuẩn quốc tế, khai thác dữ liệu lớn góp phần chọn lọc khách hàng, tăng cường bán chéo, cải thiện chất lượng danh mục và nâng cao hiệu quả thu hồi nợ sớm.

Mô hình chấm điểm dựa trên dữ liệu lớn của các công ty viễn thông như Mobifone, Viettel đã được triển khai thành công, bước đầu đem lại hiệu quả trong việc thu hút khách hàng mới cho Khối Khách hàng Cá nhân. Ngân hàng cũng đã triển khai mô hình phê duyệt tự động có sự hỗ trợ của các mô hình chấm điểm cho sản phẩm vay tín chấp, từ đó tăng chất lượng cấp tín dụng và xây dựng hệ thống Quản lý thông tin khách hàng doanh nghiệp (CLOS). Hệ thống CLOS cho phép quản lý tự động các khách hàng doanh nghiệp từ khi mở tài khoản, xếp loại khách hàng, cấp tín dụng đến theo dõi tài chính, thu hồi nợ sau này.

Nhờ mở rộng hợp tác với các đối tác chiến lược, gồm các công ty viễn thông và hãng hàng không trong năm 2017, Ngân hàng đã thực hiện đa dạng hóa được danh mục khách hàng, đồng thời cũng giúp phân tán rủi ro và tăng cường quản trị rủi ro ở các mảng kinh doanh mới như Khối Tín dụng Tiêu thương hoặc Khối Dịch vụ Ngân hàng công nghệ số.

Quản trị rủi ro thị trường

Ngân hàng đã ban hành quy chế phân tách số kinh doanh và số ngân hàng tuân thủ các tiêu chuẩn của Basel II, đảm bảo từng danh mục đầu tư của VPBank được kiểm soát rủi ro và đánh giá cụ thể tác động đến lợi nhuận tại mọi thời điểm. Việc phân tách cũng giúp xác định rõ chức năng quản lý rủi ro thanh khoản, thiết lập giới hạn về khe hở thanh khoản. Giới hạn này sẽ phải tuân thủ theo khẩu vị rủi ro của VPBank và các quy định của NHNN và yêu cầu từ các nhà đầu tư bên ngoài.

Từng giao dịch của VPBank với các khách hàng định chế tài chính được quản lý, theo dõi bởi chính sách hạn mức và quản trị rủi ro thị trường, đảm bảo tuân thủ 3 lớp phòng vệ rủi ro, phân tách chức năng nhiệm vụ rõ ràng của từng phòng ban tham gia giao dịch, nhận diện được rủi ro thị trường dễ dàng và hạn chế rủi ro ở mức tối thiểu.

Chiến lược kinh doanh của Khối Thị trường Tài chính được hoàn thiện, trong đó có cách thức triển khai cụ thể, lộ trình thực hiện trong từng năm đảm bảo phù hợp với các chính sách quản lý rủi ro do Khối Quản trị Rủi ro xây dựng và thực hiện giám sát.

VPBank áp dụng các mô hình định giá hiện đại nhằm đo lường, theo dõi giá trị danh mục tại mọi thời điểm sát với thị trường, hỗ trợ kinh doanh, can thiệp kịp thời đảm bảo hoạt động an toàn.

Quản trị rủi ro hoạt động

Mô hình quản trị rủi ro hoạt động (QTRRHĐ) đã mang lại nhiều giá trị cho VPBank trong năm 2017. Các chỉ số rủi ro chính (KRIs) đã trở thành một công cụ hữu hiệu cho các đơn vị kinh doanh phát hiện những khu vực có rủi ro cao, từ đó, tập trung nguồn lực để giảm thiểu rủi ro tại các khu vực này. Trong công tác quản trị hồ sơ rủi ro của Ngân hàng, 90% danh mục rủi ro thấp, 81% danh mục sự kiện rủi ro trung bình và 72% danh mục sự kiện rủi ro cao đã được xử lý xong trong năm 2017. Thời gian xử lý sự kiện, phát hiện nguyên nhân gốc rễ và khắc phục những điểm yếu trong chính sách và các chốt kiểm soát đã giảm xuống. Nhận thức của cán bộ nhân viên về rủi ro hoạt động được nâng cao. Điều này góp phần giảm khoảng thời gian từ thời điểm phát hiện sự kiện rủi ro bởi đơn vị kinh doanh đến thời điểm sự kiện rủi ro được báo

cáo lên bộ phận QTRRHĐ, góp phần quản lý hồ sơ rủi ro hoạt động của Ngân hàng tốt hơn trong năm 2017.

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của quản trị rủi ro hoạt động, trong năm 2017 VPBank đã xây dựng và kiểm thử kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP) cho các đơn vị quan trọng của Ngân hàng. Việc xây dựng BCP góp phần giúp VPBank chủ động ứng phó hiệu quả trước các tình huống khủng hoảng, duy trì kinh doanh liên tục, bảo vệ hình ảnh, danh tiếng cho Ngân hàng.

VPBank đã xây dựng hệ thống cảnh báo gian lận, áp dụng mô hình hóa, phân tích dữ liệu và chương trình khách hàng bí mật để khoanh vùng các khu vực, mảng nghiệp vụ có nhiều rủi ro nhằm phát hiện các trường hợp gian lận sớm, thu hồi nhiều tỷ đồng cho Ngân hàng. Ngoài ra tỷ lệ ngăn chặn phòng ngừa gian lận cải thiện rõ rệt tăng từ 70% năm 2016 lên 90% năm 2017.

VPBank xây dựng khung về bảo mật thông tin tuân thủ tiêu chuẩn Việt Nam và thông lệ quốc tế như: ISO27001, COBIT, PCI-DSS để nâng cao năng lực an toàn thông tin của ngân hàng. Việc tuân thủ các tiêu chuẩn giúp VPBank vận hành một cách hiệu quả, an toàn và giảm thiểu được các rủi ro. Với sự hỗ trợ tư vấn của công ty kiểm toán E&Y, Ngân hàng đã xây dựng chiến lược và lộ trình triển khai chi tiết cho công tác bảo mật thông tin đến năm 2020. Chiến lược này bao gồm trên 40 dự án về An ninh thông tin (ANTT) nhằm tăng cường năng lực một cách toàn diện từ quy trình đến công nghệ con người. Trong năm 2017, VPBank đã triển khai trên 10 dự án giúp tăng cường hệ thống an ninh thông tin cũng như hỗ trợ chiến lược công nghệ số của Ngân hàng. Các dự án này nằm trong chiến lược dài hạn của Ngân hàng và góp phần hoàn thiện hệ thống ANTT theo đúng lộ trình đã đề ra.

Thu hồi nợ

Năm 2017 là năm tạo nền tảng cốt lõi cho sự phát triển nhanh và bền vững của VPBank về công tác thu hồi nợ, từ việc tăng cường về chất lượng nguồn nhân lực trẻ, năng động, được đào tạo bài bản để nâng cao trình độ kỹ thuật, đến việc không ngừng đầu tư và phát triển các hệ thống, công cụ để nâng cao chất lượng xử lý nợ. Trong năm 2017, Ngân hàng đã ứng dụng phần mềm thu hồi nợ và gọi điện thoại tự động Medialtel & Tethys cho toàn bộ các phân khúc với ba triệu cuộc gọi, một triệu tin nhắn nhắc nợ SMS và 16.000 thư nhắc nợ được gửi mỗi tháng. Bên cạnh đó, VPBank cũng tích cực hỗ trợ xây dựng các giải pháp tài chính phù hợp cho các khách hàng có khó khăn tài chính tạm thời để có thể duy trì và tiếp tục kinh doanh góp phần giảm các khoản nợ xấu tại ngân hàng.

Với sự hỗ trợ từ Quốc hội, qua việc ban hành Nghị quyết

42/2017/QH14 về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, VPBank đã áp dụng các quy định của Nghị quyết trong công tác xử lý nợ nhu quyền thu giữ tài sản bảo đảm, thủ tục tố tụng rút gọn... để đạt mục tiêu xử lý nợ xấu một cách triệt để.

Năm 2018, mục tiêu chiến lược của VPBank là tiếp tục củng cố và xây dựng các hệ thống nền tảng, với trọng tâm là hệ thống quản trị rủi ro bao gồm cả an ninh công nghệ. Công tác quản trị rủi ro của VPBank sẽ tập trung nâng cao năng suất và hiệu suất làm việc thông qua cải tiến quy trình dựa trên cơ sở kiểm định lại các bộ xếp hạng khách hàng từ đó cải tiến để tối ưu quy trình phê duyệt tự động Ngân hàng cũng tăng cường hiệu quả phối hợp và nâng cao chất lượng hỗ trợ các khối kinh doanh trong quá trình xây dựng và phát triển sản phẩm, đánh giá rủi ro định kỳ, tối ưu hóa nguồn lực. Mảng công tác thu nợ, bên cạnh việc tiếp tục duy trì các biện pháp truyền thống, Ngân hàng sẽ triển khai các hình thức nhắc nợ mới thông qua tin nhắn Zalo và tin nhắn video với mục tiêu kiểm chế gia tăng các nhóm nợ và giảm bớt nợ xấu. VPBank sẽ tiếp tục tăng cường công tác quản lý rủi ro hoạt động và phòng chống gian lận bằng việc tập trung vào những khu vực rủi ro cao, thực hiện các kỹ thuật khai thác dữ liệu và tăng cường nhận thức về rủi ro.

VẬN HÀNH

Trong năm 2017, VPBank đã thành công trong việc xây dựng một nền tảng vận hành vững chắc, tạo sức bật cho sự tăng trưởng mạnh mẽ của Ngân hàng. Thành công đó có được nhờ Ngân hàng luôn chú trọng vào ba trụ cột chính:

- Luôn hướng tới việc cung cấp trải nghiệm khách hàng xuất sắc, sáng tạo, và đáng tin cậy.
- Ứng dụng công nghệ và chú trọng đến việc cải thiện năng suất.
- Đẩy mạnh công tác kiểm soát vận hành và quản lý rủi ro ở các chi nhánh, bộ phận hỗ trợ.

Dịch vụ khách hàng

Để đạt được mục tiêu trở thành Ngân hàng có dịch vụ khách hàng hàng đầu, VPBank đã liên tục cải thiện dịch vụ dựa trên nhiều biện pháp khác nhau:

- Tiếng nói khách hàng: Phản hồi của khách hàng về trải nghiệm cũng như kỳ vọng của họ về sản phẩm và dịch vụ Ngân hàng được tiếp nhận qua nhiều kênh.
- Phân tích phản hồi của khách hàng: Công cụ thống kê được dùng để phân nhóm tất cả các phản hồi, xác định nguyên nhân gốc rễ và chuyển thành các bước giải quyết cụ thể.
- Thiết kế lại các quy trình tương tác với khách hàng:



Thông qua việc tự động hóa, tập trung hóa, và tái thiết kế, nhiều quy trình tương tác với khách hàng đã được điều chỉnh lại để tăng cường tính tiện lợi trong trải nghiệm khách hàng.

- **Năng lực tự phục vụ cho khách hàng:** Trong khi Ngân hàng bổ sung thêm máy ATM và máy nộp tiền tự động (CDM), Khối Vận hành cũng đã tăng cường tính năng của máy để khách hàng có thể tự chọn thời điểm giao dịch, kể cả khi đã hết giờ giao dịch chính thức. Chỉ sau hơn 1 năm triển khai, 85% khách hàng tại các điểm giao dịch có lắp đặt máy CDM đã chuyển sang sử dụng máy CDM cho các giao dịch tiền mặt thay vì sử dụng các dịch vụ tại quầy.
- **Thời gian phục vụ khách hàng của cán bộ mảng dịch vụ:** Mặc dù số lượng khách hàng tiếp tục tăng lên đáng kể, nhưng các nhân viên mảng dịch vụ vẫn có thêm thời gian phục vụ và tư vấn cho khách hàng tại chi nhánh nhờ quy trình hiệu quả hơn và công cụ tự giao dịch tốt hơn.
- **Giải quyết vấn đề của khách hàng:** Bộ phận Xử lý Khiếu nại tập trung đã đi vào hoạt động, tập trung hoàn toàn vào việc giải quyết nhanh chóng các vấn đề về giao dịch ngân hàng khách hàng gặp phải.
- **Thời gian cung cấp sản phẩm và dịch vụ:** Khối Vận hành và Khối Quản trị Rủi ro đã phối hợp chặt chẽ

trong việc tăng cường năng lực của hệ thống khởi tạo khoản vay nhằm giúp cung cấp các sản phẩm cho vay đến khách hàng một cách nhanh chóng hơn. Việc áp dụng thành công quy trình phê duyệt tự động mới cho các khoản vay không có tài sản bảo đảm, không chỉ góp phần cải thiện chất lượng khoản vay mà còn tăng năng suất lên ít nhất 60%-70%. Hơn nữa, các công cụ tự động hóa khác được triển khai đã giúp giảm thời gian nhận tiền, mở tài khoản lương, cung cấp sao kê, và tư vấn giao dịch cho cả khách hàng cá nhân lẫn khách hàng doanh nghiệp.

- **Cải thiện trải nghiệm khách hàng trong vòng đời sản phẩm:** VPBank cũng đã triển khai nhiều sáng kiến nhằm đảm bảo giảm thiểu các vấn đề về vận hành mà chủ thẻ tín dụng của VPBank gặp phải trong toàn bộ vòng đời của sản phẩm, từ giai đoạn tiếp nhận và kích hoạt thẻ, đến quá trình sử dụng ở ATM, POS và trực tuyến, nhận sao kê định kỳ và cảnh báo, trả nợ qua các kênh khác nhau và cuối cùng là quá trình gia hạn thẻ.
- **Đào tạo về dịch vụ:** Trong những tuần và tháng đầu được tuyển dụng vào làm việc tại Ngân hàng, tất cả cán bộ mảng dịch vụ hiện nay đều được đào tạo chuyên sâu. Sau đó, họ được tham gia các chương trình đào tạo thường xuyên, định kỳ và nhận chứng chỉ, qua đó liên tục cải thiện năng lực cung cấp dịch vụ.

- Hiệu quả của các kênh thay thế: Ngoài việc nâng cao chất lượng dịch vụ ở chi nhánh, Ngân hàng cũng đã quan tâm nhiều hơn đến các kênh phân phối khác. Hiện nay, số lượng cuộc gọi của khách hàng tới Phòng Chăm sóc và Dịch vụ Khách hàng 24/7 cao hơn gần 2 lần so với thời điểm 1 năm trước đây do số lượng khách hàng và phạm vi công việc tăng lên. Do đó, Ngân hàng đang triển khai một hệ thống tổng đài 24/7 tiên tiến, qua đó giúp nâng cao trải nghiệm tổng thể của khách hàng. Tương tự, Khối Vận hành cũng chuyển đổi CDM thành máy rút-nhận tiền hai chiều (recycling machine).

Hiệu quả vận hành

Để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ khách hàng, tất cả các yếu tố bao gồm công nghệ, quản lý quy trình kinh doanh, phát triển con người và quản lý tri thức đều đã được lồng ghép vào các hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Thông qua việc sử dụng các công cụ tự động hóa, tài liệu quy trình và tiêu chí đo lường hoạt động, VPBank đã xây dựng thành công văn hóa liên tục cải tiến ở tất cả các bộ phận khác nhau.

Hệ thống khởi tạo khoản vay mới triển khai đã giúp cải thiện năng suất lao động một cách đáng kể ở các bộ phận xử lý tín dụng, cho phép giảm tổng thời gian phục vụ với mỗi khách hàng. Việc kết nối trực tiếp hệ thống này với các nhà cung cấp nội dung bên ngoài giúp tăng cường hơn nữa hiệu quả của hoạt động cho vay.

Để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin và dữ liệu gấp của khách hàng doanh nghiệp, VPBank đã tự

động hóa thành công việc trích xuất và cung cấp thông tin, dữ liệu cho khách hàng. Nhờ áp dụng các công nghệ tự động hóa, mảng thanh toán và nghiệp vụ thương mại tiếp tục cải thiện tỷ lệ xử lý thẳng giao dịch trong năm 2017.

Ở các bộ phận phi vận hành như trung tâm dịch vụ nội bộ, các mảng như mua sắm và đấu thầu, quản lý tài sản, việc tối ưu hóa chi phí đã được chú trọng đặc biệt. Phòng phát triển mạng lưới đang thực hiện đúng lịch trình mở mới năm phòng giao dịch vào đầu năm 2018. Bên cạnh đó, kế hoạch tăng cường và tối ưu hóa phân bố mạng lưới ATM và CDM đã được xây dựng chi tiết.

Kiểm soát vận hành

Trong năm 2017, khung kiểm tra và đánh giá, kiểm soát rủi ro vận hành (RCSA) đã được áp dụng trên toàn Khối Vận hành. Qua đó, Ngân hàng chính thức hóa chiến lược quản lý rủi ro “ba tuyến phòng thủ” và tuân thủ các quy định của Ủy ban Basel về xác định, đo lường, quản lý, kiểm soát, báo cáo hàng ngày các rủi ro vận hành hiện có cũng như các rủi ro tiềm tàng.

Tất cả các bộ phận xử lý giao dịch ở các đơn vị như tài trợ thương mại, nghiệp vụ thị trường tài chính, thanh toán và vận hành tín dụng đã xây dựng thành công hồ sơ rủi ro và thiết lập chỉ số rủi ro chính nhằm quản lý, giám sát và giảm thiểu rủi ro vận hành tiềm tàng.

Ngoài việc xây dựng khung RCSA, VPBank cũng đã có nhiều động thái tích cực nhằm thiết kế cơ chế kiểm soát toàn diện cho việc kiểm tra mức độ hiệu quả của



các chốt kiểm soát ở chi nhánh và các bộ phận nghiệp vụ ở Hội sở.

Bộ phận kiểm soát sau đã nâng cấp hệ thống giám sát nhằm có được dữ liệu chất lượng hơn, giúp kiểm soát và giám sát tín dụng của khách hàng một cách hiệu quả hơn. Mặc dù ban đầu, bộ phận này được thiết lập để giám sát cho vay cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong năm 2017, phạm vi kiểm soát đã được mở rộng sang cả danh mục cho vay cho khách hàng cá nhân.

Để bảo vệ chủ thẻ tín dụng trước tình hình gian lận ngày càng gia tăng, VPBank đã triển khai giao thức bảo mật 3D vào năm 2016. Thêm vào đó, một chương trình kiểm toán về độ an toàn của mã PIN được tiến hành và đã chứng thực thêm cho tính bảo mật trong hoạt động thẻ của Ngân hàng.

Với nền tảng vững chắc được thiết lập năm 2017, trong năm 2018, Khối Vận hành sẽ tiếp tục đẩy mạnh cung cấp dịch vụ thông qua việc số hóa, triển khai dịch vụ tự phục vụ cho khách hàng đồng thời tự động hoá các quy trình hỗ trợ nhằm mang lại sự hài lòng tối đa đồng thời tối ưu hóa chi phí hoạt động.

QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực luôn là ưu tiên hàng đầu của VPBank và là một trong những yếu tố then chốt dẫn đến thành công của Ngân hàng trong năm 2017. Kế thừa các nền tảng về mô hình “Họ công việc” (Job Family modelling), trong năm 2017, VPBank tiếp tục có các bước tiến mạnh mẽ và quyết liệt để hoàn thiện hệ thống công việc chuẩn của Ngân hàng, làm tiền đề cho việc quản lý sự thay đổi và tạo sự đột phá cho chiến lược 2018-2022. Việc triển khai hệ thống “Họ công việc” cung cấp cho các nhà quản trị một công cụ hữu hiệu trong việc hoạch định, phát triển và gìn giữ nhân tài, tạo cơ hội để cán bộ nhân viên nhận diện và tìm kiếm các cơ hội nghề nghiệp phong phú theo “Họ công việc” với các định hướng rõ ràng trong lộ trình phát triển cá nhân tại VPBank.

Với khẩu hiệu “Không chỉ là công việc, mà là sự nghiệp”, VPBank đã dần khẳng định thương hiệu Nhà tuyển dụng được lựa chọn trên thị trường. Tính đến cuối năm 2017, cùng với sự phát triển bền vững trong suốt 5 năm chuyển đổi của mình, VPBank đã tạo cơ hội việc làm cho hơn 10.000 lao động trên thị trường. VPBank cũng đã tăng cường các hoạt động liên kết với các trường đại học cung cấp nhiều cơ hội thực tập cho đội ngũ các sinh viên trẻ được trải nghiệm nghề nghiệp thực tế thông qua các dự án, các chương trình làm việc tại hệ thống chi nhánh và phòng ban Hội sở. Rất nhiều sinh viên trẻ tiềm năng đã trở thành cán bộ nhân viên của VPBank sau các chương trình thực tập.

Công tác đào tạo và phát triển nhân viên toàn ngân hàng được chú trọng hơn trong năm 2017, với việc tiếp tục triển khai chương trình đào tạo theo nhóm công việc nhằm nâng cao kiến thức và năng lực của nhân viên. Song song với việc triển khai các lớp huấn luyện kỹ năng bán hàng và nhận biết rủi ro tín dụng dành cho các đơn vị chủ chốt tạo ra nguồn doanh thu chính cho ngân hàng, các lớp kỹ năng mềm và kiến thức cho các đơn vị hỗ trợ nhằm nâng cao hiểu biết và hiệu suất làm việc, Học viện VPBank đã triển khai thử nghiệm thành công hệ thống đào tạo trực tuyến trên nền tảng điện toán đám mây, tạo điều kiện cho các cán bộ của Ngân hàng có thể học tập, thi lấy chứng chỉ trực tuyến, mọi lúc mọi nơi, trên nhiều loại thiết bị dùng các hệ điều hành khác nhau. Với kết quả đáng khích lệ này, trong năm 2018, Học viện sẽ tiếp tục nghiên cứu mở rộng và triển khai sâu rộng hệ thống đào tạo trực tuyến, bổ sung các tính năng tiện dụng và xây dựng các chương trình đào tạo đáp ứng nhiều đối tượng với mục tiêu thay đổi văn hóa học tập tại VPBank, hướng tới một cộng đồng chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm toàn hàng.

Cùng việc liên tục triển khai và cải thiện chiến lược Quản trị nhân sự, VPBank đang từng bước khẳng định vị thế của mình trên thị trường tài chính nói chung và lĩnh vực nhân sự nói riêng. Với những nỗ lực không ngừng, VPBank đã góp mặt trong danh sách Top 100 Thương hiệu tuyển dụng hàng đầu châu Á - Asia Best Employer Brand Award 2017 - giải thưởng uy tín được xét duyệt bởi các chuyên gia dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực nhân sự tại khu vực châu Á và thế giới. Công ty Anphabe và Nielsen cũng công bố VPBank đứng trong top 5 nơi làm việc hạnh phúc, đứng thứ 26 trong số 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam. Các giải thưởng quan trọng, được trao tặng bởi các tổ chức uy tín trong và ngoài nước, một lần nữa ghi nhận những nỗ lực hiệu quả và bền vững của VPBank trong chiến lược quản trị nhân sự.

Với tinh thần không ngừng hoàn thiện và phát triển, VPBank tiếp tục tiếp thu ý kiến đóng góp của cán bộ nhân viên, hoàn thiện hệ thống, hướng dẫn người dùng, đảm bảo các hệ thống đã triển khai được sử dụng hiệu quả nhất. Tuyển dụng đúng người, giữ chân cán bộ nhân viên có hiệu quả làm việc tốt và tiếp tục hoàn thiện các phân hệ quản trị nền tảng, thay đổi văn hóa học tập trên nền tảng công nghệ cao tiếp tục là những nhiệm vụ trọng tâm của VPBank trong năm 2018 trong nỗ lực khẳng định thương hiệu nơi làm việc hàng đầu Việt Nam.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nhìn nhận được tầm quan trọng của công nghệ thông tin đối với sự phát triển bền vững của Ngân hàng, trong năm 2017, VPBank đã triển khai thực hiện nhiều sáng kiến nhằm cải thiện hệ thống kỹ thuật cốt lõi, phát triển

tính năng phục vụ kinh doanh, tối ưu hóa quy trình nội bộ và tiết kiệm chi phí, đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ, điển hình như:

- Dịch chuyển quy trình khởi tạo khoản vay, triển khai dịch vụ Internet và Mobile Banking sang một nền tảng mới được cung cấp bởi những công ty quốc tế uy tín đồng thời đưa vào vận hành mới quy trình Thẻ tín dụng số.
- Nâng cấp hệ thống ngân hàng lõi (core banking) – sản phẩm của nhà cung cấp hệ thống ngân hàng lõi hàng đầu thế giới Temenos – tạo tiền đề cho việc đưa ra các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng mới.
- Các quy trình mới về Mua sắm, Tài chính, Nhân sự cũng được đưa vào vận hành trên nền tảng SAP ERP, giúp công tác quản trị nhân sự, kế toán được xử lý một cách có tổ chức và kiểm soát tốt hơn.
- Thực hiện nâng cấp mạnh mẽ cơ sở hạ tầng, từ trung tâm tới các địa bàn xa xôi, tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động kinh doanh. Hệ thống lưu trữ mới sẽ đảm bảo an toàn và bảo mật dữ liệu. Sự cải tạo về hệ thống mạng, ATM tại các chi nhánh giúp mang lại sự cải thiện đáng kể về tính sẵn sàng của các hệ thống này.
- Trang bị phương tiện di động cho các nhân viên bán hàng. Các nhân viên bán hàng của Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ và Khối Tín dụng Tiểu thương đã có thể làm việc từ xa nhờ sử dụng các thiết bị di động trong công việc.
- Dịch vụ điện toán đám mây giúp công việc của các nhân viên bán hàng được trở nên thuận lợi hơn rất nhiều.

VPBank đang trải qua một quá trình thay đổi nhanh chóng, với hơn 30 dự án và hơn 1.500 thay đổi, tương đương với tốc độ tăng trưởng gấp 2,5 lần so với cùng kỳ năm 2016. Những sáng kiến về thay đổi hệ thống cốt lõi, về kiểm soát hệ thống mạng đã cho phép Ngân hàng tiết kiệm đáng kể các chi phí cho bản quyền và viễn thông.

Việc đầu tư phát triển về con người và các quy trình nội bộ đã giúp Ngân hàng đẩy nhanh tốc độ phát triển về mặt kỹ thuật:

- Dự án quản trị vòng đời phát triển phần mềm giúp Ngân hàng gia tăng mức độ kiểm soát và tin cậy đối với quá trình phát triển và giúp giảm số lỗi xảy ra.
- Chương trình nâng cao năng lực đội ngũ sâu rộng đã đem lại các chương trình đào tạo nhiều gấp đôi so với năm trước.

Trong năm 2017, Ngân hàng cũng đã phê duyệt Chiến lược Công nghệ Thông tin cho giai đoạn 2017 - 2020, là nền tảng cho hành trình số hóa của ngân hàng.

Hơn 250 sáng kiến đã được phê duyệt về kỹ thuật và cơ cấu tổ chức trong thời gian tới sẽ giúp cho Ngân hàng:

- Mở rộng cánh cửa hợp tác với các đối tác kinh doanh,
- Sẵn sàng để mở rộng hoạt động kinh doanh chấp nhận một loạt các nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài thông qua các kênh điện tử với tốc độ cao,
- Số hóa và nâng cao hiệu quả các quy trình nghiệp vụ,
- Đưa Agile (là cách tiếp cận giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, thích nghi nhanh hơn với thực tiễn, chuyển giao kết quả nhanh hơn và liên tục cải tiến) vào trong các hoạt động,
- Đảm bảo an toàn an ninh công nghệ cho Ngân hàng.

Nhằm đáp ứng sự chuyển đổi hoạt động kinh doanh hướng tới sự tăng trưởng và tính hiệu quả...đồng thời giảm thiểu rủi ro, củng cố các hoạt động cốt lõi, trong năm 2018, VPBank sẽ tiếp tục đầu tư vào các dự án công nghệ thông tin, đẩy mạnh hoạt động phát triển và vận hành hiệu quả nhằm hỗ trợ tăng trưởng, duy trì phát triển bền vững.

PHÂN TÍCH KINH DOANH

Tối ưu hóa việc khai thác hiệu quả thông tin dữ liệu đầu vào đã được VPBank thực hiện rất hiệu quả trong những năm qua, cùng với sự ra đời của Trung tâm Phân tích Kinh doanh (BIC) cách đây 4 năm. Trong năm 2017, BIC đã có nhiều nỗ lực trong việc hỗ trợ thông tin để Ban lãnh đạo Ngân hàng và các đơn vị kinh doanh có thể đưa ra các quyết định quan trọng. Bên cạnh hoạt động cung cấp dịch vụ thường kỳ như báo cáo, bảng thông tin tổng hợp, phân tích kinh doanh và quản trị dữ liệu, BIC cũng tập trung tăng năng suất lao động của cán bộ nhân viên trong Trung tâm và mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ tới các đơn vị khác như Kiểm toán Nội bộ, Khối Tín dụng Tiểu thương, VPDirect... Một số hoạt động nổi bật của Trung tâm trong năm bao gồm:

- Tự động hóa trên 90% báo cáo và bảng thông tin tổng hợp thường kỳ để dành thời gian cho các dịch vụ giá trị gia tăng như phân tích kinh doanh.
- Phát triển và triển khai Công cụ Khách hàng 360° - cung cấp thông tin đa chiều về khách hàng, hiệu quả kinh doanh, sản phẩm, cảnh báo bán hàng...cho các trung tâm SME.
- Triển khai hơn 20 dự án phân tích quan trọng và hơn 50 dự án phân tích chuyên sâu, tập trung giải quyết các vấn đề về kinh doanh cho khách hàng nội bộ và trực tiếp đóng góp vào lợi nhuận của các khối kinh doanh.
- Ra mắt công cụ phân tích kinh doanh tự động dựa trên bảng điểm xếp hạng cho chuyên viên tín dụng

Khởi Vận hành để theo dõi hiệu quả xử lý tín dụng hàng ngày.

- Tăng 35% chất lượng dữ liệu khách hàng mới.

Chuyển sang năm 2018, VPBank đặt mục tiêu nâng cao hiệu quả quản trị dữ liệu bằng cách tự động hóa quản trị chất lượng dữ liệu và quản lý dữ liệu tổng thể, nâng cao mức độ tự động hóa báo cáo và năng lực tự phục vụ, đồng thời tăng cường áp dụng các kỹ thuật phân tích dữ liệu nâng cao để chủ động hỗ trợ các chương trình số hóa của Ngân hàng.

TRUYỀN THÔNG VÀ XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU

Năm 2017 đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ của VPBank khi chuyển dịch hầu hết hoạt động truyền thông và thương hiệu sang môi trường trực tuyến (online) và mạng xã hội (social media), bám sát các xu hướng công nghệ mới để áp dụng vào các hoạt động của Ngân hàng.

Về truyền thông đối ngoại, VPBank thường xuyên cập nhật tình hình kinh doanh và quản trị của Ngân hàng trên các cổng thông tin trực tuyến và mạng xã hội của Ngân hàng, thực hiện các buổi truyền hình trực tuyến (live broadcast) định kỳ dành cho các nhà đầu tư trên toàn thế giới, cũng như chủ động

cung cấp thông tin cho các đơn vị báo chí, truyền thông trong và ngoài nước. Các hoạt động này đã cung cấp bức tranh tổng thể, sát thực và cập nhật về Ngân hàng, qua đó củng cố thêm niềm tin cho khách hàng, đối tác và nhà đầu tư. Hoạt động truyền thông trong năm 2017 cũng đã hỗ trợ tích cực cho công tác phát hành cổ phần riêng lẻ và niêm yết thành công hơn 1,3 tỷ cổ phiếu trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE), cũng như duy trì giá trị thị trường của VPBank sau sự kiện có tính lịch sử này.

Về truyền thông đối nội, VPBank liên tục nâng cao chất lượng và làm mới các ấn phẩm thường kỳ như “VPBank Today” gửi qua email, tạp chí in “Bản tin Thịnh Vương”, bản tin hình VPTV phát hành trên Facebook hay quà tặng âm nhạc qua kênh phát thanh “VPRadio” tại Hội sở hai miền. Đặc biệt, chuỗi sự kiện hết sức đa dạng từ chinh phục thử thách “Commandos – Tam Đỉnh Khai Minh”, tối kiến thức chuyên môn nghiệp vụ “Trang Nguyên VPBank”, văn nghệ “Sing & Dance” và “Rạo rục áo dài”, thể thao “VPLeague”, hay sắc đẹp “Miss & Mr VPBank” được tổ chức chuyên nghiệp và sáng tạo. Các sự kiện này đã thu hút sự quan tâm lớn của đông đảo cán bộ nhân viên, trở thành “đặc sản” và đưa VPBank trở thành ngân hàng có văn hóa doanh nghiệp đặc sắc nhất trên toàn hệ thống ngân hàng. Điều đáng nói là tất cả các chương trình nội bộ này đều được truyền thông



Cuộc thi Miss & Mr VPBank

một cách bài bản trên mạng xã hội, tạo nên hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ ra bên ngoài Ngân hàng, góp phần tạo nên thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn của VPBank trên thị trường lao động.

Về Marketing sản phẩm, trong năm 2017, VPBank đã đi sớm trong việc ứng dụng những công nghệ mới vào hoạt động marketing để tạo nên những bước đột phá. Trong đó, chương trình VayNhanhVPBank đã khai thác thành công dữ liệu lớn (big data) từ các đối tác viễn thông và mạng xã hội. Sử dụng dữ liệu lớn không chỉ mang lại nhiều hợp đồng cho vay mà còn đưa VPBank đến vị trí số 1 về vay tín chấp với thủ tục nhanh chóng và thuận tiện. Gian hàng trên Zalo của Khối Tín dụng Tiểu thương ngoài việc là công cụ tìm kiếm và chăm sóc khách hàng với chi phí rẻ, còn là gian hàng đầu tiên của một ngân hàng trên mạng xã hội nội địa lớn nhất Việt Nam.

Về hoạt động thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR), VPBank đã chính thức triển khai dự án

VPBank StartUp với ngân sách 1 triệu USD cho năm đầu tiên, hướng đến việc hỗ trợ toàn diện cộng đồng khởi nghiệp thông qua không gian làm việc chung Up@VPBank tại tầng 21 Tháp VPBank Tower. Sự hỗ trợ của VPBank đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp bao gồm tài trợ chỗ ngồi, tư vấn và đào tạo kỹ năng quản trị cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đạt chất lượng. Đến nay, VPBank Startup được coi là dự án CSR ấn tượng trong cộng đồng doanh nghiệp nói chung và ngành tài chính – ngân hàng nói riêng.

Năm 2017 là năm thứ 5 liên tiếp VPBank có mức tăng nhận biết thương hiệu dẫn đầu ngành ngân hàng - tài chính trong nước (theo Nielsen). Đồng thời, Ngân hàng cũng nhận được 20 giải thưởng do các tổ chức uy tín quốc tế trao tặng. Sang năm 2018, công tác xây dựng thương hiệu của VPBank sẽ thay đổi về chất để song hành với chiến lược kinh doanh 2018 - 2022 vừa công bố, tăng cường sức mạnh thương hiệu và hỗ trợ tốt hơn cho các hoạt động kinh doanh.



Cuộc thi leo 3 đỉnh núi Tam Đảo “Tam đỉnh khai minh”

QUẢN TRỊ

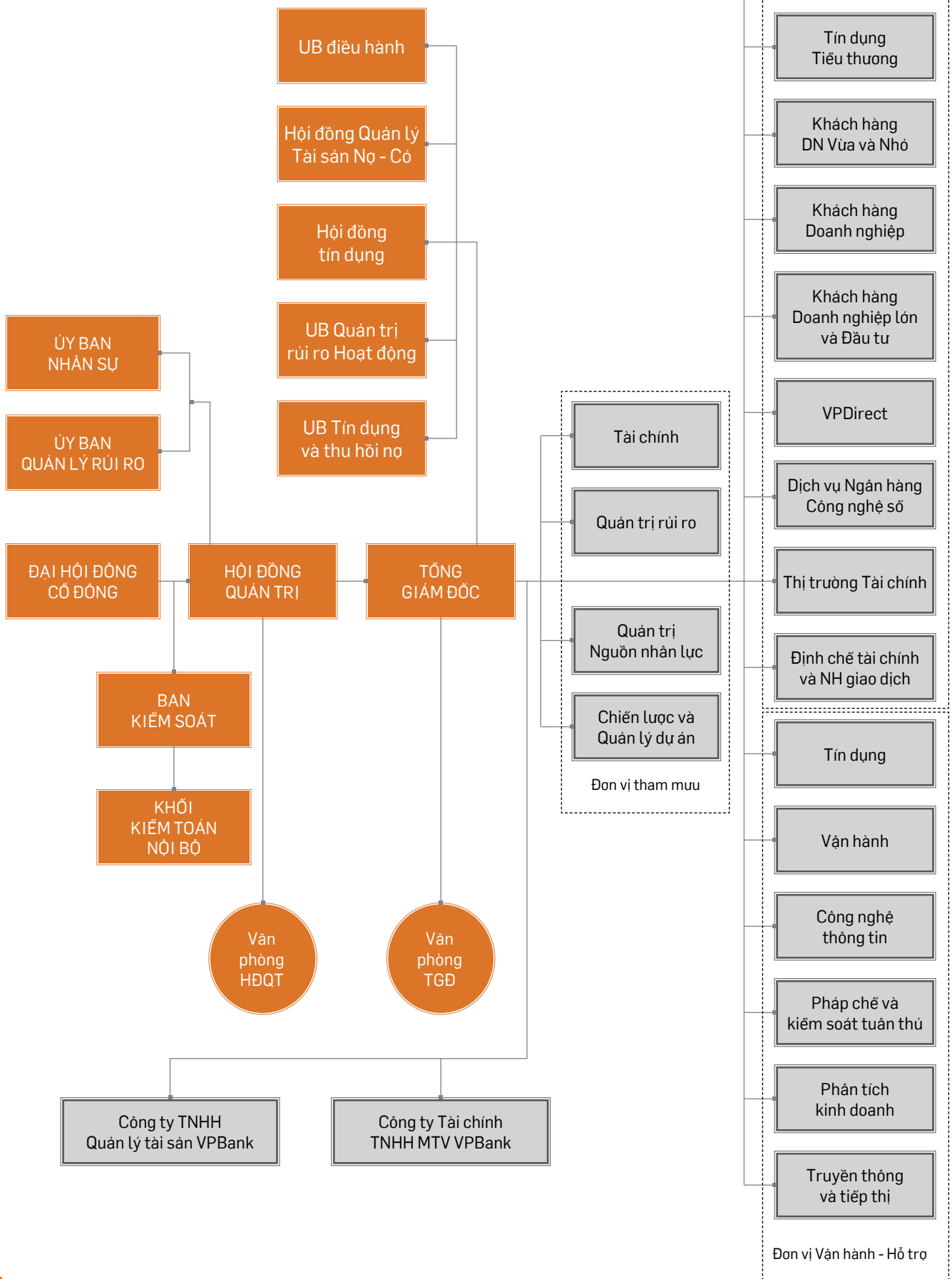
DOANH NGHIỆP

**Top 100 Thương hiệu
tuyển dụng
hàng đầu Châu Á**
Employer Branding Institute

**Nơi làm việc
hạnh phúc nhất
Việt Nam**
Anphabe & Nielsen



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. Ông NGÔ CHÍ DŨNG Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tốt nghiệp Đại học Thâm dò địa chất Moscow năm 1992, năm 2002 ông Ngô Chí Dũng bảo vệ thành công luận án Tiến sỹ Kinh tế của Viện Nghiên cứu Chiến lược Chính trị Kinh tế thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga. Từ năm 1996 đến 2004, ông là cố đồng sáng lập và được bầu làm thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quốc Tế (VIB). Từ năm 2005 đến 2010, ông Ngô Chí Dũng giữ cương vị Chủ tịch HĐQT của tập đoàn KBG (Liên bang Nga), Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank). Ông tham gia HĐQT VPBank từ tháng 4/2010 và được bầu làm Chủ tịch HĐQT VPBank cho đến nay. Bên cạnh đó, ông còn là Chủ tịch Ủy ban Nhân sự, Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý Rủi ro và là thành viên biểu quyết của một số Hội đồng như Hội đồng tín dụng, Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank.

2. Ông BÙI HẢI QUÂN Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Hải Quân tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Kiev (Ukraine) chuyên ngành Kinh tế. Ông hiện nay là Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Việt Hải, thành viên HĐQT Công ty CP Kỹ nghệ gỗ MDF Bison, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Việt Hải. Đồng thời, ông cũng là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Ván Công nghệ cao Việt Nam. Từ tháng 4/2006, ông tham gia HĐQT VPBank và được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 12/2008. Ngoài ra, hiện nay ông cũng là Chủ tịch Ủy ban Quản lý rủi ro, thành viên của Ủy ban Nhân sự. Ông Quân cũng là thành viên của Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank và Hội đồng Tín dụng cấp cao.

3. Ông LÔ BẰNG GIANG Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Lô Bằng Giang tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế của trường Đại học Tổng hợp Hàng không Quốc gia Kiev (Ukraine) năm 2002. Ông hoàn thành học vị Cử nhân Tài chính Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế, Thống kê và Thông tin Moscow (MESI) (Liên bang Nga) vào năm 2010. Ông Lô Bằng Giang là Phó Chủ tịch HĐQT VPBank từ tháng 3/2010 đến nay. Từ tháng 4/2014, Ông Giang cũng được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty tài chính VPBank. Bên cạnh đó, ông Giang cũng là thành viên của Ủy ban Nhân sự, Ủy Ban Quản lý Rủi ro, và tham gia vào các Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank, Hội đồng Tín dụng của Ngân hàng.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



4. Ông NGUYỄN VĂN HÀO Thành viên độc lập HĐQT

Ông Nguyễn Văn Hào tốt nghiệp thạc sỹ ngôn ngữ của trường Sư phạm ngoại ngữ Pyatygorsk (Liên Bang Nga) năm 1980, tốt nghiệp cử nhân kinh tế trường đại học Ngoại thương (Việt Nam) năm 1987. Trước khi đảm nhận chức vụ tại VPBank tháng 4/2015, Ông Hào đã có nhiều năm kinh nghiệm tại các vị trí quản lý như: Giám đốc điều hành Japan Airlines tại Việt Nam từ tháng 9/1994 đến tháng 8/2005; Phó Tổng Giám đốc Công ty bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam từ tháng 9/2005 đến tháng 8/2008; Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Prudential Việt Nam từ tháng 10/2008 đến 10/2010; Cố vấn tài chính tiêu dùng Tập đoàn Prudential UK từ tháng 10/2010 đến tháng 8/2013. Từ tháng 4 năm 2015 ông được bầu làm Thành viên độc lập HĐQT VPBank, ông cũng đồng thời là thành viên Ủy ban Quản lý Rủi ro.



5. Ông NGUYỄN ĐỨC VINH Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Vinh tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Pháp và Hoa Kỳ. Ông từng là Phó Tổng Giám đốc Hãng Hàng không Quốc gia Vietnam Airlines trước khi tham gia HĐQT và Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) với các vị trí như: Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT. Từ tháng 7/2012 đến nay, ông Nguyễn Đức Vinh là Tổng Giám đốc VPBank. Từ tháng 4/2013, ông Nguyễn Đức Vinh được bầu làm thành viên HĐQT VPBank.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



1. Ông NGÔ PHƯƠNG CHÍ Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Ngô Phương Chí tốt nghiệp cử nhân khoa Tài chính Ngân hàng trường Đại học Kinh tế Quốc dân năm 1992, Thạc sỹ Thương mại và quản lý chuyên ngành thị trường tài chính tại trường Đại học Hitotsubashi, Tokyo, Nhật Bản, năm 2002. Ông từng có gần 10 năm công tác tại Bộ Tài chính. Từ 6/2005-8/2010, ông là Trưởng phòng Tư vấn và sau đó là Phó Tổng Giám đốc tại Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt. Từ 11/2010-12/2011 ông trải qua các vị trí là Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Tài chính Việt Thành, Giám đốc Công ty CP Công nghệ và Đầu tư Vinafins. Giám đốc Công ty Đầu tư SCIC... Ông cũng đã từng có thời gian làm Thành viên HĐQT độc lập của VPBank nhiệm kỳ 2012-2015. Tháng 4/2017 đến nay, ông được bầu là Trưởng Ban Kiểm soát của VPBank.



2. Bà NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY Thành viên chuyên trách BKS

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy tốt nghiệp Cử nhân Kế toán trường Đại học Kinh tế Quốc dân năm 1994 và hoàn thành khóa học Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại trường Đại học Paris Dauphine & ESCP (Pháp). Bà từng là Phó Phòng Nguồn vốn tổng hợp Ngân hàng Châu Á Thái Bình Dương và Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Habubank. Từ tháng 6/2010 đến tháng 12/2013, bà Nguyễn Thị Bích Thủy là Phó Tổng Giám đốc VPBank kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Đầu tư. Tháng 4/2014, Đại hội đồng Cổ đông VPBank đã nhất trí bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Bích Thủy làm thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020.



3. Bà TRỊNH THỊ THANH HẰNG Thành viên Ban kiểm soát

Bà Trịnh Thị Thanh Hằng sở hữu bằng Thạc sỹ Tài chính ngân hàng. Bà từng công tác tại Ngân hàng TMCP Quân Đội từ năm 1999-2010 với nhiều vị trí khác nhau như chuyên viên chính công nghệ thông tin tại Hội sở và chuyên viên tài chính kế toán ngân hàng. Từ năm 2010 tới 2015, bà là thành viên Ban Kiểm soát kiêm chuyên gia cao cấp Khối Kiểm toán Nội bộ Ngân hàng VPBank. Từ năm 2015 tới 4/2017, bà là Kiểm soát viên chuyên trách Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank AMC). Đến tháng 4/2017 bà được bầu là thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách VPBank.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



1. Ông NGUYỄN ĐỨC VINH

Thành viên HĐQT,
Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Vinh tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Pháp và Hoa Kỳ. Ông từng là Phó Tổng Giám đốc Hãng Hàng không Quốc gia Vietnam Airlines trước khi tham gia HĐQT và Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) với các vị trí như: Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT. Từ tháng 7/2012 đến nay, ông Nguyễn Đức Vinh là Tổng Giám đốc VPBank. Từ tháng 4/2013, ông Nguyễn Đức Vinh được bầu làm thành viên HĐQT VPBank.

2. Bà LƯU THỊ THẢO

Phó Tổng Giám đốc,
Giám đốc Khối Tài chính

Bà Lưu Thị Thảo tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán Học viện Ngân hàng và là thành viên của Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (The ACCA UK) từ năm 2002. Bà từng làm việc tại Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam, Công ty TNHH KPMG Việt Nam trước khi đảm nhiệm các vị trí Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ và Tuần thủ chi nhánh ngân hàng ABN AMRO Việt Nam, Giám đốc Tài chính Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ Việt Nam. Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính của VPBank từ tháng 8/2011.

3. Ông RAJEEV DE ROY

Giám đốc Khối Vận hành

Ông Rajeev De Roy tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế học tại Trường đại học Delhi, Ấn Độ năm 1977. Ông đã có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành ngân hàng. Ông từng giữ các vị trí chủ chốt tại Ngân hàng thương mại Qatar, Ngân hàng American Express (Ấn Độ), Mashreqbank (Dubai) và Ngân hàng Nhà nước Ấn Độ. Gần đây nhất, ông giữ vị trí Giám đốc Vận hành (COO) của Ngân hàng Techcombank. Từ tháng 11/2014 đến nay, ông đảm nhiệm cương vị Giám đốc Khối Vận hành VPBank.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



4. Ông DMYTRO KOLECHKO Giám đốc Khối Quản trị rủi ro

Ông Dmytro Kolehko sở hữu bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế của Trường Đại học Kinh tế Quốc gia Kiev, Ukraine. Ông có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng, trong đó ông đã giữ các vị trí lãnh đạo cấp cao trong hơn 10 năm như: Giám đốc Quản trị Rủi ro của Ngân hàng Raiffeisenbank Ukraine, Giám đốc Quản trị Rủi ro của Ngân hàng Alfabank Ukraine, Phó Giám đốc Quản trị Rủi ro của ngân hàng Raiffesen bank Aval... Trước khi gia nhập VPBank, ông là Giám đốc Quản trị Rủi ro toàn quốc của ngân hàng Hypo-Alpe-Adria tại Bosnia Herzegovina. Ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro tại VPBank kể từ tháng 1/2015.



5. Ông IGOR MUSHAKOV Giám đốc Khối Công nghệ thông tin

Ông Igor Mushakov mang quốc tịch Nga, là cử nhân chuyên ngành Kỹ thuật, Kinh tế, Quản lý và Lãnh đạo và Quản trị Kinh doanh cấp cao, có kiến thức sâu rộng về định hướng chiến lược, phát triển nền tảng và quản lý, nâng cao các quy trình, dự án công nghệ thông tin với 18 năm hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn tại các tổ chức nước ngoài. Ông đã đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý quan trọng như Giám đốc Công Nghệ Thông Tin (CIO), thành viên Ban Điều hành của tập đoàn Bán lẻ thực phẩm lớn thứ hai tại Nga X5, Giám đốc Khối CNTT - Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Uralsib tại Nga, dẫn dắt phòng Sáng tạo và Phát triển CNTT tại Sberbank – Ngân hàng quốc doanh hàng đầu của Nga, Chuyên gia tư vấn kinh doanh thuộc tập đoàn IBM ở khu vực Đông Âu và Châu Phi – chi nhánh Nga, cùng các vị trí quản lý khác tại Alfabank – Ngân hàng tư nhân lớn thứ 2 ở Nga. Ông Igor Mushakov gia nhập VPBank từ tháng 1/2016 ở vị trí Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin.



6. Ông FUNG KAI JIN Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế tại Học viện Royal Melbourne Institute of Technology và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Curtin (Australia), ông Fung Kai Jin có kinh nghiệm làm việc lâu năm trong lĩnh vực ngân hàng tại châu Á. Ông từng đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch điều hành kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Thương mại trong 6 năm tại Ngân hàng Alliance (Malaysia). Trước đó, ông Fung Kai Jin đã trải qua những vị trí quản lý cao cấp khác như Giám đốc Thanh toán Quốc tế, Giám đốc Khách hàng Doanh nghiệp và Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng Standard Chartered ở Malaysia. Ông gia nhập VPBank từ tháng 04/2013 với cương vị là Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tháng 10/2014, ông được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



7. Ông SANDEEP MADHAV DEOBHAKTA

Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân

Tốt nghiệp bằng Cử nhân tại Ấn Độ và có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) tại Sloan School of Management, MIT (Hoa Kỳ), ông Sandeep đã có 25 năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng, chủ yếu trong các mảng khách hàng cá nhân và quản lý tài sản (Wealth Management) tại các ngân hàng lớn như Citibank, Shinsei và Standard Bank tại Châu Á, Châu Phi và Trung Đông. Từ tháng 05/2015, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân tại VPBank.



8. Ông KIRAN BABU KOSARAJU

Phó Tổng Giám đốc,
Giám đốc Khối Tín dụng Tiểu thương

Ông Kiran Babu Kosaraju có hơn 25 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực khác nhau và hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và tài chính trước khi gia nhập VPBank, ông Kiran từng đảm nhiệm các vị trí như Giám đốc Vùng SME Citibank Ấn Độ, Điều hành cấp cao và Đồng sáng lập Fullerton India - công ty do Temasek đầu tư, nơi ông đã mang lại thành công to lớn trong việc thiết lập và thực hiện các chương trình khởi xướng trong thị trường tín dụng đại chúng trên khắp Ấn Độ. Gần đây nhất, ông nắm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Firstsource Solutions Ltd. tại Philippines - Công ty chuyên cung cấp các dịch vụ về quản lý quy trình kinh doanh toàn cầu. Ông Kiran chính thức được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Tín dụng Tiểu thương của VPBank vào tháng 7 năm 2015.



9. Bà DUONG THỊ THU THÙY

Phó Tổng Giám đốc,
Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Đầu tư

Bà Dương Thị Thu Thủy tốt nghiệp Cử nhân trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng, Cử nhân Tài chính Ngân hàng trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Cử nhân tiếng Anh trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội và Thạc sĩ Điều hành cao cấp trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Từ năm 2002, bà gia nhập VPBank và trải qua nhiều cương vị lãnh đạo như: Trưởng phòng Phục vụ Khách hàng Doanh nghiệp Hội sở, Giám đốc VPBank Hà Nội, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Sở Giao dịch, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối. Từ tháng 5/2014 đến 10/2015, bà giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý Đầu tư và Dự án. Kể từ tháng 11/2015, bà Dương Thị Thu Thủy là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Đầu tư sau khi Khối Quản lý Đầu tư và Dự án sáp nhập với Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và đổi tên thành Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Đầu tư.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



10. Ông PHẠM PHÚ KHÔI

Phó Tổng Giám đốc,
Giám đốc Khối Thị trường Tài chính

Ông Phạm Phú Khôi tốt nghiệp trường Wharton, Đại học Pennsylvania, Hoa Kỳ với bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính, và trường Đại học Hàng không Dân dụng Riga, Latvia (Liên Xô cũ) với bằng Thạc sỹ Kinh tế Hàng không. Ông Khôi cũng đã hoàn tất khóa học International Executive của INSEAD Business School, Fontainebleau, Pháp. Ông từng đảm nhiệm các vị trí Giám đốc khu vực Đông Bắc Á Vietnam Airlines; Giám đốc Đầu tư giao dịch Tín dụng Quốc tế - khu vực Châu Á, Ngân hàng Standard Chartered (Singapore); Giám đốc Ngân hàng Đầu tư khu vực Việt Nam, Ngân hàng America Merrill Lynch (Singapore) và Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS). Kể từ tháng 7/2015, ông đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối thị trường Tài chính tại VPBank.

11. Ông ĐINH VĂN NHO

Giám đốc Khối Khách hàng
Doanh nghiệp

Ông Đinh Văn Nho tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế ngoại thương – Đại học Ngoại thương Hà Nội, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Trường Đại học Benedictine, Hoa Kỳ. Ông Đinh Văn Nho từng đảm nhiệm các vị trí quản lý tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) như: Giám đốc/Phó giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Khu vực, Giám đốc Vùng, Giám đốc Khách hàng doanh nghiệp Middle Market miền Bắc. Bắt đầu công tác tại VPBank từ năm 2013, ông Đinh Văn Nho đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Trung tâm khách hàng Doanh nghiệp miền Bắc, Phó Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp kiêm Giám đốc Trung tâm Khách hàng Doanh nghiệp phía Bắc. Từ tháng 1/2017, ông Đinh Văn Nho được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp.

12. Ông VÕ TẤN LONG

Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng
Công nghệ số

Ông Võ Tấn Long tốt nghiệp chuyên ngành Vật liệu và Thiết bị vi điện tử tại trường Đại học Tổng hợp kỹ thuật điện St. Petersburg (Liên bang Nga) với bằng Kỹ sư điện tử (năm 1992) và bằng Tiến sỹ Toán - Vật lý (năm 1995). Với 17 năm kinh nghiệm làm việc tại các vị trí khác nhau như Hỗ trợ kỹ thuật, Quản lý Dự án, cung cấp giải pháp công nghệ thông tin, Quản lý Kinh doanh và Tổng Giám đốc IBM Việt Nam, ông Võ Tấn Long gia nhập VPBank từ tháng 4/2013 ở vị trí Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin. Sau hơn 2 năm trên vai trò lãnh đạo Khối Công nghệ thông tin, ông Võ Tấn Long được HĐQT bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Công nghệ số tháng 1/2016.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



13. Ông SHAMEEK BHARGAVA Giám đốc Khối VPDirect

Ông Shameek Bhargava có hơn 22 năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng, ở nhiều lĩnh vực khác nhau, từ ngân hàng kỹ thuật số, thanh toán điện tử, thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ, ngân hàng điện tử, quản lý tài sản và quản trị rủi ro. Trước khi gia nhập VPBank và đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối VPDirect, ông đã từng giữ chức vụ Giám đốc Điều hành và Giám đốc Quốc gia của DBS Bank tại Ấn Độ, nơi ông đã thiết lập ngân hàng kỹ thuật số không giấy đầu tiên. Trước đó, ông từng làm việc cho Deutsche Bank với tư cách là Giám đốc Thẻ khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Ông cũng có thời gian làm việc tại ANZ Grindlays Ấn Độ.

14. Bà VÕ HẰNG PHƯƠNG Giám đốc Trung tâm Định chế Tài chính và Ngân hàng Giao dịch

Bà Võ Hằng Phương tốt nghiệp Đại học Hà Nội, Đại học Ngoại thương Hà Nội và Thạc sỹ Kinh tế của Đại học Bang New York (Mỹ) theo chương trình Fulbright. Bà có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng ở các vị trí lãnh đạo cấp cao tại các bộ phận Định chế tài chính, Kinh doanh ngoại tệ, Tín dụng doanh nghiệp, Phê duyệt tín dụng và Quản trị rủi ro tại các ngân hàng nội địa và nước ngoài như Vietcombank, Standard Chartered Bank, Ngân hàng HSBC, ANZ... Bà gia nhập VPBank từ tháng 6/2014 và hiện giữ cương vị Giám đốc Trung tâm Định chế Tài chính và Ngân hàng Giao dịch.

15. Ông NGUYỄN THANH BÌNH Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Tín dụng

Ông Nguyễn Thanh Bình tham gia công tác trong Quân đội Nhân dân Việt Nam từ năm 1985 đến 1988 trước khi lấy bằng Cử nhân Tài chính - Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội và hoàn thành khóa đào tạo sau đại học về Chính sách Công thuộc chương trình Fulbright Việt Nam. Gia nhập VPBank từ năm 1994, ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo tại Phòng Tín dụng Hội số, Phòng Nghiên cứu và Phát triển, Phòng Tổng hợp và Quản lý Chi nhánh... trước khi được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc VPBank năm 2002. Hiện nay, ông là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tín dụng.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



16. Ông PHAN NGỌC HÒA
Phó Tổng giám đốc,
Trưởng Văn phòng đại diện
phía Nam

Ông Phan Ngọc Hòa có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Hệ Điều hành cao cấp, Trường ĐH Kinh Tế Thành phố Hồ Chí Minh. Ông gia nhập VPBank từ năm 1994 và từng đảm nhiệm các cương vị quản lý cấp cao tại VPBank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và VPBank Chi nhánh Sài Gòn, Phó Tổng Giám đốc VPBank, Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối. Hiện nay, ông đang giữ chức Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Văn phòng đại diện miền Nam.



17. Ông NGUYỄN THÀNH LONG
Phó Tổng Giám đốc,
Giám đốc Khối Pháp chế và
Kiểm soát tuân thủ

Thạc sĩ Luật học Nguyễn Thành Long có 19 năm kinh nghiệm pháp luật ngân hàng, công tác tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó có 7 năm giữ cương vị Phó Vụ trưởng Vụ pháp chế, Ngân hàng Nhà nước. Từ năm 2007, ông Nguyễn Thành Long đã chuyển sang phụ trách mảng pháp chế và tuân thủ với vị trí là Phó tổng giám đốc của một ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam. Hiện ông Nguyễn Thành Long là Phó Tổng giám đốc VPBank, Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ.



18. Bà TRẦN THỊ DIỆP ANH
Giám đốc Khối Quản trị nguồn
nhân lực

Bà Trần Thị Diệp Anh tốt nghiệp trường Đại học Giao thông Vận tải, chuyên ngành kinh tế. Bà cũng có bằng Cử nhân Tiếng Anh, trường Đại học Hà Nội. Bà có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản trị Nhân sự ở nhiều tổ chức và doanh nghiệp danh tiếng khác nhau. Năm 1997 bà bắt đầu sự nghiệp tại Công ty Cargill Việt Nam, công ty con thuộc tập đoàn Cargill của Mỹ, với vị trí cao nhất được bổ nhiệm là Giám đốc Nhân sự. Năm 2011, bà Diệp Anh bắt đầu đảm nhiệm vị trí Giám đốc Nhân sự tại Techcombank cho tới năm 2014 bà chuyển sang làm Giám đốc Nhân sự của Carlsberg Việt Nam. Từ tháng 1/2018, bà đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực tại VPBank.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



19. Bà LƯƠNG THỊ HỒNG HẠNH

Giám đốc Trung tâm Chiến lược và Quản lý dự án

Bà Lương Thị Hồng Hạnh có bằng Thạc sỹ Tâm lý học, trường Đại học Lomonosov (LB Nga), Thạc sỹ Quản lý Dự án của trường London Business School và bằng Cử nhân Sư phạm, trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Từ năm 1999 đến năm 2004, bà công tác trong lĩnh vực giáo dục tại Trường Đại học Lao động và Xã hội và Đại học Sư phạm Hà Nội. Năm 2004 bà sang Nga và đảm nhiệm vị trí Giám đốc quản lý chuỗi cung ứng và mua sắm tập trung tại Công ty Rollton Trading House & Mareven Food CIS. Từ tháng 9/2009-2014 bà đảm nhiệm các vị trí Phó Giám đốc Văn phòng Quản lý Chuyển đổi, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng Doanh nghiệp và Trưởng phòng Quản lý Dự án tại Ngân hàng Quốc tế Việt Nam. Từ tháng 2/2014 tới nay bà công tác tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và hiện là Giám đốc Trung tâm Chiến lược và Quản lý dự án.

20. Ông TRẦN TUẤN VIỆT

Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Hà Nội, Đại học Ngoại thương Hà Nội và Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội, ông Trần Tuấn Việt có hơn 20 năm kinh nghiệm về thương mại, marketing, truyền thông và quảng cáo. Ông từng đảm nhiệm các vị trí Giám đốc Phát triển Kinh doanh, Giám đốc Thương mại Bán lẻ tại các tập đoàn đa ngành như Tập đoàn FPT, Tập đoàn Ocean; Giám đốc Điều hành và Giám đốc Vận hành của các công ty truyền thông như FPT Media, Santa Vietnam và Ancom Communication. Ông Trần Tuấn Việt gia nhập VPBank vào tháng 7/2013 và hiện đảm nhiệm vị trí Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị.

21. Ông VIVEK BHANOT

Giám đốc Trung tâm Phân tích Kinh doanh

Ông Vivek Bhanot có bằng Cử nhân Kỹ sư dân dụng của Học viện Kỹ thuật và Công nghệ Thapar (nay là Đại học Thapar), Ấn Độ và bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Đại học Hồng Kông. Ông từng là Kỹ sư thiết kế cấu trúc tại Công ty Punj Lloyd Limited (Ấn Độ) trong 3 năm. Từ năm 2009, ông Vivek Bhanot làm việc trong ngành ngân hàng tại Việt Nam ở nhiều cương vị, hỗ trợ ra quyết định chuyên sâu cho các lãnh đạo cấp cao và các đơn vị kinh doanh. Sau 3,5 năm làm việc ở Techcombank, ông Vivek Bhanot gia nhập VPBank từ tháng 01/2013 và hiện là Giám đốc Trung tâm Phân tích Kinh doanh.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển doanh nghiệp. Với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù là ngân hàng thì việc đề cao tính minh bạch, đặt ra và theo sát các chuẩn mực quản trị theo thông lệ quốc tế sẽ là một trong những điểm mấu chốt giúp VPBank đạt được những giá trị phát triển bền vững, tạo dựng được lòng tin từ các cổ đông, các nhà đầu tư trong và ngoài nước cũng như các đối tác và toàn thể khách hàng.

Trong những năm vừa qua, VPBank không chỉ quan tâm đến các mục tiêu phát triển, tăng trưởng kinh doanh. Hội đồng quản trị (HĐQT) cũng đã nỗ lực trong việc nâng cao năng lực và chất lượng quản trị để đảm bảo những giá trị tăng trưởng, phát triển bền vững, lâu dài của VPBank.

I. CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của VPBank. ĐHĐCĐ đưa ra ý kiến và quyết định tại các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường và bằng cách biểu quyết bằng văn bản. ĐHĐCĐ là cơ hội giúp cho cổ đông, ít nhất là 1 lần/năm, để trực tiếp trao đổi, thảo luận các vấn đề quan trọng với các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền.

Quyền của cổ đông VPBank được thể hiện đầy đủ tại Điều lệ Ngân hàng. Ngân hàng đã công bố bản Điều lệ của Ngân hàng trên website để tất cả các cổ đông và nhà đầu tư có thể tham khảo chủ động.

1. Quyền tham dự phiên họp ĐHĐCĐ của VPBank

Năm 2017, VPBank tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 10/04/2017. Các trình tự, thủ tục về việc mời họp, tài liệu họp trước phiên họp và các vấn đề liên quan đến bầu Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu, biểu quyết trong Đại hội, việc công bố thông tin về Nghị quyết ĐHĐCĐ sau Đại hội được VPBank thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, và có sự giám sát của Đại diện Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Theo đó, toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách Cổ đông tại ngày 30/03/2017 đã được nhận các thông tin liên quan đến Thông báo mời họp, tài liệu họp và các hướng dẫn liên quan đến việc đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội. Toàn bộ tài liệu họp đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và trên phần mềm công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngân hàng đã áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể giám sát tốt nhất các kết quả kiểm tra tu cách đại biểu, cũng như kết quả biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp và rút ngắn thời gian thực hiện các công việc này.

Trong phiên họp, Chủ tọa đoàn cũng đã sẵn sàng trả lời chất vấn và các ý kiến đóng góp của cổ đông VPBank dưới sự giám sát của đại diện cơ quan quản lý là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan báo chí, đảm bảo được tính minh bạch trong công bố thông tin cũng như tinh thần sẵn sàng lắng nghe vì sự phát triển chung của Ngân hàng.

2. Quyền được nhận cổ tức

Theo chính sách về cổ tức đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, từ nhiều năm nay, VPBank thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu nhằm mục tiêu tăng cường nguồn vốn tự có, năng lực tài chính để phục vụ cho nhu cầu phát triển của Ngân hàng. Năm 2017, VPBank đã thực hiện việc chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của năm 2016 với tỷ lệ 31,84% cổ phần sở hữu của cổ đông tại thời điểm chia, và cổ phiếu thưởng từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của cổ đông với tỷ lệ tương ứng là 0,99% để tăng vốn điều lệ. Như vậy, trong năm 2017, các cổ đông VPBank đã nhận được thêm số cổ phần tương ứng 32,83% của số cổ phần sở hữu.

Do đặc thù ngành ngân hàng, các phương án chia cổ tức của VPBank sẽ phải trình Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận. Do vậy, VPBank sẽ không thể chủ động ấn định thời điểm chi trả cổ tức để thông báo cho cổ đông. Năm 2017, toàn bộ cổ đông sở hữu cổ phần tại thời điểm ngày 24/07/2017 đã được phân phối số cổ phần tăng thêm tương ứng tự động trên phần mềm quản lý cổ đông của VPBank một cách đầy đủ và bình đẳng.

3. Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi trọng yếu của Ngân hàng

- ĐHĐCĐ VPBank cũng là cơ quan cao nhất, đóng vai trò quyết định và ảnh hưởng quan trọng tới những vấn đề quan trọng nhất của Ngân hàng:
- Thông qua định hướng phát triển của VPBank;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ VPBank;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát (BKS) từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán hoặc mua lại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- Quyết định thành lập Công ty con;
- Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của VPBank có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Chấp thuận các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VPBank với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên BKS, cổ đông lớn của VPBank; công ty con, công ty liên kết của VPBank;
- Và các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

4. Đối xử bình đẳng với cổ đông

Năm 2017, VPBank có hai loại cổ phần là cổ phần ưu đãi cổ tức và cổ phần phổ thông. Với cổ phần ưu đãi cổ tức, các cổ đông sở hữu cổ phần này không có quyền biểu quyết theo quy định của pháp luật và thỏa thuận của cổ đông. Còn mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng có một quyền biểu quyết ngang nhau. Ngân hàng luôn coi trọng các quyền lợi của cổ đông và có những nỗ lực đáng kể để cung cấp cho các cổ đông các thông tin quan trọng về quá trình phát triển của Ngân hàng. VPBank luôn đối xử bình đẳng với các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông thể hiện ở một số điểm:

- Thời điểm và nội dung các thông báo mà VPBank gửi cho tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông là như nhau, theo phương tiện liên lạc mà cổ đông đã đăng ký và áp dụng các phương tiện công nghệ thông tin mới khác như nhắn tin, thư điện tử... để đảm bảo cổ đông nhận được thông tin đầy đủ.
- VPBank có thông tin và hướng dẫn chi tiết về quyền tham dự hoặc ủy quyền tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ tương ứng với số cổ phần sở hữu.
- VPBank cũng thông báo tới tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết về quyền lập nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần phổ thông liên tục trong 6 tháng để đề cử, ứng cử người vào HĐQT, BKS trước những lần có bầu thành viên HĐQT, BKS theo nhiệm kỳ mới hoặc bổ sung giữa nhiệm kỳ.
- Cổ đông có quyền biểu quyết đều được bỏ phiếu bầu theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, cho phép các cổ đông thiểu số có quyền bầu người đại diện của mình tham gia vào HĐQT.
- Điều lệ Ngân hàng cho phép ĐHĐCĐ có thể biểu quyết thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền, trừ một số vấn đề bắt buộc phải biểu quyết tại cuộc họp, tại bất cứ thời điểm nào nếu HĐQT thấy cần thiết cho lợi ích của Ngân hàng. Các tài liệu để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được đăng trên website của Ngân hàng và trường hợp cổ đông nào không nhận được thư xin ý kiến vẫn có thể tra cứu và in các tài liệu để biểu quyết tại đây. Thời gian để xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thường tối thiểu là 30 ngày, đủ để cổ đông có thể nghiên cứu và gửi lại ý kiến của mình. Việc kiểm phiếu biểu quyết được thực hiện dưới sự chứng kiến của thành viên BKS và Biên bản kiểm phiếu được công bố trên website của Ngân hàng trong vòng 24h sau khi lập. Trong năm 2017, VPBank đã tiến hành lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 03 lần để xin ý kiến về việc trình Đại hội về việc khóa/chốt tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại VPBank; Xin bầu thay thế thành viên BKS và phê duyệt chủ trương về việc chuyển đổi khoản vay trung hạn của Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) thành cổ phần.

II. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

1. Báo cáo và công bố thông tin

VPBank thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin áp dụng đối với tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và chế độ công bố thông tin áp dụng đối với công ty niêm yết, theo quy định tại thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/8/2016 của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng thực hiện việc báo cáo tới cơ quan quản lý trực tiếp là Ngân hàng Nhà nước bằng hình thức gửi các báo cáo tái chính định kỳ hàng tháng, quý, bán niên và năm tài chính; Các báo cáo về tỷ lệ sở hữu, cấp tín dụng của cổ đông nội bộ và người có liên quan định kỳ hàng tháng, quý; Báo cáo về tổ chức, quản trị, điều hành và thay đổi nhân sự cấp cao; Các báo cáo an toàn hoạt động và các lĩnh vực chuyên môn khác cũng như theo các mục tiêu giám sát, đánh giá...theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước (định kỳ và đột xuất).

Các thông tin Ngân hàng được công bố trên website của Ngân hàng, trên phần mềm Công bố thông tin của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định. Một số nội dung công bố thông tin chính bao gồm:

- Báo cáo tài chính
 - Báo cáo tài chính năm, bao gồm báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của Ngân hàng, được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán được chấp thuận, công bố trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký báo cáo kiểm toán và không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc
 - Báo cáo tài chính bán niên, bao gồm báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của Ngân hàng, đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc sáu tháng đầu năm tài chính, hoặc tối đa 60 ngày nếu được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận gia hạn để đảm bảo đủ thời gian làm báo cáo tài chính bán niên hợp nhất.
 - Báo cáo tài chính quý, bao gồm báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của Ngân hàng, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý, hoặc tối đa 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý nếu được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận gia hạn thời hạn nộp báo cáo để đảm bảo thời gian lập báo cáo quý hợp nhất.
- Báo cáo thường niên: Ngoài việc công bố báo cáo thường niên trên website, Ngân hàng cũng đã xuất bản báo cáo này phục vụ cho các nhà đầu tư, đối tác, khách hàng lớn. Báo cáo thường niên được công bố chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán và không quá 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- Báo cáo quản trị công ty được công bố định kỳ 6 tháng và năm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.
- Các thông tin khác được Ngân hàng thực hiện công bố định kỳ hoặc bất thường liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông khi có phát sinh, theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Các thông tin liên quan đến giao dịch của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn...cũng được tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ngoài các thông tin phải công bố theo quy định của pháp luật, Ngân hàng cũng chủ động công bố các thông tin về chiến lược, tình hình hoạt động trong kỳ với các nhà đầu tư quan tâm. Ngân hàng cũng công bố các thông tin về sản phẩm mới, các chương trình khuyến mại, các sự kiện lớn ảnh hưởng tới hoạt động của Ngân hàng và các hoạt động an sinh, xã hội trên các phương tiện truyền thông và website của Ngân hàng.

Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy chế nội bộ của Ngân hàng về phát ngôn và công bố thông tin, do Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị và Văn phòng HĐQT làm đầu mối cung cấp sau khi đã được cấp có thẩm quyền của Ngân hàng phê duyệt.

2. Giao dịch với các bên liên quan:

Theo quy định tại Quy chế Quản trị Công ty và Quy chế Tổ chức và Hoạt động của HĐQT của VPBank, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Điều hành và những người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy

định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. Các thông tin công khai lợi ích liên quan và báo cáo về người có liên quan của các thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành được gửi tới Văn phòng HĐQT vào trước mỗi đầu năm và khi có thay đổi phát sinh trong năm.

Theo đó, các quy định về giao dịch với các bên liên quan của Ngân hàng được yêu cầu như sau:

- Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.
- Ngân hàng tuân thủ các quy định về đối tượng cấm cho vay theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng, theo đó, Ngân hàng sẽ không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, các Phó Tổng Giám đốc và những người có liên quan tới thành viên nêu trên theo quy định của pháp luật.
- Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia.
- Ngân hàng hạn chế giao dịch với người có liên quan khi có thể.
- Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, HĐQT/Ban Điều hành/Người điều hành khác có nghĩa vụ đảm bảo việc ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

3. Các bên có quyền lợi liên quan của VPBank.

Quyền của các bên có quyền lợi liên quan của Ngân hàng được pháp luật bảo vệ, hoặc theo các thỏa thuận trực tiếp giữa Ngân hàng và các bên có quyền lợi liên quan. VPBank luôn đề cao việc nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật cũng như những nội dung mà Ngân hàng đã cam kết trong các giao dịch song phương này. Theo đó, VPBank:

- Luôn tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng bao gồm chủ nợ, người lao động, người sử dụng dịch vụ Ngân hàng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.
- Luôn hợp tác tích cực với các bên có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng thông qua việc:
 - Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho khách hàng, đối tác để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Ngân hàng và đưa ra quyết định;
 - Khuyến khích các bên có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua Công bố Quy định giải quyết khiếu nại, tố cáo của khách hàng nhằm mục đích bảo vệ tốt hơn quyền lợi của khách hàng khi sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của VPBank.
 - Công bố Chính sách phòng chống tham nhũng của VPBank, theo đó các nguyên tắc tại Chính sách này cũng được áp dụng trong việc lựa chọn các nhà thầu tại VPBank.
 - Công bố chính sách bảo đảm công ty hoạt động vì môi trường và cộng đồng bằng việc ban hành Quy định về chính sách môi trường và xã hội bắt đầu được triển khai từ đầu năm 2017.
 - Công bố các thông tin liên hệ trên website và báo cáo thường niên (bao gồm số điện thoại và địa chỉ mail) để các bên có liên quan có thể gọi đến để khiếu nại về những vi phạm có thể xảy ra với họ: cụ thể Khách hàng và các bên liên quan có thể liên hệ theo một trong 2 số điện thoại sau: 1900545415/02439288880 và các địa chỉ email:
 - chamsockhachhang@vpbank.com.vn; ir@vpbank.com.vn
- Đối với người lao động: Ngân hàng đã xây dựng cơ chế, nỗ lực nâng cao hiệu quả lao động của hệ thống nhân sự, với việc triển khai tại VPBank cơ cấu tổ chức phù hợp, linh hoạt, hỗ trợ tốt nhất cho các mô hình kinh doanh và dịch vụ, đến các hệ thống vận hành quản trị nhân sự như hệ thống tuyển dụng, lương thưởng, đào tạo và phát triển cán bộ nhân viên đều gắn chặt với hiệu quả làm việc của cá nhân, đơn vị và toàn ngân hàng. VPBank cũng chú trọng những chính sách khuyến khích người lao động gắn kết bằng các cơ chế lương, thưởng ngắn và dài hạn gắn với hiệu quả hoạt động của Ngân hàng, cũng như có các chính sách đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho nhân viên, cũng như các chính sách đảm bảo nỗ lực đào tạo và phát triển nhân viên thông qua các chính sách, hệ thống sau:
 - Hệ thống Quản lý Hiệu quả làm việc (PMS). Mỗi cán bộ nhân viên trong toàn tổ chức đều hiểu rõ nhiệm vụ, mục tiêu (KPI) của mình trong từng thời kỳ là gì, kết nối thế nào với các mục tiêu khác trong đơn vị, đối với các đơn vị khác và với mục tiêu của toàn tổ chức. Hệ thống PMS cho phép các cấp quản lý theo dõi, huấn luyện, điều chỉnh và đánh giá công bằng các kết quả làm việc của cán bộ nhân viên. Các kết quả này sẽ là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến mức lương thưởng của mỗi cán bộ nhân viên, tạo một sự minh bạch, nhất quán trong toàn tổ chức.

- Hệ thống đãi ngộ tổng thể “theo hiệu quả làm việc” của VPBank được thiết kế với các thành phần khác nhau: bằng tiền mặt (Lương theo giá trị công việc và hiệu quả đóng góp ngắn và dài hạn) cũng như các phúc lợi không bằng tiền mặt (phúc lợi y tế, nghỉ phép, hỗ trợ đi lại, ăn trưa), các chính sách về đào tạo theo nhu cầu năng lực nhằm khuyến khích cán bộ nhân viên nỗ lực đạt hiệu quả cao hơn, gắn kết với tổ chức hơn.
- Bên cạnh đó, có thể nói VPBank là một trong những ngân hàng TMCP tiên phong đưa vào triển khai các hệ thống nhân sự tiên tiến nhất như **Mô hình Công việc/ Học công việc; Khung năng lực Cốt lõi; các chương trình Tư vấn đồng hành (Mentoring)** tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp, một văn hóa hướng tới hiệu quả làm việc, là nơi không chỉ thu hút mà còn gìn giữ và phát triển được các nhân tài có cam kết với tổ chức.

III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1 Cơ cấu của HĐQT

HĐQT VPBank bao gồm 05 thành viên, trong đó bao gồm 01 thành viên HĐQT độc lập, 01 thành viên điều hành kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ của HĐQT VPBank là 05 năm, nhiệm kỳ hiện tại bắt đầu từ năm 2015 và sẽ kết thúc vào năm 2020.

Các thành viên HĐQT VPBank đáp ứng đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và VPBank. Các thành viên HĐQT hiện tại là những người đã tham gia quản trị, điều hành ngân hàng trong nhiều năm, hiểu biết sâu sắc về các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của mình.

Các thành viên HĐQT VPBank cũng tuân thủ các quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật:

- Chủ tịch HĐQT VPBank không đồng thời là người điều hành của Ngân hàng, của tổ chức tín dụng và doanh nghiệp khác.
- Thành viên HĐQT VPBank không đồng thời là thành viên BKS của VPBank và là người quản lý của tổ chức tín dụng khác.

Các thành viên HĐQT VPBank bao gồm:

- Ông Ngô Chí Dũng: Chủ tịch HĐQT
- Ông Bùi Hải Quân: Phó chủ tịch HĐQT,
- Ông Lô Bằng Giang: Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Hào: Thành viên HĐQT độc lập
- Ông Nguyễn Đức Vinh: Thành viên HĐQT (Kiểm Tổng giám đốc)

2. Vai trò, trách nhiệm của HĐQT

- Vai trò và trách nhiệm chính của HĐQT được xác định rõ ràng và công bố chính thức trong những văn bản quản trị của Ngân hàng như Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT như sau: HĐQT và cá nhân các thành viên HĐQT có vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng các định hướng chiến lược cho Ngân hàng, giám sát và theo dõi việc thực hiện chiến lược của Ngân hàng. Xem xét phê duyệt các kế hoạch hoạt động chính, ngân sách và kế hoạch kinh doanh hàng năm và giám sát các hoạt động của Ban Điều hành.
- Định hướng và giám sát hiệu quả của các hoạt động quản trị doanh nghiệp.
- Chịu trách nhiệm trước cổ đông và các bên liên quan về kết quả hoạt động và giá trị của doanh nghiệp.
- Đảm bảo sự nghiêm túc, minh bạch của quy trình đề cử và bầu cử HĐQT.
- Đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo kiểm toán và tài chính công ty.
- HĐQT có vai trò quan trọng trong việc thiết lập các chuẩn mực về đạo đức và văn hóa doanh nghiệp. VPBank cũng đã ban hành bộ Quy tắc Đạo đức công khai trong Ngân hàng và áp dụng cho tất cả thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và các cán bộ nhân viên của Ngân hàng.

3. Thành viên HĐQT độc lập

Theo quy định tại Điều lệ VPBank, tiêu chuẩn thành viên HĐQT độc lập được xác định như sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của một thành viên HĐQT về năng lực hành vi, đạo đức nghề nghiệp, không cùng đảm nhiệm chức vụ và năng lực, kinh nghiệm làm việc theo quy định của pháp luật liên quan.
- Thành viên HĐQT độc lập còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn điều kiện bổ sung sau:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho VPBank hoặc Công ty con của VPBank hoặc đã làm việc cho VPBank hoặc Công ty con của VPBank bất kỳ thời gian nào trong 03 năm liền kề trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên của VPBank ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên HĐQT;
 - c. Không phải là người có vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của VPBank, người quản lý hoặc thành viên BKS của VPBank hoặc Công ty con của VPBank;
 - d. Không phải là người quản lý, thành viên BKS của VPBank tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó;
 - e. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VPBank;
 - f. Không cùng người có liên quan theo quy định tại của pháp luật sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VPBank.

Thành viên HĐQT độc lập của Ngân hàng đồng thời tham gia làm thành viên Ủy ban Quản lý Rủi ro, không tham gia nắm giữ chức vụ điều hành nào khác tại Ngân hàng.

4. Các hoạt động của HĐQT năm 2017

Tổ chức các cuộc họp định kỳ và thực hiện biểu quyết thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Kế hoạch hoạt động của HĐQT và việc phân công phân nhiệm giữa các thành viên HĐQT được xây dựng hàng năm, trước các năm tài chính để các thành viên chủ động các kế hoạch riêng và có thể tham gia nhiều nhất vào các hoạt động của HĐQT. Thư mời họp HĐQT cũng được gửi cho các thành viên HĐQT trước 10 ngày và tài liệu họp trước ít nhất 05 ngày.

Số lượng thành viên tham gia mỗi cuộc họp đảm bảo ít nhất là tổng số thành viên theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Thông thường các thành viên đều tham gia đầy đủ 100% các cuộc họp HĐQT của VPBank.

Vai trò của Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT được công bố công khai tại Điều lệ của Ngân hàng và Quy chế Tổ chức và Hoạt động của HĐQT được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Năm 2017, HĐQT VPBank đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ hàng quý và biểu quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản về các đề xuất của Chủ tịch HĐQT, Ban Điều hành và các Hội đồng, ủy ban chuyên môn..., thông qua các Nghị quyết sau:

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các nội dung đã được ĐHĐCĐ ủy quyền:

- Triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ như: Thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức 2016 bằng cổ phiếu và tăng vốn điều lệ từ nguồn quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
- Thực hiện các thủ tục để niêm yết cổ phần tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Triển khai các bước để tìm kiếm nhà đầu tư mua cổ phần phát hành riêng lẻ của VPBank thông qua kế hoạch cụ thể và triển khai việc phát hành cổ phần riêng lẻ để tăng vốn điều lệ cho Ngân hàng.
- Thực hiện theo ủy quyền của ĐHĐCĐ trong việc quyết định điều chỉnh tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài cho phù hợp với tình hình thực tế và định hướng của Ngân hàng.
- Thực hiện vai trò của chủ sở hữu đối với các công ty con thông qua các báo cáo tài chính kiểm toán, kết quả kinh doanh và quyết định tăng vốn điều lệ cho công ty con là Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBFC). Quyết định của chủ sở hữu thông qua việc thay đổi nội dung hoạt động của điều lệ và điều chỉnh ngành, nghề đăng ký kinh doanh của VPBFC.

Thông qua các định hướng, kế hoạch kinh doanh, ngân sách 2017 và quyết định các khoản đầu tư, mua sắm lớn theo thẩm quyền:

- Thông qua các kế hoạch tài chính và kế hoạch kinh doanh năm 2017. Thông qua kế hoạch ngân sách của các đơn vị và các dự án trọng điểm của năm.
- Thông qua các báo cáo, tài liệu trình ĐHĐCĐ phê duyệt trong phiên đại hội thường niên tháng 4/2017.
- Thông qua các báo cáo định kỳ của Ban Điều hành và các định hướng, chủ trương hoạt động của Ngân hàng theo tháng/quý/bán niên và các báo cáo chuyên đề theo từng mảng hoạt động trọng yếu của Ngân hàng từng thời kỳ.
- Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm với chủ trương không thay đổi kế hoạch đã đặt ra từ đầu năm; Yêu cầu Tổng Giám đốc chú trọng các giải pháp tăng trưởng TOI, xem xét lại quy trình và đánh giá hệ thống để kiểm soát, tối ưu hóa chi phí, kiểm soát chi phí dự phòng để đảm bảo kế hoạch lợi nhuận 2017.
- Thống nhất các đề xuất về mua/bán tài sản, các đề xuất phê duyệt tín dụng, đầu tư, cấp ngân sách hoạt động cho các dự án/đơn vị... vượt hạn mức của các Hội đồng, ủy ban chuyên môn của Ngân hàng.
- HĐQT cũng xem xét đề xuất của Khối Quản trị Rủi ro và các đơn vị kinh doanh, thông qua hạn mức tiền gửi với Công ty con;
- Quyết định một số đề xuất của Ban Điều hành trong việc triển khai các dự án lớn đầu tư hiện đại hóa hệ thống cơ sở dữ liệu vận hành cho Ngân hàng.
- Quyết định thông qua phương án cơ cấu lại gần với xử lý nợ xấu đến năm 2020 của VPBFC.

Thông qua các điều chỉnh chủ trương, chính sách, cơ cấu tổ chức cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và quản lý rủi ro của Ngân hàng:

- Thống nhất điều chỉnh/ban hành mới các quy định, chính sách nghiệp vụ theo đề xuất của các đơn vị phòng ban chuyên môn hoặc theo kết quả của các dự án tư vấn chính sách bao gồm: Quy định về phát hành và thanh toán thẻ; Quy định về cho vay hỗ trợ nhà ở đối với cán bộ nhân viên; quy định về quản lý dự án; Quy định về phương pháp xác định và áp dụng chi phí vốn; Quy định về chi phí công vụ; Quy định về mua bán nợ giữa VPBank và Công ty VAMC, Chính sách cấp hạn mức giao dịch đối với khách hàng định chế tài chính; Chính sách khung khẩu vị rủi ro; Quyết định tuyên bố khẩu vị rủi ro năm 2018; Quy định ban hành văn bản nội bộ của VPBank; quyết định sửa đổi, bổ sung quy định phê duyệt xử lý nợ có vấn đề; Quy định quản lý rủi ro và phê duyệt cấp tín dụng tại Khối Tín dụng Tiểu thương; Quy định xây dựng, điều chỉnh, kiểm soát ngân hàng và dự báo thực hiện trên hệ thống SAP; Quyết định sửa đổi, bổ sung quy định cho vay của VPBank; Quy định về mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại VPBank...
- Thực hiện việc thành lập mới/điều chỉnh cơ cấu tổ chức nhân sự của một số đơn vị trong Ngân hàng theo tư vấn của Ủy ban Nhân sự: Thành lập mới kênh bán hàng trực tiếp Micro SME tại Khối Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ; Tái cơ cấu lại Khối Khách hàng Cá nhân (cơ cấu Trung tâm liên kết đối tác); thành lập Khối VPDirect; Tái cơ cấu Khối Tín dụng Tiểu thương (cắt giảm việc chia phần khúc trong các Trung tâm kinh doanh); tái cơ cấu Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn; thành lập Trung tâm Số hóa Ngân hàng trực thuộc Khối Dịch vụ ngân hàng số; Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Khối Pháp chế và kiểm soát tuân thủ (Bổ sung phòng Môi trường và Xã hội thuộc Trung tâm kiểm tra, kiểm soát tuân thủ); Tái cơ cấu VPBank AMC (Thành lập phòng Xử lý nợ Tín chấp Thẻ tín dụng thuộc Trung tâm Xử lý nợ Khách hàng cá nhân).
- Thống nhất việc trích lập dự phòng thực tế trong năm cho các phân khúc, sản phẩm...cần tuân thủ theo các phương pháp luận đã phê duyệt và phản ánh đúng thực trạng chất lượng tài sản.
- Thông qua chủ trương về việc khởi động lại dự án/chương trình chuyển đổi, rà soát lại nhân sự của các đơn vị để đảm bảo tăng cường hiệu quả làm việc.
- Tiếp tục chú trọng các chương trình siết lại kỷ luật hệ thống để tăng cường các biện pháp nâng cao ý thức tuân thủ của toàn hệ thống; tiến hành xây dựng các khung pháp lý, các tiêu chí chấm điểm KPI/Lương, thưởng có gắn với việc tuân thủ tại chi nhánh cho các giám đốc chi nhánh/trưởng đơn vị.

5. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc:

Bên cạnh việc định hướng hoạt động cho Ban Điều hành, HĐQT cũng thực hiện việc giám sát các hoạt động của Tổng Giám đốc/Ban Điều hành thông qua các kênh/chốt quản lý, kiểm soát như:

- Tham gia 12 cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng của Ban Điều hành.
- Giám sát hoạt động của Ngân hàng qua các báo cáo hoạt động kinh doanh hàng ngày, tuần, tháng, quý và các báo cáo/đề xuất phát sinh khác từ Ban Điều hành.

- Giám sát thông qua việc xem xét và xử lý các thông tin từ các báo cáo của BKS và Kiểm toán Nội bộ đối với các đơn vị của Ngân hàng. Theo đó, trong năm 2017, Kiểm toán Nội bộ đã phát hành 70 báo cáo cho các cuộc kiểm toán thực địa và 10 báo cáo rà soát và giám sát từ xa; HĐQT cũng giám sát các hoạt động của Ngân hàng thông qua 12 báo cáo Kiểm soát tuân thủ.
- HĐQT cũng giám sát Tổng Giám đốc thông qua việc tham gia các cuộc họp hoặc xem xét các báo cáo hoạt động hoặc các nghị quyết của các hội đồng, ủy ban chuyên môn của HĐQT và Ban Điều hành đối với từng mảng hoạt động chuyên môn (quản lý tài sản nợ có, tín dụng, rủi ro, nhân sự...).
- HĐQT thông qua Ủy ban Nhân sự thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm đối với Tổng Giám đốc và các nhân sự chủ chốt của Ngân hàng thông qua việc đánh giá hiệu quả làm việc PMS và thực hiện thêm khảo sát 360 độ, là một công cụ hữu hiệu nhằm ghi nhận các phản hồi đa chiều về hiệu quả cũng như năng lực của đội ngũ. HĐQT cũng thường xuyên rà soát, đánh giá cơ cấu nội bộ của Ngân hàng để đảm bảo việc phân định rõ phạm vi, trách nhiệm giữa các cấp, cá nhân quản lý.

6. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

HĐQT VPBank có sự phân công trách nhiệm giữa các thành viên, đảm bảo việc phát huy thế mạnh của từng thành viên cũng như đảm bảo việc các thành viên sát sao hơn với các công việc cụ thể được phân nhiệm.

Các thành viên cũng thường xuyên có các cơ chế thảo luận, cập nhật thông tin cho các thành viên khác và đánh giá hiệu quả hoạt động của các thành viên theo các mảng công việc phụ trách.

HĐQT VPBank đã có nhiều nỗ lực trong việc hoàn thiện năng lực quản trị doanh nghiệp, tiến tới các tiêu chí về minh bạch thông tin theo quy định của pháp luật đối với một công ty niêm yết cũng như chủ động cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư thường xuyên.

HĐQT cũng liên tục cập nhật các quy định mới và thông lệ tốt về quản trị công ty, các quy định mới của pháp luật đối với lĩnh vực hoạt động Ngân hàng thông qua các tài liệu cập nhật được các đơn vị tư vấn chuyên môn tổng hợp báo cáo, qua Thư ký công ty, cũng như các buổi họp với Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) về lĩnh vực quản trị doanh nghiệp.

7. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động chung của Ngân hàng năm 2017

2017 là năm cuối cùng trong giai đoạn thực hiện chiến lược chuyển đổi 5 năm lần thứ nhất của VPBank. Mặc dù còn có điểm cần được hoàn thiện để mang đến những kết quả tốt hơn cho Ngân hàng, nhưng VPBank cũng đã đạt được các mục tiêu đề ra như trở thành 1 trong 5 ngân hàng TMCP lớn nhất về cho vay và huy động tiền gửi từ khách hàng, và 1 trong 3 ngân hàng TMCP bán lẻ về cho vay, huy động tiền gửi và số lượng khách hàng. Đây là kết quả của một sự kết hợp chặt chẽ và có hiệu quả giữa chiến lược phát triển đầy tham vọng do HĐQT đề ra, cùng với quyết tâm mạnh mẽ và tâm huyết của Tổng giám đốc và Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên. Các mô hình kinh doanh, sản phẩm đã được đề xuất và triển khai cùng với dự án số hóa các quy trình sản phẩm và trải nghiệm khách hàng đã góp phần mang đến kết quả rất khả quan trong năm 2017, tạo tiền đề cho sự phát triển của năm tiếp theo. Năm 2017 còn đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của VPBank khi cổ phiếu của VPBank được niêm yết trên sàn chứng khoán, tiếp tục khẳng định cam kết minh bạch với mục tiêu trở thành một định chế tài chính – ngân hàng chuyên nghiệp hàng đầu tại Việt Nam của VPBank.

Mặc dù một số chỉ tiêu tài chính năm 2017 chưa đạt được 100% so với kế hoạch đề ra, nhưng VPBank cũng đã hoàn thành cơ bản những mục tiêu của chiến lược 5 năm. Cuối năm 2017, tổng tài sản của VPBank là 277.752 tỷ đồng, đạt 99% so với kế hoạch và tăng 21% so với 2016, gấp hơn 2 lần so với tổng tài sản tại cuối năm 2012. Dư nợ tín dụng cho vay khách hàng bao gồm cả trái phiếu doanh nghiệp đạt gần 197.000 tỷ đồng, tăng 23,9% và đạt 98,9% so với kế hoạch, tỷ lệ nợ xấu được duy trì ở mức dưới 3%. Trong khi đó huy động khách hàng bao gồm cả phát hành giấy tờ có giá đạt 199.000 tỷ đồng, tăng 16% so với 2016 và đạt 88% kế hoạch. Tuy nhiên, điểm ghi nhận hơn cả là hiệu quả hoạt động được thể hiện thông qua số liệu về lợi nhuận trước thuế là 8.130 tỷ đồng, mức lợi nhuận này cao hơn rất nhiều so với kế hoạch đã đề ra từ đầu năm và gấp 8,6 lần so với lợi nhuận trước thuế năm 2012.

Với kết quả đạt được trong năm 2017, HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Tổng giám đốc và Ban điều hành, cũng như toàn thể cán bộ nhân viên Ngân hàng trong việc chuyển đổi từ kế hoạch thành hành động để đạt được những mục tiêu đầy thách thức mà HĐQT và ĐHCĐ đã đề ra. Các chỉ tiêu về quy mô hoàn thành từ 92%-99% kế hoạch bên cạnh đó là sự thay đổi trong cấu trúc sản phẩm và nâng cao chất lượng tài sản nên thu hoạt động thuần và lợi nhuận trước thuế đạt mức tăng trưởng ấn tượng, vượt 20% so với kế hoạch đã đề ra. Ngoài các kết quả về tài chính, Tổng giám đốc và Ban điều hành cũng đã triển khai tốt các định hướng của HĐQT để mở rộng môi trường kinh doanh, tăng sức cạnh tranh với các ngân hàng đối thủ như triển khai các dự án số hóa sản phẩm của VPBank, xây dựng và phát triển các hệ sinh thái trong việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT (ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO, ỦY BAN NHÂN SỰ, HỘI ĐỒNG ĐẦU TƯ) VÀ MỘT SỐ TIỂU BAN THUỘC BAN ĐIỀU HÀNH

1. Ủy ban Nhân sự

Ủy ban Nhân sự (UBNS) có nhiệm vụ như Ủy ban đề cử và lương thưởng, tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT và BKS; tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên HĐQT, BKS, người điều hành của VPBank; tham mưu, đề xuất mức lương thưởng và các lợi ích khác của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc.

Bên cạnh đó, Ủy ban Nhân sự (UBNS) là cơ quan có chức năng giúp việc, tham mưu cho HĐQT trong công tác quản trị nhân sự của VPBank và thay mặt HĐQT trực tiếp quyết định một số vấn đề nhân sự theo phân quyền của HĐQT; đánh giá và đề xuất trình HĐQT ngân sách hàng năm chi cho cán bộ nhân viên Ngân hàng; tư vấn cho HĐQT và quyết định theo thẩm quyền đối với các nhân sự cấp cao của Ngân hàng, các quyết định về chính sách, chế độ đối với nhân sự, các dự án về đào tạo, chiến lược nhân sự, các quy trình đánh giá nhân sự, tuyển dụng...; quyết định các vấn đề liên quan đến các kế hoạch phân chia cổ phiếu dành cho cán bộ nhân viên của Ngân hàng.

Thành phần của Ủy ban Nhân sự bao gồm:

1	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Ủy ban
2	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
3	Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên

Thông qua 12 cuộc họp định kỳ trong năm, UBNS phê duyệt chương trình hành động cho Khối Quản trị nguồn nhân lực, thường xuyên đánh giá các chỉ số hoạt động nhân sự của Ngân hàng, các công ty con và đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Trong năm 2017, hơn 1.600 vị trí quản lý các cấp đã được UBNS xem xét phê duyệt để tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chỉnh lương. Song song với việc thực thi các chính sách khuyến khích, gắn kết, đãi ngộ cho người lao động, UBNS trong năm 2017 cũng rất chú trọng đến việc siết chặt kỷ luật, nâng cao tính tuân thủ trong toàn hệ thống. Theo đó, với việc tiếp nhận kiến nghị xử lý vi phạm đối với 1.134 lượt cá nhân vi phạm và đã xử lý đối với 691 cá nhân với nhiều mức độ từ nhắc nhở, phê bình, cảnh cáo, khiển trách tới cách chức, sa thải... và ban hành quy định về xử lý trách nhiệm người quản lý đối với các sai phạm trong đơn vị... qua đó, đẩy mạnh ý thức của mỗi cá nhân cũng như vai trò trách nhiệm của người quản lý nhằm tăng cường tính tuân thủ trong hoạt động ngân hàng.

Nhằm tối ưu hóa tổ chức vận hành, UBNS đã tư vấn cho HĐQT trong việc: điều chỉnh cơ cấu tổ chức Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị, thành lập bộ phận Quản lý chất lượng rủi ro thuộc Khối Quản trị Rủi ro, thành lập Phòng Quan hệ Nhà đầu tư tại Khối Tài chính, thành lập nhóm hỗ trợ các vụ việc có dấu hiệu hình sự tại Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ, thành lập Trung tâm sản phẩm thẻ và vay tín chấp và Trung tâm Affluent Banking tại Khối Khách hàng cá nhân, cập nhật Quy chế tổ chức và hoạt động của Khối Công nghệ Thông tin và Khối Tín dụng Tiểu thương. UBNS cũng đã tư vấn cho HĐQT để bổ nhiệm thêm 01 Phó Tổng giám đốc nâng tổng số thành viên Ban Tổng Giám đốc lên thành 9 thành viên (1 TGD và 8 PTGD).

UBNS thường xuyên có các chỉ đạo định hướng nhằm nâng cao năng suất lao động, đảm bảo ổn định tỷ lệ nghỉ việc, phát triển nhân tài và đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị. Để tiếp tục cải thiện cơ chế lương và phúc lợi cạnh tranh với thị trường, UBNS đã tư vấn cho HĐQT phương án triển khai ESOP (Employee Stock Ownership Plan) cho cán bộ nhân viên VPBank để trình ĐHCĐ trong phiên họp gần nhất năm 2018, phê duyệt lương kinh doanh năm 2017 và sát sao trong việc giao chỉ tiêu KPI 2018 tới Tổng giám đốc và các Giám đốc Khối.

Tuân thủ các quy định của pháp luật, UBNS đã phê duyệt nguyên tắc trích đóng bảo hiểm xã hội theo quy định mới của Luật Lao động, và điều chỉnh thu nhập cho cán bộ nhân viên để đảm bảo mức thu nhập tối thiểu vùng mới áp dụng từ ngày 01/01/2018, và Quy định Hợp đồng lao động cũng được rà soát và ban hành mới phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Ủy ban Quản lý Rủi ro

Ủy ban Quản lý Rủi ro (UBQLRR) có nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chiến lược, quy trình, chính sách liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng. UBQLRR cũng có nhiệm vụ phân tích và đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của VPBank trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro và đề xuất những biện pháp phòng ngừa; phân tích quyết định mức độ rủi ro chung của Ngân hàng, thiết lập khẩu vị rủi ro và mức chịu đựng rủi ro của các mảng nghiệp vụ cũng như tổng thể hoạt động của Ngân hàng, đồng thời giám sát việc thực thi chính sách này trong Ngân hàng. UBQLRR chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro của Ngân hàng để phù hợp với các yêu cầu về quản trị rủi ro của các cơ quan quản lý; phổ biến kiến thức và văn hóa quản lý rủi ro trong toàn bộ hệ thống Ngân hàng... UBQLRR tổ chức họp định kỳ 1- 2 lần/quý hoặc khi có vấn đề phát sinh thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ của Ủy ban cần phải xem xét.

Thành phần của UBQLRR bao gồm:

1	Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Ủy ban
2	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Thành viên
3	Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
4	Ông Nguyễn Văn Hào	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên
5	Ông Ngô Phương Chí	Trưởng BKS	Thành viên
6	Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng giám đốc	Thành viên
7	Ông Dmytro Kolehko	Giám đốc Khối Quản trị rủi ro	Thành viên

Năm 2017, UBQLRR đã tổ chức 03 cuộc họp định kỳ vào tháng 3, tháng 5 và tháng 10. UBQLRR đã thảo luận dựa trên các báo cáo rủi ro mà Khối Quản trị Rủi ro phân tích, từ đó chỉ đạo các đơn vị chuyên môn điều chỉnh, bổ sung và tăng cường việc quản lý, kiểm soát các khu vực có rủi ro trọng yếu.

UBQLRR thống nhất yêu cầu Khối Tài chính phối hợp với Khối Quản trị rủi ro và các đơn vị kinh doanh đánh giá lại mô hình SAP (mô hình tính lợi nhuận của 1 khoản vay) kết hợp với các tiêu chí quản lý rủi ro cho một số sản phẩm chủ đạo của khách hàng cá nhân, hộ kinh doanh gia đình.

UBQLRR đánh giá mức độ ảnh hưởng lớn của rủi ro vận hành và tình trạng gian lận trong ngân hàng: giao cho Khối Quản trị Rủi ro phối hợp với Khối Pháp chế, Khối Quản trị nguồn nhân lực đánh giá mức độ rủi ro về vận hành và thông tin, xây dựng quy định giám sát rủi ro, xử lý kỷ luật với các cộng tác viên của Ngân hàng; phối hợp với các khối kinh doanh phân tích rủi ro và lợi ích của các kế hoạch thuê ngoài thu hồi nợ theo từng nhóm nợ; xây dựng chương trình và triển khai đào tạo phòng chống gian lận cho nhân viên hoạt động trong lĩnh vực tín dụng; thường xuyên rà soát các khoản dư nợ lớn để đánh giá mức độ rủi ro báo cáo HĐQT, Hội đồng tín dụng.

Thống nhất chủ trương về việc các đơn vị chuyên môn cần phân tích kỹ lưỡng những yếu tố rủi ro trọng yếu của từng mảng kinh doanh, tương quan với việc đặt ra các yêu cầu về năng lực, trình độ và thẩm định hồ sơ nhân sự tương ứng, nhằm hạn chế những vi phạm, gian lận xuất phát từ nhân sự nội bộ và thay đổi nhân sự.

UBQLRR chỉ đạo Khối Quản trị Rủi ro phối hợp với các đơn vị có liên quan đưa ra các biện pháp tăng cường hiệu quả thu hồi nợ muộn; hoàn thành phương pháp luận để xác định và tính chỉ số ngành theo yêu cầu của các quy định mới của Ngân hàng Nhà nước, cũng như tuân thủ các giới hạn an toàn hoạt động theo yêu cầu của các đối tác lớn của VPBank.

Thống nhất chủ trương yêu cầu Khối Quản trị Rủi ro tập trung hơn vào việc phân tích về xu hướng gian lận chính, phân loại điều tra gian lận thành các nhóm/khâu và đánh giá theo từng khâu, đề xuất KPIs cho mỗi phân nhóm này; từ đó

có báo cáo tới Ủy ban Quản lý rủi ro về thực trạng, xu hướng và đề xuất các định hướng giải quyết, bao gồm xây dựng các kế hoạch chi tiết tăng cường vai trò quản lý các mảng rủi ro hoạt động; xây dựng các chính sách, hệ thống đảm bảo an toàn an ninh thông tin và các mảng rủi ro trọng yếu khác của Ngân hàng trong mỗi giai đoạn, và đề xuất trình HĐQT phương pháp luận đưa KRI vào chỉ tiêu đánh giá KPI năm 2018 của các giám đốc khối.

Thống nhất chủ trương yêu cầu Khối Quản trị Rủi ro báo cáo kế hoạch hành động về an ninh thông tin; phân tích riêng các vấn đề rủi ro của Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ; Phân tích đánh giá so sánh kế hoạch và kết quả của hệ thống thu hồi nợ của VPBank và các công ty con để có các thông tin xây dựng chính sách quản lý rủi ro phù hợp tương ứng.

Thống nhất Khẩu vị rủi ro năm 2018 và Chính sách Khung về Quản lý rủi ro đề xuất HĐQT phê duyệt.

Bên cạnh đó, UBQLRR đã ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro vào tháng 9/2017, qua đó nâng cao thẩm quyền của Ủy ban trong việc phê duyệt các hạn mức rủi ro và ban hành các văn bản nội bộ.

3. Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có

Hội đồng có chức năng nghiên cứu và đề ra các chiến lược đối với quy mô và cấu trúc của bảng tổng kết tài sản của Ngân hàng, nhằm tối đa hóa lợi nhuận và đảm bảo tuân thủ, giảm thiểu rủi ro đối với Ngân hàng; giám sát và điều tiết các chỉ số an toàn tài chính đảm bảo luôn tuân thủ các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, các đối tác bên ngoài và các Tổ chức xếp hạng tín nhiệm, đồng thời cũng đảm bảo phù hợp với các mục tiêu quản trị nội bộ và chiến lược kinh doanh của Ngân hàng; quản lý thanh khoản và rủi ro thanh khoản; quản lý rủi ro thị trường đối với các biến động về tỷ giá và lãi suất; chỉ đạo việc xây dựng, phê duyệt và triển khai các chính sách, quy trình và hệ thống định giá điều chuyển vốn nội bộ đảm bảo hiệu quả kinh doanh cho các đơn vị; quản lý vốn chủ sở hữu đảm bảo các tiêu chí hiệu quả trên vốn chủ sở hữu và sự tăng trưởng bền vững của Ngân hàng.

Trong năm 2017, Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO) đã tiến hành các cuộc họp định kỳ thường xuyên hàng tháng (tổng số 12 cuộc họp), và các cuộc họp thường trực ALCO hàng tuần và đột xuất khi cần thiết nhằm trao đổi và quyết định các vấn đề về tối ưu hóa bảng cân đối tài sản, các chỉ số hiệu quả và các chỉ số an toàn tài chính căn cứ trên chiến lược phát triển của Ngân hàng, các yếu tố kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế và dựa trên tình hình thực tế của Ngân hàng (cân đối nguồn vốn và sử dụng nguồn...).

Trong năm 2017, bảng cân đối tài sản của Ngân hàng đã được cấu trúc lại một cách hiệu quả và an toàn hơn đối với cả huy động và sử dụng vốn. Trong từng giai đoạn, ALCO đã có những khuyến nghị lên HĐQT, yêu cầu, chỉ đạo các đơn vị chuyên môn và các khối kinh doanh phối hợp triển khai các nội dung phù hợp với tình hình thị trường, chính sách vĩ mô và những yêu cầu của Ban lãnh đạo Ngân hàng. Tiêu biểu như:

- Xây dựng kế hoạch nguồn vốn huy động và vốn chủ sở hữu chi tiết cho năm 2017 và tổng quan đến năm 2020. Theo đó, trong năm 2017 VPBank cũng đã thực hiện thành công việc tăng vốn chủ sở hữu thêm hơn 6.000 tỷ đồng, đồng thời cũng phát hành thành công một số lượng lớn giấy tờ có giá để tăng nguồn vốn trung dài hạn cho Ngân hàng;
- Trình HĐQT phê duyệt sửa đổi mô hình hoạt động Quản lý Tài sản Nợ và Có và chính thức quy định mô hình Quản trị vốn chủ sở hữu của Ngân hàng để tiệm cận hơn với các thông lệ tiên tiến trên Thế giới và hướng tới các mục tiêu chiến lược của VPBank;
- Trình HĐQT phê duyệt ban hành các chính sách về Quản trị vốn, Quy định về phương pháp luận và tính toán chi phí Vốn chủ sở hữu. Phân tích chi tiết khả năng sinh lời kết hợp với rủi ro của Tài sản có, chi tiết theo Khối, sản phẩm, nhóm khách hàng nhằm xác định các phương án phân bổ nguồn vốn hiệu quả, tối ưu hóa bảng cân đối, cải thiện chỉ số an toàn vốn (CAR) của Ngân hàng;
- Thực hiện dự báo chi tiết tăng trưởng dư nợ (theo khách hàng, mục đích vay vốn, tài sản đảm bảo...) theo từng Khối định kỳ hàng tuần nhằm kiểm soát chặt chẽ tín dụng, cấu trúc lại các khoản tín dụng có mức độ rủi ro cao, ảnh hưởng đến chỉ số an toàn vốn. Tập trung ưu tiên cho vay đối với các khối chiến lược của Ngân hàng là khách hàng cá nhân, tín dụng tiểu thương và doanh nghiệp vừa và nhỏ; rà soát và chọn lọc các khoản vay có hệ số rủi ro thấp, có hiệu quả và mang lại thu nhập cao, thu hồi những khoản cho vay không hiệu quả...;
- Giám sát chặt chẽ các chỉ số an toàn tài chính, bao gồm cả các chỉ số thanh khoản ngắn hạn và các chỉ số trung dài hạn như là: Khả năng chi trả, Tổng dư nợ/Tổng nguồn vốn huy động, Tỷ lệ Nguồn vốn Ngắn hạn cho vay Trung dài hạn,nhằm cân đối, đảm bảo an toàn và hiệu quả đối với cả huy động và sử dụng nguồn vốn. Thực hiện phân

tích các kịch bản khác nhau về thị trường ngoại tệ đến hết năm 2017 và cho năm 2018, từ đó có các đề xuất cụ thể cùng với những giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh, và các mục tiêu về: trạng thái ngoại tệ, tỷ lệ LDR... và định hướng thúc đẩy/hạn chế các sản phẩm liên quan đến ngoại tệ;

4. Ủy ban Quản trị Rủi ro Hoạt động

Ủy ban Quản trị Rủi ro Hoạt động (sau đây gọi là UBQTRRHĐ) có chức năng thực hiện quản trị các rủi ro hoạt động của Ngân hàng, đảm bảo tính hiệu quả của việc áp dụng và giám sát thực hiện chính sách quản trị rủi ro hoạt động, chỉ đạo phổ biến kiến thức và văn hóa quản trị rủi ro hoạt động trong toàn hệ thống.

Thành phần của UBQTRRHĐ bao gồm:

- Chủ tịch Ủy ban: là thành viên HĐQT.
- Các thành viên thường trực: Tổng giám đốc, Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro, Giám đốc Khối Vận hành, Trưởng BKS, Trưởng Kiểm toán Nội bộ, Giám đốc Khối Tài chính, Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin, Giám đốc Trung tâm QTRRHĐ và Trưởng phòng QTRRHĐ.
- Các thành viên không thường trực: Giám đốc Khối Quản trị nguồn Nhân lực, Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát Tuân thủ và Giám đốc các Khối kinh doanh.

UBQTRRHĐ đã tiến hành các phiên họp để thảo luận về các vấn đề rủi ro hoạt động phát sinh trong kỳ, thông qua các nội dung liên quan đến định hướng quản trị rủi ro hoạt động của VPBank trong năm 2017 như sau:

- Yêu cầu các đơn vị có liên quan thu thập, phân tích, thảo luận và thống nhất các giải pháp đối với các vấn đề, sự kiện rủi ro hoạt động và giám sát việc thực hiện các giải pháp đó; yêu cầu từng đơn vị phải có trách nhiệm chủ động xử lý sự kiện rủi ro hoạt động, giảm thiểu tổn thất, tìm nguyên nhân gốc rễ và thực hiện các giải pháp triệt để xử lý các nguyên nhân đó.
- Yêu cầu tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống quản trị rủi ro hoạt động thông qua việc theo dõi, quản lý các chỉ số rủi ro chính.
- Thống nhất tầm quan trọng của việc đào tạo kiến thức về rủi ro hoạt động trên toàn hệ thống, nâng cao nhận thức về rủi ro hoạt động, yêu cầu Khối Quản trị Rủi ro, Khối Vận hành và Trung tâm Truyền thông và Tiếp thị xây dựng một kênh truyền thông riêng biệt để nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên về các vấn đề rủi ro hoạt động.
- Yêu cầu Trung tâm QTRRHĐ và các Khối có liên quan phối hợp chặt chẽ để thực hiện xây dựng, đánh giá tính hiệu quả của các chốt kiểm soát trong quy trình và tối ưu hóa quy trình.
- Yêu cầu Khối Quản trị Rủi ro thực hiện cập nhật các kịch bản quản trị kinh doanh liên tục khi cần thiết; tăng cường truyền thông về ý nghĩa và việc thực hiện kiểm thử sơ tán; định kỳ thực hiện cập nhật hệ thống/ phần mềm/ ứng dụng cho đơn vị nhằm đảm bảo sẵn sàng cho việc thực hiện kế hoạch sao lưu. Ngoài ra, Ủy ban cũng đã phê duyệt kế hoạch cho việc xây dựng và kiểm thử các kịch bản quản trị kinh doanh liên tục cho các chi nhánh tại VPBank.
- Phê duyệt chiến lược và chính sách phòng chống gian lận năm 2018, cơ cấu tổ chức của Phòng Điều tra và phòng chống gian lận và phân bổ nguồn lực cho việc thực hiện.
- Ủy ban cũng đã xác định an ninh thông tin là một vấn đề quan trọng đối với VPBank do vậy cần phải kết hợp các nguồn lực bên ngoài để tăng cường an ninh nội bộ.

5. Ủy ban Điều hành

Ủy ban có chức năng xem xét, đề xuất HĐQT phê duyệt các chiến lược kinh doanh của Ngân hàng; thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh, thực hiện kế hoạch hành động ngắn hạn và giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động của các đơn vị; đưa ra các đề xuất thay đổi về cơ cấu tổ chức, kế hoạch ngân sách, kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế trình HĐQT phê duyệt; xem xét và thảo luận đối với các đề xuất triển khai dự án quan trọng của Ngân hàng. Ủy ban Điều hành tiến hành họp định kỳ hàng tháng, có thể có sự tham gia của các thành viên HĐQT, BKS.

Thành phần của Ủy ban Điều hành bao gồm Chủ tịch HĐQT và có thể có các thành viên HĐQT khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT; Tổng giám đốc, các thành viên Ban Điều hành, Giám đốc các Khối, Giám đốc các Trung tâm trực thuộc Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là Chủ tịch của Ủy ban Điều hành.

Năm 2017, Ủy ban Điều hành đã họp định kỳ 12 phiên trong 12 tháng. Một số nội dung đã thảo luận và thông qua trong các cuộc họp bao gồm:

- Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2016 so với các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, thảo luận những điểm đạt được, chưa hoàn thành và những khó khăn vướng mắc;
- Truyền thông những định hướng, chương trình hành động cho năm 2017; đưa ra những sáng kiến đổi mới hoạt động cho từng khối/ trung tâm trong cả năm 2017, nâng cao tinh thần sáng tạo.
- Đánh giá chiến lược kinh doanh 5 năm, xây dựng chiến lược kinh doanh 5 năm cho 2018-2022 cùng với đối tác tư vấn.
- Đặt trọng tâm vào các dự án số hóa ngân hàng: đẩy mạnh các dịch vụ số cho ngân hàng truyền thống, số hóa một số sản phẩm, quy trình như thẻ tín dụng, cho vay không tài sản đảm bảo, triển khai dự án số VPDirect, hệ thống phê duyệt và quản lý khoản vay tự động, triển khai và thúc đẩy các dự án hợp tác với các đối tác bên ngoài.
- Xác định những trọng tâm của hoạt động kinh doanh cho từng tháng, quý như: đánh giá mức độ tăng trưởng quy mô kinh doanh và đưa ra chỉ đạo điều chỉnh nếu cần thiết, nâng cao năng lực phân tích dữ liệu để quản lý và khai thác hiệu quả, đặc biệt về phân tích rủi ro, thiết lập các hạn mức rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Chỉ đạo định hướng một số dự án trọng điểm khác như lựa chọn đối tác bảo hiểm chiến lược; dự án xây dựng chiến lược cho phân khúc khách hàng cao cấp; hỗ trợ cộng đồng khởi nghiệp Việt Nam qua hợp tác với công ty UP, tài trợ cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp,...
- Củng cố bộ máy hỗ trợ kinh doanh: cập nhật hệ thống lõi T24, chú trọng hoàn thiện bộ máy nhân sự cho các dự án trọng điểm, tái cơ cấu hệ thống đào tạo, tiếp tục nâng cao phúc lợi cho cán bộ nhân viên; đẩy mạnh chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Chỉ đạo về điều chỉnh ngân sách giữa năm, xây dựng ngân sách cho 2018; rà soát chương trình hành động 2017 và xây dựng chương trình hành động cho năm 2018; Truyền thông định hướng kinh doanh 2018 đã được HĐQT phê duyệt; Yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch hoạt động trọng tâm của năm 2018.

6. Hội đồng Tín dụng

Hội đồng có chức năng xét cấp tín dụng, phê duyệt tín dụng cho khách hàng, xem xét tái cấu trúc lại khoản nợ theo đề xuất của các bộ phận chuyên môn; khuyến nghị HĐQT thay đổi chính sách tín dụng cho phù hợp với tình hình thực tế... và các nhiệm vụ khác liên quan đến các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Hiện nay, Hội đồng Tín dụng các cấp của VPBank đã gia tăng tần suất họp, tiến hành tổ chức họp hàng ngày giải quyết kịp thời nhu cầu xét duyệt các khoản tín dụng theo thẩm quyền. Thành phần của Hội đồng Tín dụng có thể bao gồm các thành viên HĐQT, TGD, Giám đốc Khối Tín dụng, Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro và có thể có chuyên gia phê duyệt cấp cao của Ngân hàng.

Năm 2017, Hội đồng Tín dụng cấp cao đã tổ chức 104 cuộc họp, xem xét hơn 1.082 hồ sơ. Trong đó, Hội đồng đã thảo luận và thông qua 1.024 nghị quyết phê duyệt các đề xuất cấp tín dụng, thay đổi điều kiện cấp tín dụng đối với các khoản vay có giá trị từ lớn trên mức phê duyệt của các Hội đồng Tín dụng khu vực, hoặc các khoản vay có ngoại lệ khác biệt so với quy định của VPBank. Hội đồng Tín dụng khu vực miền Bắc và miền Nam tổ chức các cuộc họp hàng ngày, xem xét 2.291 hồ sơ cấp tín dụng đề xuất, trong đó đã có khoảng hơn 2.000 hồ sơ được phê duyệt.

Trong năm 2017 Hội đồng Tín dụng cũng đã đề xuất, tham vấn HĐQT thông qua việc sửa đổi một số nội dung trong Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng Tín dụng và Quy định về phê duyệt tín dụng của VPBank cho phù hợp với tình hình thực tế.

V. BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu chức năng của Ban Kiểm soát

BKS VPBank có 3 thành viên, trong đó có 2 thành viên chuyên trách. Tất cả các thành viên của BKS đều có kiến thức về kế toán, tài chính, đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và VPBank. BKS VPBank đại diện cho ĐHCĐ VPBank giám sát hoạt động của HĐQT, đồng thời đóng vai trò của Ủy ban Kiểm toán theo thông lệ quốc tế, thực hiện việc kiểm soát các hoạt động tài chính và kinh doanh của Ngân hàng; kiểm tra các báo cáo tài chính thường niên và các hoạt động tài chính khác; giám sát tính tuân thủ các quy định của pháp luật và nội bộ ngân hàng; giám sát chức năng Kiểm toán Nội bộ thông qua việc quản lý trực tiếp Khối Kiểm toán Nội bộ của Ngân hàng. BKS VPBank chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình trước ĐHCĐ theo quy định của pháp luật, tuy nhiên, BKS thường xuyên làm việc với HĐQT để trao đổi, tư vấn những rủi ro, những vấn đề chính được phát hiện trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Thành viên BKS hiện nay như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Cổ phần có quyền biểu quyết tại VPBank		Chứng khoán khác do VPBank phát hành	
				Số lượng	Tỷ lệ	Loại CK	Số lượng
1	Ngô Phương Chí	Trưởng BKS	15/10/1970	0	0	0	0
2	Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên BKS chuyên trách	09/07/1973	0	0	0	0
3	Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên BKS chuyên trách	05/11/1976	0	0	0	0

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Tổ chức họp, phân công trong nội bộ triển khai nhiệm vụ hoạt động trong BKS:

BKS đã tổ chức họp BKS nội bộ định kỳ và đột xuất để phân công và triển khai nhiệm vụ cho các thành viên BKS theo đúng quy định trên cơ sở phát huy năng lực, trình độ của từng thành viên. Trong năm 2017 các thành viên BKS đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

BKS thường xuyên thực hiện các cuộc họp trong nội bộ để xem xét và giải quyết các công việc theo đúng quy định pháp luật và VPBank, đưa ra các quyết định chỉ đạo Kiểm toán Nội bộ trong quá trình triển khai các cuộc kiểm toán nhằm theo sát tình hình hoạt động của Ngân hàng. Trong năm 2017, BKS đã thực hiện 09 cuộc họp, ngoài những nội dung liên quan đến việc đánh giá, xem xét và chỉ đạo với hoạt động thường xuyên của Kiểm toán nội bộ theo kế hoạch đầu năm đã phê duyệt, còn có những nội dung chính như sau:

- Bầu các chức danh trong BKS nhiệm kỳ 2015-2020 (cho giai đoạn bắt đầu từ tháng 4/2017);
- Phân công nhiệm vụ từng thành viên trong BKS.
- Thông qua dự thảo Thông báo về việc đánh giá Hệ thống Kiểm soát nội bộ 6 tháng đầu năm 2017 của VPBank.
- Thông qua dự thảo Bản cáo bạch của VPBank khi niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Định hướng hoạt động kiểm toán nội bộ với giai đoạn mới: sau khi VPBank niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch HoSE.
- Thông qua dự thảo Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất 2016 và 6 tháng đầu năm 2017;
- Thông qua quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của BKS;
- Thông qua các điều chỉnh kế hoạch kiểm toán theo các Quý (nếu có);
- Thông qua định hướng của BKS về lập kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2018;
- Đánh giá hoạt động BKS năm 2017, định hướng hoạt động của BKS trong năm 2018 và một số chỉ đạo chính đối với hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2018.

Giám sát hoạt động quản trị ngân hàng trong việc tham dự các cuộc họp bên ngoài:

Các thành viên BKS cũng đã bố trí tham gia các cuộc họp quan trọng của HĐQT, Ủy ban Quản lý Rủi ro, Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Có, Ban Điều hành, ... để nắm rõ các thông tin định hướng chiến lược, các kế hoạch kinh doanh, các tình trạng tài chính, tín dụng của Ngân hàng, nhằm củng cố tốt hơn cho định hướng kiểm toán, giám sát hoạt động cho bộ phận Kiểm toán Nội bộ.

BKS cũng đã thực hiện giám sát hoạt động quản trị Ngân hàng thông qua việc bố trí người tham dự các cuộc họp nói trên của HĐQT, Ban Điều hành, các Ủy ban. Ở cấp độ giám sát hoạt động vận hành, BKS cũng cử người tham dự hầu hết cuộc họp định kỳ hàng tháng giữa Kiểm toán nội bộ với Ban Điều hành và Pháp chế tuân thủ để trao đổi các phát hiện rủi ro mang tính hệ thống cần nhanh chóng khắc phục. Từ đó, nâng cao hệ thống kiểm soát nội bộ, cải thiện hệ thống quy trình, quy chế nhằm hạn chế rủi ro, đảm bảo hoạt động ngân hàng phát triển an toàn, lành mạnh.

BKS cũng đã trực tiếp đóng góp một số ý kiến tích cực về công tác quản trị, điều hành và vận hành tại các cuộc họp của HĐQT, Ban Điều hành, các Ủy ban thuộc HĐQT, thuộc Ban Điều hành mà BKS đã tham dự.

BKS giữ vai trò trực tiếp bổ nhiệm/miễn nhiệm vị trí Trưởng Kiểm toán Nội bộ và chỉ đạo Kiểm toán Nội bộ thực hiện các công việc theo đúng chức năng nhiệm vụ đã đặt ra:

- Với công tác Kiểm toán trực tiếp các đơn vị:
 - Theo kế hoạch đầu năm đã phê duyệt có tất cả 92 cuộc kiểm toán và rà soát (trong đó có 80 cuộc kiểm toán trực tiếp tại đơn vị và 12 cuộc giám sát/rà soát từ xa).
 - Trong năm, xét trên tình hình hoạt động thực tiễn của ngân hàng, kế hoạch có được điều chỉnh. Tính theo kế hoạch điều chỉnh thì năm 2017 có tất cả 87 cuộc kiểm toán và rà soát (trong đó có 78 cuộc kiểm toán trực tiếp và 9 cuộc giám sát/rà soát từ xa).
 - Thực tế, Kiểm toán Nội bộ đã thực hiện 87 cuộc kiểm toán, gồm 78 cuộc kiểm toán trực tiếp và 9 cuộc giám sát/rà soát từ xa (trong đó đã phát hành báo cáo chính thức cho 70 cuộc kiểm toán và rà soát trong năm 2017, các báo cáo còn lại được phát hành trong đầu năm 2018).
 - Các cuộc kiểm toán được thực hiện theo nhiều khía cạnh, bao gồm cả chuyên đề và đơn vị, bao quát được các rủi ro chính của các hoạt động nghiệp vụ cốt lõi của ngân hàng.
 - Các kiến nghị của Kiểm toán Nội bộ đưa ra mang tính hệ thống và nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, ngăn chặn và giảm thiểu rủi ro cho hoạt động chung của Ngân hàng.
- Với công tác theo dõi khắc phục các kiến nghị kiểm toán:
 - Các kiến nghị đưa ra được Kiểm toán Nội bộ và Ban Điều hành của Ngân hàng phối hợp theo dõi việc thực hiện, đảm bảo các phát hiện được giải quyết kịp thời. Một số vấn đề chưa khắc phục đúng theo thời hạn đặt ra ban đầu vì các nguyên nhân khách quan cũng được theo dõi chặt chẽ và báo cáo hàng tháng tới Tổng Giám đốc, BKS và HĐQT.
 - Bên cạnh đó Kiểm toán nội bộ thực hiện báo cáo định kỳ tới Ngân hàng Nhà nước về các kiến nghị tiến độ khắc phục kiến nghị theo đúng quy định.
- Với công tác khác:

Kiểm toán Nội bộ luôn cập nhật các quy định pháp luật, các rủi ro phát sinh trong hoạt động ngân hàng, các điều chỉnh kế hoạch hoặc mô hình của Ban Điều hành và HĐQT để điều chỉnh kịp thời các chương trình kiểm toán. Nâng cao công tác rà soát và xây dựng hệ thống Quy định nội bộ; Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo đối với các cán bộ nhân viên nhằm nâng cao năng lực của Kiểm toán Nội bộ.

- Với công tác khác:
 - Kiểm toán Nội bộ luôn cập nhật các quy định pháp luật, các rủi ro phát sinh trong hoạt động ngân hàng, các điều chỉnh kế hoạch hoặc mô hình của Ban điều hành và HĐQT để điều chỉnh kịp thời các chương trình kiểm toán. Nâng cao công tác rà soát và xây dựng hệ thống Quy định nội bộ; Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo đối với các cán bộ nhân viên nhằm nâng cao năng lực của Kiểm toán Nội bộ.

Định kỳ cập nhật, bổ sung, chỉnh sửa văn bản pháp lý:

- Năm 2017 đã tổ chức rà soát lại các văn bản liên quan đến hoạt động của BKS để chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật các quy định phù hợp với các quy định mới cũng như hoạt động thực tiễn của ngân hàng.
- Đã ban hành văn bản số 74/2017/QĐ-BKS ngày 31/10/2017 Quy định nội bộ của BKS VPBank.

Công tác khác:

- Đã thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 và tiến hành thẩm định báo cáo tài chính cả năm 2017 của Ngân hàng;
- Thông báo với HĐQT và Tổng giám đốc về việc đánh giá Hệ thống Kiểm soát nội bộ của Ngân hàng 6 tháng đầu năm 2017;
- Tổ chức tuyển dụng, đào tạo đội ngũ kiểm toán nội bộ nâng cao về năng lực, đạo đức nghề nghiệp.

VI. THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Theo chính sách về thù lao cho HĐQT, BKS đã được ĐHĐCĐ thông qua với bằng 1% lợi nhuận hợp nhất trước thuế hàng năm. Với kết quả hoạt động kinh doanh năm hàng năm tăng lên khá nhanh, trong khi tổng số thành viên HĐQT, BKS không thay đổi và tỷ lệ tăng thù lao không đáng kể hàng năm, chi phí thù lao cho HĐQT, BKS thường không chi hết hạn mức được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Nguyên tắc xác định thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS đã được HĐQT xem xét và cùng thông qua đối với từng thành viên hàng tháng: bao gồm thù lao cố định đối với từng chức danh và thù lao nhiệm vụ khi các thành viên tham gia vào các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT và BKS. Các thành viên HĐQT không nhận mức thưởng thành tích hay các mức thưởng.

Năm 2017, tổng chi phí thực của Ngân hàng cho thù lao của các thành viên HĐQT, BKS là vào khoảng gần 11 tỷ đồng. Các chế độ, quyền lợi về chi phí hoạt động khác của HĐQT, BKS như các chi phí tiếp khách, cấp phương tiện đi lại, bảo hiểm y tế, chế độ khám sức khỏe định kỳ... được thực hiện theo quy nội bộ của VPBank về chi phí trong từng thời kỳ. Tổng các khoản chi này năm 2017 vào khoảng hơn 7 tỷ đồng.

VII. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, VỐN CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần:

Tại thời điểm 31/12/2017 Ngân hàng có 6.297 cổ đông với tổng số cổ phần là 1.570.623.015, tương ứng với mức vốn điều lệ là 15.706.230.150.000 đồng (Mười lăm nghìn, bảy trăm linh sáu tỷ, hai trăm ba mươi triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trong đó, số lượng cổ đông cá nhân chiếm ưu thế về số lượng cũng như tỷ lệ sở hữu.

VPBank cũng có 87 cổ đông là các tổ chức nước ngoài, hiện nắm giữ 22,378% tổng số cổ phần của Ngân hàng – là tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa do ĐHĐCĐ của VPBank thông báo.

	Số cổ đông	Tỷ lệ/Tổng số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ/tổng cổ phần
TRONG NƯỚC	6.210	98,618%	1.219.145.864	77,622%
cá nhân	6.135	97,427%	893.595.331	56,894%
tổ chức	75	1,191%	325.550.533	20,727%
NƯỚC NGOÀI	87	1,382%	351.477.151	22,378%
cá nhân	0	0,000%	-	0,000%
tổ chức	87	1,382%	351.477.151	22,378%
TỔNG	6.297	100%	1.570.623.015	100%

VPBank có hai loại cổ phần là cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi cổ tức. Trong đó mức cổ phần ưu đãi cổ tức chiếm 4,66% tổng số cổ phần của Ngân hàng. VPBank không có cổ phiếu quỹ.

VPBank không có cổ đông lớn (sở hữu từ 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết). Cổ đông là người nội bộ của Ngân hàng gồm 03 thành viên HĐQT đang sở hữu tương ứng là 6,87% tổng số cổ phần của Ngân hàng.

STT	Danh mục	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/Tổng cổ phần%
			Tổ chức	Cá nhân		
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)	0	0	0	0	0
2	Công đoàn Công ty	2	2	0	1.371.182	0,0873%
3	Cổ đông là người nội bộ	3	0	3	107.926.652	6,8716%
4	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu ưu đãi cố tức	73	5	68	73.219.600	4,6618%
6	Cổ phiếu phổ thông	6.224	162	6.062	1.497.403.415	94,8520%

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng của VPBank bao gồm: Số cổ phần phát hành trong đợt phát hành riêng lẻ tháng 9/2017 bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm; Số cổ phần do HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc sở hữu trong thời gian đương nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH11 và số cổ phần do cổ đông phong tỏa tự nguyện theo các thỏa thuận với các bên liên quan của họ qua các giao dịch cầm cố, thế chấp...

STT	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Số cổ đông	Số cổ phần tương ứng	Tỷ lệ/tổng số loại cổ phần tương ứng	Tỷ lệ/tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng
1	Cổ phần phổ thông	23	275.368.825	18,3898%	79,1360%
	<i>Đợt phát hành riêng lẻ 2017</i>	3	164.714.380	11,0000%	47,3359%
	<i>Người nội bộ</i>	3	107.926.652	7,2076%	31,0162%
	<i>Cá nhân khác</i>	20	2.727.787	0,1822%	0,7839%
2	Cổ phần ưu đãi cố tức	72	72.600.227	99,1541%	20,8640%
	TỔNG	95	347.969.052		100%

Tại thời điểm 31/12/2017, thông tin về việc nắm giữ cổ phần của các thành viên HĐQT, thành viên BKS và Tổng Giám đốc của VPBank như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ đang nắm giữ tại VPBank	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/Tổng cổ phần
1	Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	70.257.132	4,4732%
2	Bùi Hải Quân	Phó chủ tịch HĐQT	35.781.376	2,2782%
3	Lô Bằng Giang	Phó chủ tịch HĐQT	1.888.144	0,1202%
4	Nguyễn Văn Hào	Thành viên HĐQT độc lập	không có	không có
5	Ngô Phương Chí	Trưởng BKS	không có	không có
6	Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên BKS	không có	không có
7	Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên BKS chuyên trách	không có	không có
8	Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc	không có	không có
	TỔNG		107.926.652	6,8716%

2. Tình hình thay đổi vốn cổ phần (Vốn điều lệ):

Trong năm, VPBank thực hiện 03 đợt tăng vốn điều lệ bao gồm:

Đợt 1: Tăng Vốn điều lệ từ 9.181.000.000.000 đồng chẵn lên thành 10.765.453.000.000 đồng

Phương thức tăng và Nguồn	Số tiền (VND)	Tỷ lệ chia/Tổng cổ phần phổ thông
Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ Lợi nhuận để lại của năm 2015	1.104.000.000.000	13,07%
Tăng vốn cổ phần từ nguồn là các quỹ. Trong đó:	480.453.000.000	5,69%
<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	71.750.000.000	
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	408.703.000.000	
TỔNG	1.584.453.000.000	18,75%

- Vốn điều lệ tăng thêm: 1.584.453.000.000 đồng, tương đương 158.445.300 cổ phần

Thời điểm	Cổ phần phổ thông	Cổ phần ưu đãi cổ tức	Tổng cộng
Trước khi tăng vốn	8.448.804.000.000	732.196.000.000	9.181.000.000.000
Sau khi tăng vốn	10.033.257.000.000	732.196.000.000	10.765.453.000.000

- Chốt danh sách cổ đông hưởng quyền chia cổ tức và cổ phiếu thưởng: 17^h ngày 13/01/2017
- Hoàn thành đăng ký vốn điều lệ mới: 31/03/2017

Đợt 2: Tăng Vốn điều lệ từ 10.765.453.000.000 đồng chẵn lên thành 14.059.086.350.000 đồng, từ lợi nhuận để lại năm 2016 và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Tỷ lệ chia cụ thể như sau:

Chi tiêu	Số tiền (VND)	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ chia/Tổng cổ phần phổ thông
Tăng vốn cổ phần từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của VPBank	98.846.970.000	9.884.697	0,99%
Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ Lợi nhuận hợp nhất năm 2016 còn được phân phối	3.194.786.380.000	319.478.638	31,84%
Tổng cộng	3.293.633.350.000	329.363.335	32,83%

Vốn điều lệ trước và sau khi chia:

Thời điểm	Cổ phần phổ thông	Cổ phần ưu đãi cổ tức	Tổng cộng
Trước khi tăng vốn	10.033.257.000.000	732.196.000.000	10.765.453.000.000
Sau khi tăng vốn	13.326.890.350.000	732.196.000.000	14.059.086.350.000

- Ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền chia cổ phiếu theo tỷ lệ: 12h ngày 24/06/2017
- Ngày hoàn thành tăng vốn: 10/7/2017

Đợt 3: Tăng vốn từ 14.059.086.350.000 đồng lên 15.706.230.150.000 đồng; Vốn chủ sở hữu tăng thêm 6.224.936.471.996 đồng từ việc phát hành riêng lẻ cổ phần cho các nhà đầu tư.

- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 164.714.380 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần dự kiến chào bán
- Giá bán: 39.000 đồng / cổ phiếu (Ba mươi chín ngàn đồng một cổ phiếu)
- Tổng số tiền thu từ việc chào bán cổ phiếu: 6.423.860.820.000 đồng (Sáu ngàn, bốn trăm hai mươi ba tỷ, tám trăm sáu mươi triệu, tám trăm hai mươi ngàn đồng)
- Số tiền ghi nhận vào việc tăng vốn điều lệ là: 1.647.143.800.000 đồng (Một nghìn, sáu trăm bốn mươi ba tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm ngàn đồng).
- Số tiền chênh lệch giá bán so với mệnh giá là: 4.776.717.020.000 đồng (Bốn nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu tỷ, bảy trăm mười bảy triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng) (sau khi trừ đi các loại phí phát hành sẽ được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần).

Số vốn điều lệ sau khi tăng như sau:

Thời điểm	Cổ phần phổ thông	Cổ phần ưu đãi cổ tức	Tổng cộng
Trước khi tăng vốn	13.326.890.350.000	732.196.000.000	14.059.086.350.000
Sau khi tăng vốn	14.974.034.150.000	732.196.000.000	15.706.230.150.000

Bảng tóm tắt thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu của Ngân hàng đã thay đổi

	Riêng lẻ (triệu đồng)		Hợp nhất (triệu đồng)	
	31-12-17	31-12-16	31-12-17	31-12-16
VỐN CHỦ SỞ HỮU	31-12-17	31-12-16	31-12-17	31-12-16
Vốn điều lệ	15.706.230	9.181.000	15.706.230	9.181.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.866.105	1.288.863	5.866.105	1.288.863
Các quỹ dự trữ	1.646.619	1.761.847	3.558.265	2.950.192
Lợi nhuận chưa phân phối	2.693.120	2.822.651	4.565.110	3.757.473
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	25.912.074	15.054.361	29.695.710	17.177.528

VIII. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Theo quy định của pháp luật, cổ đông là thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần trong thời gian đương nhiệm do đó trong năm không có phát sinh giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông nội bộ là thành viên HĐQT, BKS và Tổng giám đốc.

Các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được coi là các cổ đông nội bộ của VPBank theo quy định tại Điều lệ ngân hàng. Thông tin về giao dịch cổ phiếu của các cổ đông nội bộ và người có liên quan trong năm 2017 như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Cổ đông nội bộ/Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (1/1/2017) (31/12/2017)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, cổ tức, CP thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	37.884.031	4,13%	70.257.132	4,47%	Nhận chuyển nhượng, được chia cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng
2	Bùi Hải Quân	Phó chủ tịch HĐQT	22.684.198	2,47%	35.781.376	2,28%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng
3	Lô Bằng Giang	Phó chủ tịch HĐQT	1.197.020	0,13%	1.888.144	0,12%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng
4	Nguyễn Thanh Bình	Phó tổng giám đốc	316.155	0,03%	-	0,00%	Chuyển nhượng
5	Phan Ngọc Hòa	Phó tổng giám đốc	196.877	0,02%	-	0,00%	Chuyển nhượng
6	Dương Thị Thu Thủy	Phó tổng giám đốc	22.309	0,00%	-	0,00%	Chuyển nhượng
7	Lưu Thị Thảo	Phó tổng giám đốc	64.521	0,01%	-	0,00%	Chuyển nhượng
8	Hoàng Anh Minh	vợ ông Ngô Chí Dũng	1.837.416	0,20%	67.918.279	4,32%	Nhận chuyển nhượng, được chia cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng
9	Kim Ngọc Cẩm Ly	vợ ông Bùi Hải Quân	23.752.672	2,59%	66.324.344	4,22%	Nhận chuyển nhượng, được chia cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng
10	Công ty CP Đầu tư Việt Hải	Công ty do ông Bùi Hải Quân là Chủ tịch	18.315.110	1,99%	-	0,00%	Chuyển nhượng
11	Lý Thị Thu Hà	mẹ đẻ ông Lô Bằng Giang	906.283	0,10%	64.574.711	4,11%	Chuyển nhượng, Nhận chuyển nhượng, chia cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng
12	Lô Hải Yến Ngọc	chị gái ông Lô Bằng Giang	-	0,00%	1.001.660	0,06%	Nhận chuyển nhượng
13	Nguyễn Thu Thủy	vợ ông Lô Bằng Giang	-	0,00%	46.543.586	2,96%	Nhận chuyển nhượng
14	Nguyễn Thị Ngọc Anh	vợ ông Nguyễn Thanh Bình	163.633	0,02%	597.248	0,04%	Nhận chuyển nhượng, chia cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng
15	Nguyễn Thị Thanh Nhân	em ruột ông Nguyễn Thanh Bình	541.629	0,06%	336.245	0,02%	Nhận chuyển nhượng, được chia cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng
16	Nguyễn Hải Vân	Chồng bà Dương Thị Thủy	10.121	0,00%	-	0,00%	Chuyển nhượng

Việc chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đã được công bố thông tin theo quy định hiện hành.

IX. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2018

Đổi với hoạt động kinh doanh

Được đánh giá là một trong những nền kinh tế năng động nhất khu vực châu Á – Thái Bình Dương, cùng với đà phát triển mạnh trong năm 2017, Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục có những bước phát triển trong năm 2018 nhưng cũng đứng trước nhiều thách thức. Đối với ngành ngân hàng, sự cạnh tranh giữa các ngân hàng sẽ tiếp tục gia tăng, đặc biệt là sự lấn sân sang bán lẻ từ các ngân hàng cổ phần có vốn nhà nước. Xu hướng liên kết với các công ty công nghệ tài chính (Fintech) để phát triển các sản phẩm số cũng sẽ là một hướng đi được nhiều ngân hàng quan tâm đầu tư. Bên cạnh đó Ngân hàng Nhà nước sẽ duy trì tăng trưởng tín dụng ở mức gấp 2,5-3 lần tăng trưởng GDP, đủ cao để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhưng cũng đủ thấp kìm chế lạm phát. Dự báo mức tăng tín dụng sẽ được Ngân hàng Nhà nước điều tiết trong khoảng 18%-20%. Thị trường ngân hàng sẽ được quản lý chặt chẽ hơn, với các áp lực cả về minh bạch hóa hoạt động, giải quyết nợ xấu, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng vốn... Một số tổ chức tín dụng nhỏ và kém hiệu quả có thể sẽ phải sáp nhập hoặc bán cho nước ngoài.

Trong xu thế phát triển chung của toàn ngành ngân hàng, VPBank bước sang giai đoạn chiến lược tiếp theo 2018-2022 với nhiều thách thức, sau khi cơ bản hoàn thành được các mục tiêu chính đề ra trong giai đoạn trước. Trong 5 năm tới với sự phát triển mạnh mẽ của nền công nghiệp 4.0, những xu hướng chủ đạo sẽ định hình thị trường Việt Nam như: dân số ngày càng giàu có, kỳ vọng của khách hàng ngày càng cao, môi trường pháp lý thuận lợi, bước tiến về dữ liệu và công nghệ và sự nổi lên của các Fintech và hệ sinh thái. Trong bối cảnh đó, với khát vọng trở thành 1 trong 3 Ngân hàng CỐ GIÁ TRỊ NHẤT tại Việt Nam vào năm 2022 và trở thành Ngân hàng bán lẻ thân thiện nhất thông qua công nghệ thông tin, HĐQT đã xác định những hướng phát triển chiến lược để đạt được khát vọng của mình.

Cụ thể các hướng chiến lược đó là:

Thực hiện thay đổi vượt bậc trong năng suất bán và mạng lưới (x2 năng suất) để thúc đẩy giá trị từ các **mảng kinh doanh hiện tại** bao gồm khách hàng cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ, tiểu thương và doanh nghiệp lớn

Thực hiện tái thiết kế và số hoá từ đầu đến cuối những hành trình dịch vụ ngân hàng cốt lõi để cải thiện trải nghiệm khách hàng một cách bền vững, cắt giảm chi phí với quy trình tinh gọn và hiệu quả

Đạt được kết quả xuất sắc trong quản trị rủi ro và công nghệ thông tin để hỗ trợ tăng trưởng ngân hàng thông qua đầu tư vào các công cụ quản trị rủi ro mới, tự động hoá các quyết định tín dụng và giảm thời gian đưa sản phẩm ra thị trường để phát triển thông qua xây dựng năng lực trong lĩnh vực Agile và DevOps



6 hướng đi chiến lược

Triển khai các động cơ tăng trưởng mới (ngân hàng giao dịch, đối tượng chưa tiếp cận với dịch vụ ngân hàng, hệ sinh thái xe cộ và nhà ở) và mở rộng quan hệ đối tác chiến lược (như banca) để thúc đẩy VPBank tăng trưởng trong tương lai

Xây dựng năng lực dữ liệu và phân tích của thể hệ mới để khai thác sức mạnh dữ liệu nhằm thúc đẩy tăng trưởng phi tuyến tính và cải thiện việc ra quyết định

Tăng cường sức khỏe tổ chức để xây dựng một tổ chức định hướng thúc đẩy hiệu quả công việc, thu hút các nhân tài trong ngành ngân hàng quốc gia và **xác định một văn hoá VPBank** khuyến khích sự hợp tác giữa các bộ phận
Là nơi dừng chân của những cá nhân xuất sắc trong ngành ngân hàng trong nước

Đi cùng với đó, các quan điểm cơ bản trong việc điều chỉnh các mục tiêu chiến lược của Ngân hàng theo hướng xây dựng một ngân hàng bán lẻ hàng đầu được thể hiện qua 4 mục tiêu cơ bản sau:

- Đạt quy mô khách hàng bán lẻ (khách hàng cá nhân và SME) trong nhóm dẫn đầu thị trường;
- Quy mô cho vay bán lẻ hàng đầu;
- Quy mô doanh thu toàn ngân hàng trong топ dẫn đầu thị trường và;
- Đạt hiệu quả kinh doanh cao với ROE trong nhóm dẫn đầu thị trường năm 2018 của VPBank. Nằm trong 5 ngân hàng TMCP tư nhân hàng đầu về số dư huy động và cho vay khách hàng và một trong 3 ngân hàng TMCP tư nhân bán lẻ hàng đầu về số dư huy động, cho vay khách hàng cá nhân và số lượng khách hàng cá nhân.

Một số chỉ tiêu kinh doanh, tài chính hợp nhất trong năm 2018:

STT	Chi tiêu (Tỷ đồng, %)	Kế hoạch 2018
1	Tổng Tài sản	359.477
2	Huy động khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá	241.675
3	Dư nợ cấp tín dụng	243.320
	Trong đó: Cho vay khách hàng	229.148
4	Tỷ lệ nợ xấu	<3%
5	Lợi nhuận trước thuế	10.800

* Ghi chú: Kế hoạch tăng trưởng dư nợ cấp tín dụng không bao gồm trái phiếu VAMC được xây dựng trên cơ sở dự kiến của VPBank và sẽ trình Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

Đối với các hoạt động quản trị

Hệ thống quản trị công ty của VPBank đã được xây dựng đầy đủ và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các quy định của pháp luật và theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước. HĐQT VPBank sẽ tiếp tục những nỗ lực cải thiện quản trị công ty theo những thông lệ quốc tế tốt để mang lại những lợi ích lâu dài cho cổ đông:

- Sửa đổi Điều lệ của VPBank cho phù hợp với Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Luật các Tổ chức Tín dụng 2014 sửa đổi. Áp dụng, truyền thông và tập huấn về Quy chế Quản trị Công ty mới;
- Nỗ lực trong việc cung cấp các tài liệu quản trị bằng cả tiếng Việt và Tiếng Anh để phục vụ việc tìm hiểu, tra cứu thông tin của các nhà đầu tư, cổ đông nước ngoài.
- Đối với ĐHCĐ: Ngân hàng sẽ nghiên cứu thay đổi một số điểm để nâng cao chất lượng cuộc họp ĐHCĐ và khuyến khích các cổ đông chủ động đưa ra các ý kiến đóng góp cho Ngân hàng, như nỗ lực hoàn thiện các tài liệu Đại hội sớm hơn quy định tối thiểu của pháp luật; tài liệu và Biên bản đại hội được lập bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh...
- Đối với HĐQT: Sẽ tổ chức thực hiện tốt hơn các chức năng như giám sát quản lý, kiểm soát môi trường kiểm soát nội bộ bao gồm cả kiểm toán và quản trị rủi ro; tiếp tục nâng cao vai trò nhiệm vụ của Ủy ban Quản lý Rủi ro; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động của HĐQT và cả các Hội đồng, Ủy ban chức năng;
- Về việc minh bạch thông tin: Ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật về việc công bố thông tin, Ngân hàng sẽ tiếp tục đẩy mạnh cơ chế chủ động cung cấp thêm các thông tin về chiến lược chung của ngân hàng, tình hình hoạt động kinh doanh và hoạt động quản trị cho các cổ đông và nhà đầu tư.



**Ngân hàng
tốt nhất Việt Nam
dành cho
DN vừa & nhỏ**

Asia Money



**Thương hiệu
Ngân hàng tốt nhất
Việt Nam**

Global Brand Magazine



BÁO CÁO

TÀI CHÍNH

KIỂM TOÁN 2017



THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng” hoặc “VPBank”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 8 tháng 9 năm 1993, sửa đổi lần thứ 39 ngày 17 tháng 11 năm 2017. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 1993.

Vào ngày 17 tháng 8 năm 2017, cổ phiếu của Ngân hàng chính thức được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, đầu tư chứng khoán, trái phiếu; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 15.706.230 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 9.181.000 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, năm mươi ba (53) chi nhánh, một trăm sáu mươi ba (163) phòng giao dịch trên cả nước và hai (2) công ty con.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch
Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch
Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hào	Thành viên độc lập
Ông Lương Phan Sơn	Thành viên Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Ngô Phương Chí	Trưởng Ban Kiểm soát – Không chuyên trách Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng Ban Kiểm soát Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên chuyên trách
Bà Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên chuyên trách Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Mai Trinh	Thành viên Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lưu Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Fung Kai Jin	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Kosaraju Kiran Babu	Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Đức Vinh – Tổng Giám đốc được Ông Ngô Chí Dũng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Văn bản Ủy quyền số 09/2012/UQ-CT ngày 5 tháng 7 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 5 tháng 2 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng”) và các công ty con được lập ngày 5 tháng 2 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 75 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng và các công ty con chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1


Trần Mai Thảo
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2466-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 5 tháng 2 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	2.574.284	1.727.361
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	6.460.795	2.982.589
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	17.520.025	9.388.905
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	15.218.720	4.089.176
Cho vay các TCTD khác	7.2	2.302.036	5.300.460
Dự phòng rủi ro		(731)	(731)
Chứng khoán kinh doanh	8	1.424.854	2.952.206
Chứng khoán kinh doanh		1.424.854	2.953.769
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	(1.563)
Cho vay khách hàng		179.518.809	142.583.251
Cho vay khách hàng	10	182.666.213	144.673.213
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(3.147.404)	(2.089.962)
Chứng khoán đầu tư	12	53.558.049	55.339.988
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.1	50.384.788	51.948.658
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.2	4.151.127	4.136.200
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	12.3	(977.866)	(744.870)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	152.506	222.930
Đầu tư dài hạn khác		194.602	299.372
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(42.096)	(76.442)
Tài sản cố định	14	808.486	624.197
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	14.1	457.682	422.772
Nguyên giá tài sản cố định		1.090.758	939.411
Khấu hao tài sản cố định		(633.076)	(516.639)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	14.2	350.804	201.425
Nguyên giá tài sản cố định		623.226	392.849
Hao mòn tài sản cố định		(272.422)	(191.424)
Bất động sản đầu tư	15	-	27.162
Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	29.965
Hao mòn bất động sản đầu tư		-	(2.803)
Tài sản Có khác	16	15.734.506	12.922.329
Các khoản phải thu	16.1	8.539.528	5.588.814
Các khoản lãi, phí phải thu	16.2	3.812.015	4.165.577
Tài sản Có khác	16.3	3.404.366	3.395.320
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>	17	-	12.485
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	16.4	(21.403)	(227.382)
TỔNG TÀI SẢN		277.752.314	228.770.918

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	18	26.015	1.103.686
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	19	33.200.418	28.835.898
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	19.1	7.834.381	13.437.105
Vay các tổ chức tín dụng khác	19.2	25.366.037	15.398.793
Tiền gửi của khách hàng	20	133.550.812	123.787.572
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	9	160.469	191.325
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	21	3.899.364	1.389.786
Phát hành giấy tờ có giá	22	66.104.605	48.650.527
Các khoản nợ phải trả khác	23	11.114.921	7.634.596
Các khoản lãi, phí phải trả	23.1	5.063.166	3.161.924
Các khoản phải trả và công nợ khác	23.2	6.051.755	4.472.672
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		248.056.604	211.593.390
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn điều lệ	25	15.706.230	9.181.000
Thặng dư vốn cổ phần	25	5.866.105	1.288.863
Các quỹ dự trữ	25	3.558.265	2.950.192
Lợi nhuận chưa phân phối	25	4.565.110	3.757.473
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		29.695.710	17.177.528
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		277.752.314	228.770.918

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02/TCTD-HN

Thuyết minh	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT		
Cam kết bảo lãnh vay vốn	3.792	12.108
Cam kết giao dịch hối đoái	76.976.531	33.307.126
- Cam kết mua ngoại tệ	369.768	3.687.797
- Cam kết bán ngoại tệ	370.388	3.669.239
- Cam kết giao dịch hoán đổi	76.236.375	25.950.090
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	8.801.290	6.356.322
Bảo lãnh khác	11.590.623	11.585.463
Các cam kết khác	7.034.321	2.334.851
40	104.406.557	53.595.870

Người lập: 


Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:


Bà Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:


Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 5 tháng 2 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03/TCTD-HN

	Thuyết minh	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	27	34.133.371	25.631.116
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	28	(13.518.945)	(10.463.257)
Thu nhập lãi thuần		20.614.426	15.167.859
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		3.210.071	2.114.834
Chi phí hoạt động dịch vụ		(1.748.527)	(1.261.908)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	29	1.461.544	852.926
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	30	(158.842)	(318.960)
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	31	179.638	(149.384)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	32	339.477	91.874
Thu nhập từ hoạt động khác		3.208.782	1.450.885
Chi phí cho hoạt động khác		(672.502)	(232.315)
Lãi thuần từ hoạt động khác	33	2.536.280	1.218.570
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	34	53.568	872
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		25.026.091	16.863.757
Chi phí cho nhân viên		(5.060.266)	(3.430.934)
Chi phí khấu hao		(244.832)	(177.433)
Chi phí hoạt động khác		(3.589.872)	(3.012.985)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	35	(8.894.970)	(6.621.352)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		16.131.121	10.242.405
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	36	(8.001.058)	(5.313.094)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		8.130.063	4.929.311
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.1	(1.689.296)	(994.266)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.689.296)	(994.266)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		6.440.767	3.935.045
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	26	4.564	2.843

Người lập: 



Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:


Bà Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm Giám đốc Tài chính



Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 5 tháng 2 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B04/TCTD-HN


	Thuyết minh	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		34.490.849	25.501.896
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(11.637.208)	(10.039.057)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		1.479.101	850.669
Chênh lệch số tiền thực thu/(thực chi) từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		396.450	(271.622)
Thu nhập khác		1.230.931	476.319
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		1.098.054	715.606
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ		(8.560.105)	(6.479.434)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	24.1	(1.501.672)	(795.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động		16.996.400	9.959.202
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		2.998.424	570.201
Giảm/(Tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		2.689.025	(8.889.714)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(37.795.799)	(27.641.819)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(6.784.262)	(4.882.929)
Tăng khác về tài sản hoạt động		(3.169.515)	(390.722)
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động			
Giảm các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		(1.077.671)	(3.717.377)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng		4.364.520	8.114.707
Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		9.763.386	(6.483.098)
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		17.454.078	23.913.626
Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro		2.509.578	1.006.598
(Giảm)/Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(30.856)	59.565
Tăng khác về công nợ hoạt động		1.298.474	1.958.319
Lưu chuyển tiền thuần từ/ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		9.215.782	(6.423.441)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(214.416)	(188.473)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		237.074	47.723
Thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		10.000	-
Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		(52)	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(30.000)	-
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		157.740	8.255
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		598	872
Lưu chuyển tiền từ/ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		160.944	(131.623)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tặng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu	25.1	6.224.386	-
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	2.876.960
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	25.1	(146.439)	(146.439)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		6.077.947	2.730.521
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		15.454.673	(3.824.543)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		8.799.126	12.623.669
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	37	24.253.799	8.799.126
CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TRỌNG YẾU TRONG NĂM			
Phát hành cổ phiếu thưởng từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ đầu tư phát triển	25.1	579.300	57.537
Tặng vốn từ lợi nhuận để lại	25.1	4.298.786	1.066.997

Người lập: 


Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:


Bà Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:


Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 5 tháng 2 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng” hoặc “VPBank”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 8 tháng 9 năm 1993, sửa đổi lần thứ 39 ngày 17 tháng 11 năm 2017. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 1993.

Vào ngày 17 tháng 8 năm 2017, cổ phiếu Ngân hàng chính thức được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, đầu tư chứng khoán, trái phiếu; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN Việt Nam cho phép.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 15.706.230 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 9.181.000 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, năm mươi ba (53) chi nhánh, một trăm sáu mươi ba (163) phòng giao dịch trên cả nước và hai (2) công ty con.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng có hai (2) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB AMC)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0105837483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 15 tháng 4 năm 2013	Quản lý nợ và khai thác tài sản	115 tỷ đồng Việt Nam	100%
Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPB FC)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102180545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp thay đổi gần nhất ngày 12 tháng 8 năm 2017	Hoạt động dịch vụ tài chính khác	4.474 tỷ đồng Việt Nam	100%

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 23.826 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 17.387 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính của Ngân hàng là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỤC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

3.3 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Sở dĩ các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ các thay đổi sau:

Nghị định số 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn Nhà nước

Ngày 7 tháng 8 năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ("Nghị định 93") về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn Nhà nước. Nghị định 93 thay thế cho Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ, và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 9 năm 2017, trừ quy định về đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là tổ chức tín dụng cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Nghị định 93 sửa đổi, bổ sung các quy định về đảm bảo an toàn vốn, doanh thu, chi phí, đồng tiền hạch toán và trình tự phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng

Ngày 30 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") đã ban hành Thông tư số 39/2016/TT-NHNN thông qua quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4.2 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, NHNN ban hành Thông tư số 22/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("Thông tư 22").

Các thay đổi chính của Thông tư 22 bao gồm:

- Sửa đổi, bổ sung các hướng dẫn về hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ và vàng;
- Sửa đổi một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng;
- Sửa đổi các hướng dẫn hạch toán một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng; và
- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng

Thông tư 22 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2018.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09").

Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại *Thuyết minh 4.6*.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

4.5 Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay đến 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ trên 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong *Thuyết minh 4.6*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4.6 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 30 tháng 11. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.	20%
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	50%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

Đối với các khoản cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, Ngân hàng được phép thực hiện cơ cấu nợ và giữ nguyên nhóm nợ một lần theo quy định tại Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản bảo đảm được quy định trong Thông tư 02 và Thông tư 09.

Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 cũng được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30 tháng 11 cùng năm của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

4.7 Chứng khoán kinh doanh

4.7.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán nợ được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

4.7.2 Đo lường

Chứng khoán nợ kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán xác định dựa trên tỷ suất sinh lợi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.6*.

Dự phòng rủi ro đối với chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.7.3 Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.8 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/ Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chò phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/ phụ trội là chênh lệch âm/ dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chò phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "*Lãi/(Lỗ) thuần từ chứng khoán đầu tư*".

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết thì tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.6*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4.9 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Theo Thông tư số 14/2015/TT-NHNN, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng phải trích lập đầy đủ số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

$$X_{(m)} = \frac{Y}{n} \times m - (Z_m + X_{m-1})$$

Trong đó:

- $X_{(m)}$ là số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại năm thứ m;
- X_{m-1} là số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt lũy kế đến hết năm thứ m-1;
- Y là mệnh giá trái phiếu đặc biệt;
- n là thời hạn của trái phiếu đặc biệt (tính bằng năm);
- m là số năm kể từ thời điểm phát hành trái phiếu đặc biệt đến thời điểm trích lập;
- Z_m là số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu lũy kế đến thời điểm trích lập (năm thứ m). Tổ chức tín dụng bán nợ phối hợp với Công ty Quản lý tài sản để xác định số tiền thu hồi này.

Trường hợp $(Z_m + X_{m-1}) \geq (Y/n \times m)$ thì số tiền trích lập dự phòng cụ thể ($X_{(m)}$) được tính là không (0).

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "*Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng*". Trái phiếu đặc biệt này không phải trích lập dự phòng chung.

Tại ngày trái phiếu đặc biệt được tắt toán, các khoản lãi phát sinh do tổ chức tín dụng thu hồi được từ khoản nợ được hạch toán vào "*Thu nhập từ hoạt động khác*".

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán trước thời điểm đáo hạn, danh mục còn lại của các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được trình bày tại *Thuyết minh số 4.8*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4.10 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

4.11 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác từ 11% quyền biểu quyết trở xuống. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Trong trường hợp cổ phiếu của các đơn vị được đầu tư đăng ký trên sàn giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom), dự phòng giảm giá được trích lập khi giá đăng ký giao dịch nhỏ hơn giá gốc của khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

Trong các trường hợp khác, dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế được đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng cho mỗi khoản đầu tư} = \left(\frac{\text{Tổng vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} - \text{Vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế}}{\text{Tổng số vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}} \right) \times \text{Số vốn đầu tư của mỗi bên}$$

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4.12 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

4.13 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Máy móc thiết bị	3 – 7 năm
Phần mềm máy vi tính	3 – 7 năm
Tài sản cố định khác	3 – 5 năm

4.14 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Ngân hàng và công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được ghi nhận và trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này.

4.15 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục “Chi phí hoạt động khác” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn thuê tài sản.

4.16 Các khoản phải thu

4.16.1 Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. Nợ phải thu khó đòi được Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại *Thuyết minh số 4.6*.

4.16.2 Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng được ghi nhận vào khoản mục “Chi phí hoạt động khác” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

4.17 Chi phí trả trước và chi phí chò phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.18 Vốn cổ phần

4.18.1 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu.

4.18.2 Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.18.3 Các quỹ và dự trữ

Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân phối từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Ngân hàng sẽ thực hiện trích lập các quỹ dự trữ nêu trên dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh riêng vào cuối năm tài chính.

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB AMC") thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, kể từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015, VPB AMC không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính.

Các quỹ dự trữ của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 thay thế Nghị định 57/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012, Công ty thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

4.19 Ghi nhận thu nhập và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 02 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở dự thu, dự chi.

4.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (*Thuyết minh số 48*). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên tài khoản "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

4.21 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.22 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá

Các khoản tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.24 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

4.25 Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 02, tổ chức tín dụng chỉ thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 10 của Thông tư 02 để quản lý, giám sát chất lượng tín dụng. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

4.26 Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cản trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cản trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4.27 Các công cụ phái sinh

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyên, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Các hợp đồng hoán đổi

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước được tính trên số tiền gốc danh nghĩa hoặc các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền danh nghĩa, trong cùng một khoảng thời gian.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên "Vốn chủ sở hữu" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính.

Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.28 Lợi ích của nhân viên

4.28.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Từ ngày 1 tháng 6 năm 2017, mức đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên là 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.28.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.28.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.29 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là ba (3) năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	1.164.862	1.036.240
Tiền mặt bằng ngoại tệ	1.256.907	667.059
Vàng tiền tệ	152.515	24.062
	2.574.284	1.727.361

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Tiền gửi thanh toán tại NHNN	6.460.795	2.982.589

Tiền gửi tại NHNN bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND và tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 1,20%/năm và 0,05%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1,20%/năm và 0,05%/năm).

Theo quy định của NHNN, Ngân hàng phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc. Trong tháng 12 năm 2017, tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 3,00% và 8,00% (2016: 3,00% và 8,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng VND và ngoại tệ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, và tỷ lệ tương ứng là 1,00% và 6,00% (2016: 1,00% và 6,00%) đối với tiền gửi của khách hàng bằng VND và ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên.

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

7.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	6.186.517	2.025.318
- Bằng VND	5.222.342	1.430.569
- Bằng ngoại tệ	964.175	594.749
Tiền gửi có kỳ hạn	9.032.203	2.063.858
- Bằng VND	8.778.800	690.000
- Bằng ngoại tệ	253.403	1.373.858
	15.218.720	4.089.176
Dự phòng rủi ro	-	-
	15.218.720	4.089.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

7.2 Cho vay các TCTD khác

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Bằng VND	1.864.748	5.300.460
Bằng ngoại tệ	437.288	-
	2.302.036	5.300.460
Dự phòng rủi ro	(731)	(731)
	2.301.305	5.299.729

Mức lãi suất tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017 % năm	31/12/2016 % năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,50 - 6,60	3,10 - 7,30
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1,65 - 2,00	1,30 - 1,50
Cho vay bằng VND	3,25 - 5,30	3,50 - 6,10
Cho vay bằng ngoại tệ	1,70	Không áp dụng

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	11.333.508	7.363.587
Nợ cần chú ý	-	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	731	731
	11.334.239	7.364.318

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

8.1 Chứng khoán nợ

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Trái phiếu Chính phủ, chính quyền địa phương	1.424.854	1.499.929
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng khác phát hành	-	1.453.840
<i>Trong đó: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh</i>	-	1.245.445
	1.424.854	2.953.769
Dự phòng rủi ro	-	(1.563)
Dự phòng chung	-	(1.563)
	1.424.854	2.952.206

Thay đổi dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
Số dư đầu năm	1.563	3.088
Hoàn nhập trong năm (<i>Thuyết minh số 31</i>)	(1.563)	(1.525)
Số dư cuối năm	-	1.563

8.2 Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Đã niêm yết	1.424.854	2.745.374
Chưa niêm yết	-	208.395
	1.424.854	2.953.769

Phân tích chất lượng chứng khoán kinh doanh được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	-	208.395
Nợ cần chú ý	-	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-
	-	208.395

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC KHOẢN NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)		Giá trị thuần Triệu đồng
		Tài sản Triệu đồng	Nợ phải trả Triệu đồng	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	42.188.757	41.777.187	(41.909.789)	(132.602)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	7.553.187	7.512.691	(7.411.395)	101.296
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	34.635.570	34.264.496	(34.498.394)	(233.898)
Công cụ tài chính phái sinh khác	3.915.001	2.093.000	(2.120.867)	(27.867)
	46.103.758	43.870.187	(44.030.656)	(160.469)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	25.869.954	25.471.176	(25.666.246)	(195.070)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	12.754.991	12.524.584	(12.662.735)	(138.151)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	13.114.963	12.946.592	(13.003.511)	(56.919)
Công cụ tài chính phái sinh khác	107.050	110.795	(107.050)	3.745
	25.977.004	25.581.971	(25.773.296)	(191.325)

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	%	31/12/2016	%
	Triệu đồng		Triệu đồng	
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	182.038.631	99,66	144.082.942	99,60
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	118.161	0,06	46.621	0,03
Các khoản trả thay khách hàng	1.506	0,00	1.382	0,00
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	505.797	0,28	537.664	0,37
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	2.118	0,00	4.604	0,00
	182.666.213	100	144.673.213	100

Lãi suất cho vay khách hàng vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
	% năm	% năm
Mức lãi suất cho vay thương mại bằng VND	3,00 - 13,50	3,00 - 13,50
Mức lãi suất cho vay thương mại bằng ngoại tệ	2,30 - 4,50	1,40 - 4,50
Lãi suất trung bình cho vay tiêu dùng bằng VND	43,90	43,78

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

10.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

Phân tích chất lượng nợ cho vay tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	163.809.825	132.510.660
Nợ cần chú ý	12.656.366	7.955.500
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.166.441	2.335.222
Nợ nghi ngờ	1.966.441	975.528
Nợ có khả năng mất vốn	1.067.140	896.303
	182.666.213	144.673.213

10.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay ban đầu

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Nợ ngắn hạn	58.092.547	35.892.482
Nợ trung hạn	80.231.829	59.596.064
Nợ dài hạn	44.341.837	49.184.667
	182.666.213	144.673.213

10.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2017 Triệu đồng	%	31/12/2016 Triệu đồng	%
Công ty Nhà nước	2.138.441	1,17	2.169.805	1,50
Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	1.564.284	0,86	970.215	0,67
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	171.242	0,09	26.001	0,02
Công ty TNHH khác	29.041.774	15,90	27.408.987	18,95
Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	644.236	0,35	663.314	0,46
Công ty cổ phần khác	30.304.222	16,59	21.900.544	15,13
Doanh nghiệp tư nhân	561.338	0,31	784.738	0,54
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	721.886	0,40	598.944	0,41
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	56.476	0,03	67.446	0,05
Hộ kinh doanh, cá nhân	117.375.994	64,25	89.972.801	62,19
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	84.708	0,05	110.007	0,08
Khác	1.612	0,00	411	0,00
	182.666.213	100	144.673.213	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

10.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2017 Triệu đồng	%	31/12/2016 Triệu đồng (Trình bày lại)	%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	3.538.605	1,94	1.045.660	0,72
Khai khoáng	268.934	0,15	168.178	0,12
Công nghiệp chế biến, chế tạo	12.141.713	6,65	8.412.917	5,82
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	2.171.806	1,19	2.273.026	1,57
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	227.500	0,12	395.533	0,27
Xây dựng	8.333.164	4,56	5.012.167	3,46
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	22.300.670	12,21	7.813.290	5,40
Vận tải kho bãi	9.381.099	5,14	10.046.085	6,94
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	4.235.161	2,32	3.272.257	2,26
Thông tin và truyền thông	460.972	0,25	435.139	0,30
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1.911.085	1,05	2.793.831	1,93
Hoạt động kinh doanh bất động sản	15.553.631	8,51	16.946.370	11,71
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	255.577	0,14	268.448	0,19
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1.225.731	0,67	432.055	0,30
Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị-xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	40.051	0,02	-	-
Giáo dục và đào tạo	338.584	0,19	212.721	0,15
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	389.020	0,21	26.663	0,02
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	275.179	0,15	434.654	0,30
Hoạt động dịch vụ khác	1.541.832	0,84	288.375	0,20
Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	97.976.774	53,64	84.395.844	58,34
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	99.125	0,05	-	-
	182.666.213	100	144.673.213	100

Ngày 31 tháng 12 năm 2015, NHNN đã ban hành Thông tư số 35/2015/TT-NHNN quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 35"), trong đó có quy định báo cáo phân tích dư nợ cho vay theo ngành được hiểu là ngành của mục đích vay. Thông tư 35 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2017. Ngân hàng đã tiến hành phân loại lại số liệu so sánh tại 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

11. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Chi tiết số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Dự phòng chung	1.290.695	1.031.565
Dự phòng cụ thể	1.856.709	1.058.397
	3.147.404	2.089.962

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm 2017 như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	1.031.565	1.058.397	2.089.962
Trích lập trong năm	259.130	7.422.746	7.681.876
Giảm dự phòng do bán nợ cho VAMC	-	(64.482)	(64.482)
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro tín dụng	-	(6.559.952)	(6.559.952)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.290.695	1.856.709	3.147.404

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm 2016 như sau:

	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	813.948	927.826	1.741.774
Trích lập trong năm	217.617	5.165.072	5.382.689
Giảm dự phòng do bán nợ cho VAMC	-	(157.292)	(157.292)
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro tín dụng	-	(4.877.209)	(4.877.209)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.031.565	1.058.397	2.089.962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

12.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Chứng khoán nợ	50.369.431	51.933.301
Trái phiếu Chính phủ	17.201.861	21.721.281
Chứng khoán nợ do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	19.161.043	16.189.376
<i>Trong đó: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh</i>	<i>12.751.017</i>	<i>11.691.300</i>
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	14.006.527	14.022.644
Chứng khoán vốn	15.357	15.357
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	15.357	15.357
	50.384.788	51.948.658
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(161.117)	(248.559)
Dự phòng giảm giá	(17.818)	(19.829)
Dự phòng chung	(143.299)	(122.609)
Dự phòng cụ thể	-	(106.121)
	50.223.671	51.700.099

Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 3 năm đến 15 năm và lãi suất từ 4,90%/năm đến 10,80%/năm (Ngày 31 tháng 12 năm 2016: có kỳ hạn từ 3 năm đến 15 năm và lãi suất từ 5,00%/năm đến 11,00%/năm).

Chứng khoán nợ do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành có thời hạn từ 11 tháng đến 15 năm và lãi suất từ 5,00%/năm đến 12,20%/năm (31 tháng 12 năm 2016: có kỳ hạn từ 2 năm đến 10 năm và lãi suất từ 5,70%/năm đến 12,20%/năm).

Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành có thời hạn từ 1 năm đến 11 năm và lãi suất từ 8,73%/năm đến 11,50%/năm (31 tháng 12 năm 2016: có kỳ hạn từ 1 năm đến 6 năm và lãi suất từ 8,50%/năm đến 11,00%/năm).

Tổng mệnh giá của các trái phiếu mang đi cầm cố để đảm bảo cho các hợp đồng huy động vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 6.176.038 triệu đồng (31 tháng 12 năm 2016 là 8.545.572 triệu đồng).

Tổng mệnh giá của các trái phiếu được Ngân hàng bán và cam kết mua lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 8.400.000 triệu đồng (31 tháng 12 năm 2016 là 8.109.000 triệu đồng).

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Trái phiếu niêm yết	29.952.878	33.412.580
Trái phiếu chưa niêm yết (<i>Thuyết minh số 12.4</i>)	19.276.527	17.420.718
Chứng khoán nợ khác chưa niêm yết	1.140.026	1.100.003
Chứng khoán vốn niêm yết	15.357	15.357
	50.384.788	51.948.658

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

12.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Trái phiếu Chính phủ	102.689	-
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	4.048.438	4.136.200
	4.151.127	4.136.200
Dự phòng đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(816.749)	(496.311)
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(816.749)	(496.311)
	3.334.378	3.639.889

Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 3 năm đến 5 năm và lãi suất từ 5,70%/năm đến 8,20%/năm. Trái phiếu đặc biệt là các trái phiếu do VAMC phát hành có kỳ hạn 5 năm và không hưởng lãi suất.

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Trái phiếu niêm yết	102.689	-

12.3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

Thay đổi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm 2017 như sau:

	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán Triệu đồng	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn Triệu đồng	Tổng Triệu đồng
Số dư đầu kỳ	248.559	496.311	744.870
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	39.707	320.438	360.145
<i>Trong đó:</i>			
<i>Trái phiếu đặc biệt (Thuyết minh số 36)</i>	-	320.438	320.438
<i>Chứng khoán khác (Thuyết minh số 32)</i>	39.707	-	39.707
Giảm dự phòng do bán nợ cho VAMC	(127.149)	-	(127.149)
Số dư cuối kỳ	161.117	816.749	977.866

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Thay đổi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm 2016 như sau:

	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán Triệu đồng	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn Triệu đồng	Tổng Triệu đồng
Số dư đầu kỳ	174.833	566.946	741.779
Dự phòng rủi ro trích lập/(hoàn nhập) trong năm	73.726	(70.635)	3.091
<i>Trong đó:</i>			
<i>Trái phiếu đặc biệt</i>	-	(70.635)	(70.635)
<i>Chứng khoán khác</i>	73.726	-	73.726
Số dư cuối kỳ	248.559	496.311	744.870

12.4 Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư

Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	19.276.527	13.248.250
Nợ cần chú ý	-	3.611.425
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-
Nợ nghi ngờ	-	561.043
Nợ có khả năng mất vốn	-	-
	19.276.527	17.420.718

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị gốc Triệu đồng	Tỷ lệ số hữu	Giá trị gốc Triệu đồng	Tỷ lệ số hữu
Đầu tư vào tổ chức kinh tế				
Công ty CP Vận tải ITRACO	21	0,64%	21	0,64%
Công ty CP Đồng Xuân	5.000	10,00%	5.000	10,00%
Công ty CP Đào tạo và Tư vấn Ngân hàng (BTC)	371	5,29%	371	5,15%
Công ty CP Thông tin tin dụng (PCB)	3.934	3,28%	3.934	3,28%
Công ty CP Cảng Sài Gòn	185.276	7,44%	185.276	7,44%
Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBS)	-	-	104.770	11,00%
	194.602		299.372	
Dự phòng đầu tư dài hạn khác	(42.096)		(76.442)	
	152.506		222.930	

Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
Số đầu năm	76.442	473
(Hoàn nhập)/trích lập trong năm (Thuyết minh số 35)	(34.346)	75.969
Số cuối năm	42.096	76.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

14.1 Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Thiết bị dụng cụ quản lý Triệu đồng	Tài sản cố định khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	109.299	569.397	1.28.770	77.378	54.567	939.411
Mua trong năm	-	101.287	24.208	1.779	146	127.420
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm tài sản cố định	202	64.377	-	12.711	6.599	83.889
Tặng/(giảm) do phân loại lại tài sản	-	214	(38)	(176)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(25.180)	(28.872)	(1.077)	(2.530)	(2.303)	(59.962)
Số dư cuối năm	84.321	706.403	151.863	89.162	59.009	1.090.758
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	30.676	328.385	69.809	53.883	33.886	516.639
Khấu hao trong năm	5.622	118.620	15.853	13.841	9.752	163.688
Tặng/(giảm) do phân loại lại tài sản	-	90	(2)	(88)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(12.606)	(28.772)	(1.077)	(2.528)	(2.268)	(47.251)
Số dư cuối năm	23.692	418.323	84.583	65.108	41.370	633.076
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	78.623	241.012	58.961	23.495	20.681	422.772
Số dư cuối năm	60.629	288.080	67.280	24.054	17.639	457.682

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 271.954 triệu đồng (31 tháng 12 năm 2016: 213.639 triệu đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

14.2 Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm như sau:

	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Phần mềm máy vi tính Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	69.147	323.702	392.849
Mua trong năm	-	86.996	86.996
Chuyển từ mua sắm tài sản cố định	-	143.381	143.381
Số dư cuối năm	69.147	554.079	623.226
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	868	190.556	191.424
Hao mòn trong năm	-	80.998	80.998
Số dư cuối năm	868	271.554	272.422
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	68.279	133.146	201.425
Số dư cuối năm	68.279	282.525	350.804

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 137.275 triệu đồng (31 tháng 12 năm 2016: 79.464 triệu đồng).

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm như sau:

	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Nhà cửa vật kiến trúc Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.075	9.890	29.965
Thanh lý, nhượng bán	(20.075)	(9.890)	(29.965)
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	-	2.803	2.803
Khấu hao trong năm	-	146	146
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.949)	(2.949)
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	20.075	7.087	27.162
Số dư cuối năm	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC

16.1 Các khoản phải thu

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Các khoản phải thu nội bộ	104.880	56.696
Các khoản phải thu bên ngoài	8.186.347	5.311.782
· Phải thu về thu tín dụng trả chậm (Thuyết minh số 19.2)	5.148.955	2.956.761
· Đặt cọc theo các hợp đồng kinh tế	499.764	1.330.057
· Tài sản có rủi ro tín dụng	165	221.755
· Các khoản phải thu bên ngoài khác	2.537.463	803.209
Mua sắm tài sản cố định	237.824	204.767
Xây dựng cơ bản dở dang	10.477	15.569
	8.539.528	5.588.814

16.2 Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Lãi phải thu từ tiền gửi	19.534	3.225
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	1.728.995	2.052.693
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	1.993.928	2.044.017
Lãi phải thu từ công cụ tài chính phái sinh	69.434	63.107
Phí phải thu	124	2.535
	3.812.015	4.165.577

16.3 Tài sản Có khác

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2015 Triệu đồng
Vật liệu	15.490	14.123
Chi phí trả trước chờ phân bổ	1.490.230	1.123.391
Tài sản nhận gán nợ (*)	1.898.646	2.245.321
Trong đó: Bất động sản	1.898.646	2.245.321
Lợi thế thương mại	-	12.485
	3.404.366	3.395.320

(*) Tài khoản này thể hiện các tài sản nhận gán nợ từ các khách hàng vay quá hạn và đang được Ngân hàng xử lý thu hồi nợ theo quy định của NHNN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

16.4 Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác bao gồm dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các tài sản có rủi ro tín dụng và các khoản phải thu khác và dự phòng chung cho danh mục ủy thác đầu tư. Thay đổi dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác trong năm như sau:

	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
Số dư đầu năm	227.382	232.062
Trích lập dự phòng rủi ro trong năm	18.331	1.040
Trong đó:		
Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng tài sản có rủi ro tín dụng (Thuyết minh số 36)	(1.256)	1.040
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh số 35)	19.587	-
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro tín dụng	(224.310)	(5.720)
Số dư cuối năm	21.403	227.382

Chi tiết dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác như sau:

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Dự phòng rủi ro tín dụng	165	225.731
- Dự phòng chung	-	3.976
- Dự phòng cụ thể	165	221.755
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	21.238	1.651
	21.403	227.382

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
Tổng giá trị lợi thế thương mại ("LTTM")	74.905	74.905
Thời gian phân bổ	3 năm	3 năm
Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu năm	(62.420)	(37.452)
Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm	12.485	37.453
Lợi thế thương mại tăng trong năm	-	-
Lợi thế thương mại phát sinh trong năm	-	-
Điều chỉnh do sự thay đổi giá trị của tài sản và công nợ có thể xác định được	-	-
Lợi thế thương mại giảm trong năm	(12.485)	(24.968)
LTTM giảm do thanh lý, nhượng bán một phần hoặc toàn bộ TCTD	-	-
Giá trị LTTM phân bổ trong năm	(12.485)	(24.968)
Các điều chỉnh giám khác của LTTM	-	-
Tổng giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ cuối năm	-	12.485

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

18. CÁC KHOẢN NỢ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Vay NHNN		
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	-	1.077.995
Vay khác	26.015	25.691
	26.015	1.103.686

19. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

19.1 Tiền gửi của các TCTD khác

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	108.363	1.006.828
Bảng VND	108.341	1.006.806
Bảng ngoại tệ	22	22
Tiền gửi có kỳ hạn	7.726.018	12.430.277
Bảng VND	5.870.000	10.580.000
Bảng ngoại tệ	1.856.018	1.850.277
	7.834.381	13.437.105

19.2 Vay các TCTD khác

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Phải trả về nghiệp vụ thu tín dụng trả chậm (Thuyết minh số 16.1)	5.148.955	2.956.761
Vay các TCTD khác	20.217.082	12.442.032
Bảng VND	7.646.667	6.974.121
Trong đó: Vay chiết khấu giấy tờ có giá bằng VND	5.725.231	5.085.556
Bảng ngoại tệ	12.570.415	5.467.911
	25.366.037	15.398.793

Các khoản vay TCTD khác theo kỳ hạn gốc tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Đến 6 tháng	12.705.053	8.621.741
Từ trên 6 tháng đến 12 tháng	1.410.623	1.329.540
Từ trên 12 tháng đến 5 năm	5.920.356	2.385.194
Từ trên 5 năm trở lên	181.050	105.557
	20.217.082	12.442.032

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Mức lãi suất tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017 %/năm	31/12/2016 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng VND	1,00 - 5,80	4,00 - 6,30
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng ngoại tệ	0,10 - 2,20	0,70 - 1,80
Tiền vay các TCTD khác bằng VND	1,50 - 7,50	4,30 - 7,00
Tiền vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	0,75 - 9,30	0,75 - 5,75

20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	19.670.947	15.238.430
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	17.711.736	12.322.190
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.959.211	2.916.240
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	113.467.607	108.064.068
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	110.089.721	103.563.011
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.377.886	4.501.057
Tiền gửi vốn chuyên dùng	58.484	69.569
- Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	52.935	65.867
- Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	5.549	3.702
Tiền ký quỹ	353.774	415.505
- Tiền gửi ký quỹ bằng VND	348.924	410.085
- Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	4.850	5.420
	133.550.812	123.787.572

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2017 Triệu đồng	%	31/12/2016 Triệu đồng	%
Công ty Nhà nước	2.847.526	2,13	5.058.364	4,09
Công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	1.149.170	0,86	2.134.004	1,72
Công ty TNHH 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	151.792	0,11	132.097	0,11
Công ty TNHH khác	18.720.792	14,02	11.292.431	9,12
Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	1.438.706	1,08	139.695	0,11
Công ty cổ phần khác	28.238.527	21,15	22.118.212	17,86
Công ty hợp danh	1.936	0,00	451	-
Doanh nghiệp tư nhân	80.168	0,06	130.572	0,11
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.386.953	1,04	799.203	0,65
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	16.962	0,01	12.682	0,01
Hộ kinh doanh, cá nhân	77.464.297	58,00	74.115.293	59,87
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	1.852.220	1,39	1.494.688	1,21
Khác	201.763	0,15	6.359.880	5,14
	133.550.812	100	123.787.572	100

Mức lãi suất tiền gửi của khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017 %/năm	31/12/2016 %/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,50	0,50
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,00 - 11,60	1,00 - 11,60
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00 - 2,30	0,00 - 2,10

21. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND từ Dự án Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	328.777	281.836
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng ngoại tệ từ Công ty Tài chính Quốc tế (IFC)	3.570.587	1.107.950
	3.899.364	1.389.786

Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro có kỳ hạn từ 21 tháng đến 10 năm và lãi suất từ 4,66%/năm đến 4,96%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

22. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Dưới 12 tháng	10.533.722	7.223.950
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	49.603.267	36.044.989
Từ 5 năm trở lên	5.967.616	5.381.588
	66.104.605	48.650.527

Giấy tờ có giá bao gồm chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu có lãi suất từ 4,80%/năm đến 13,50%/năm (31 tháng 12 năm 2016: từ 3,60%/năm đến 13,50%/năm).

Phát hành giấy tờ có giá theo loại hình giấy tờ có giá như sau:

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Chứng chỉ tiền gửi phát hành cho khách hàng cá nhân	27.576.840	19.043.913
Chứng chỉ tiền gửi phát hành cho khách hàng doanh nghiệp	23.550.348	19.828.214
Trái phiếu (*)	14.977.417	9.778.400
	66.104.605	48.650.527

(*) Bao gồm 5.376.960 triệu đồng trái phiếu đủ điều kiện tính vào vốn tự có.

23. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ KHÁC

23.1 Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Lãi phải trả tiền gửi có kỳ hạn	949.740	789.569
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm	1.114.044	923.845
Lãi phải trả từ phát hành giấy tờ có giá	2.821.959	1.334.871
Lãi phải trả từ vay các tổ chức khác	71.568	35.465
Lãi phải trả từ vốn nhận ủy thác từ các tổ chức khác	20.260	12.085
Lãi phải trả từ các hợp đồng công cụ tài chính phái sinh	55.881	51.521
Phí phải trả	29.714	14.568
	5.063.166	3.161.924

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

23.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ	719.909	627.602
Phải trả nhân viên	719.909	627.602
Các khoản phải trả bên ngoài	5.331.846	3.845.070
Doanh thu chờ phân bổ	1.342.199	965.527
Các khoản treo chờ chuyển tiền	243.341	123.887
Thuế và các khoản phải trả ngân sách Nhà nước (Thuyết minh số 24)	759.545	533.037
Phải trả liên quan đến các hợp đồng bán và cam kết mua lại giấy tờ có giá	1.292.844	1.264.344
Các khoản phải trả khác	1.693.917	958.275
	6.051.755	4.472.672

24. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu năm Triệu đồng	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm Triệu đồng
		Số phải nộp Triệu đồng	Số đã nộp Triệu đồng	
Thuế TNDN	467.647	1.689.764	(1.501.672)	655.739
Thuế GTGT	28.395	242.152	(241.423)	29.124
Thuế khác	36.995	375.975	(338.288)	74.682
	533.037	2.307.891	(2.081.383)	759.545

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

24.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí thuế TNDN trong năm được ước tính như sau:

	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
Lợi nhuận thuần trước thuế	8.130.063	4.929.311
<i>Cộng/(Trừ)</i>		
- Thu nhập không chịu thuế	(598)	(872)
- Chi phí không được khấu trừ	61.535	15.105
- Các khoản làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	239.667	(7.875)
- Chi phí liên quan đến hợp nhất báo cáo tài chính	12.485	24.968
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	8.443.152	4.960.637
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	1.688.631	992.127
Điều chỉnh số thuế phải nộp các năm trước	665	2.139
Chi phí thuế TNDN trong năm	1.689.296	994.266
Thuế TNDN phải trả đầu năm	467.647	268.556
Điều chỉnh số thuế phải nộp các năm trước	468	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(1.501.672)	(795.175)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	655.739	467.647

24.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận vào ngày kết thúc năm tài chính do không có khoản mục chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

25. VỐN VÀ CÁC QUỸ

25.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ Triệu đồng	Thặng dư vốn cổ phần Triệu đồng	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu đồng	Quỹ dự phòng tài chính Triệu đồng	Quỹ đầu tư phát triển Triệu đồng	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	8.056.466	1.288.863	198.329	688.958	437.488	2.718.818	13.388.922
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	3.935.045	3.935.045
Phát hành cổ phiếu thường	57.537	-	(57.537)	-	-	-	-
Trả cổ tức cho cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-	-	(146.439)	(146.439)
Tặng vốn từ lợi nhuận để lại	1.066.997	-	-	-	-	(1.066.997)	-
Trích lập các quỹ	-	-	198.004	395.817	1.089.133	(1.682.954)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	9.181.000	1.288.863	338.796	1.084.775	1.526.621	3.757.473	17.177.528
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	6.440.767	6.440.767
Phát hành cổ phiếu phổ thông	1.647.144	4.776.717	-	-	-	-	6.423.861
Phát hành cổ phiếu thường	579.300	-	(170.597)	-	(408.703)	-	-
Trả cổ tức cho cổ phần ưu đãi	-	-	-	-	-	(146.439)	(146.439)
Chuyển từ quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận chưa phân phối để tăng vốn	-	-	-	-	(1.684.040)	1.684.040	-
Tặng vốn từ lợi nhuận để lại	4.298.786	-	-	-	-	(4.298.786)	-
Trích lập các quỹ	-	-	322.662	645.220	1.903.531	(2.871.413)	-
Phi tu vấn phát hành cổ phiếu phổ thông	-	(199.475)	-	-	-	-	(199.475)
Điều chỉnh chi phí thuế các năm trước	-	-	-	-	-	(532)	(532)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	15.706.230	5.866.105	490.861	1.729.995	1.337.409	4.565.110	29.695.710

Ngân hàng tăng vốn điều lệ từ 9.181.000 triệu đồng lên 15.706.230 triệu đồng thông qua ba lần tăng vốn như sau:

- Lần 1 tăng từ 9.181.000 triệu đồng lên 10.765.000 triệu đồng thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông từ nguồn lợi nhuận giữ lại sau khi phân phối lợi nhuận năm 2015 và phát hành cổ phiếu phổ thông để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (chia cổ phiếu thường) theo Quyết định số 300/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công văn số 8341/UBCK-QLCB ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, mã số doanh nghiệp: 0100233583 sửa đổi lần thứ 37 ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

- Lần 2 tăng từ 10.765.000 triệu đồng lên 14.059.086 triệu đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận để lại sau phân phối năm 2016 theo Quyết định số 1426/QĐ-NHNN ngày 7 tháng 7 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công văn số 467/UBCK-QLCB ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, mã số doanh nghiệp: 0100233583 sửa đổi lần thứ 38 ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.
- Lần 3 tăng từ 14.059.086 triệu đồng lên 15.706.230 triệu đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu phổ thông riêng lẻ cho các nhà đầu tư theo Quyết định số 2336/QĐ-NHNN ngày 7 tháng 11 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công văn số 6289/UBCK-QLCB ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, mã số doanh nghiệp: 0100233583 sửa đổi lần thứ 39 ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

25.2 Vốn cổ phần

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Cổ phiếu	Triệu đồng	Cổ phiếu	Triệu đồng
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.570.623.015	15.706.230	918.100.000	9.181.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.570.623.015	15.706.230	918.100.000	9.181.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.497.403.415	14.974.034	844.880.400	8.448.804
- Cổ phiếu ưu đãi	73.219.600	732.196	73.219.600	732.196
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.570.623.015	15.706.230	918.100.000	9.181.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.497.403.415	14.974.034	844.880.400	8.448.804
- Cổ phiếu ưu đãi	73.219.600	732.196	73.219.600	732.196

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu của Ngân hàng là 10.000 VND.

Cổ phiếu ưu đãi do Ngân hàng phát hành là cổ phiếu ưu đãi cố tức, trong đó mức cố tức được ổn định hàng năm và không có các quyền liên quan đến quản trị Ngân hàng. Dự kiến sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành, Ngân hàng sẽ mua lại cổ phần ưu đãi làm cổ phiếu quỹ hoặc thực hiện chi định bên thứ ba mua lại cổ phần ưu đãi này.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2017	2016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (Triệu đồng)	6.294.328	3.788.606
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	1.379.170.079	1.332.689.035
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.564	2.843

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được tính bằng lợi nhuận hợp nhất trừ đi (-) cố tức chi trả cho cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng và chi trả cố tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong năm 2017.

Tại thời điểm cuối năm, không có sự kiện hoặc tình huống nào có thể dẫn đến lãi suy giảm trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

27. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	219.773	137.527
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	28.748.896	20.898.218
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán	4.221.610	3.994.439
- Lãi thu từ chứng khoán kinh doanh	158.421	161.557
- Lãi thu từ chứng khoán đầu tư	4.063.189	3.832.882
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	129.284	121.751
Thu khác từ hoạt động tín dụng	813.808	479.181
	34.133.371	25.631.116

28. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	7.069.179	6.636.684
Trả lãi tiền vay	757.165	478.123
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	5.325.631	3.200.385
Chi phí hoạt động tín dụng khác	366.970	148.065
	13.518.945	10.463.257

29. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.210.071	2.114.834
Thu từ dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	288.572	242.661
Thu từ dịch vụ tư vấn	138.538	115.451
Thu từ dịch vụ đại lý nhận ủy thác	-	71.652
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	2.205.667	1.509.213
Thu khác	577.294	175.857
Chi phí hoạt động dịch vụ	(1.748.527)	(1.261.908)
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	(232.274)	(156.182)
Dịch vụ tư vấn	(6.673)	(18.591)
Hoa hồng môi giới	(611.799)	(424.528)
Chi khác	(897.781)	(662.607)
	1.461.544	852.926

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

30. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.223.643	1.946.880
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	346.606	400.432
Thu từ kinh doanh vàng	16.325	17.135
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	860.712	1.529.313
Chi phí từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(1.382.485)	(2.265.840)
Chi từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(629.451)	(1.432.620)
Chi về kinh doanh vàng	(18.134)	(18.072)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(734.900)	(815.148)
	(158.842)	(318.960)

31. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	279.799	40.911
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(101.724)	(191.820)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 8.1)	1.563	1.525
	179.638	(149.384)

32. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	481.849	321.263
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(102.665)	(155.663)
Chi phí dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư (Thuyết minh số 12.3)	(39.707)	(73.726)
	339.477	91.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

33. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác	3.208.782	1.450.885
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	47.669	11
Thu từ nợ đã xử lý rủi ro	1.098.054	715.606
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	224.364	26.645
Thu nhập từ thanh lý tài sản khác	562.948	163.244
Thu từ hoạt động mua bán nợ	289.056	460.893
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	42.376	735
Thu nhận hỗ trợ và thu nhập khác	944.315	83.751
Chi phí hoạt cho động khác	(672.502)	(232.315)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	(63.715)	(3.647)
Chi phí thanh lý bất động sản đầu tư	(17.068)	-
Chi phí từ thanh lý tài sản khác	(570.875)	(160.987)
Chi khác	(20.844)	(67.681)
	2.536.280	1.218.570

34. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN MUA CỔ PHẦN

	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
Thu nhập thanh lý, thoái vốn đầu tư vào đơn vị khác	52.970	-
Thu từ cổ tức	598	872
	53.568	872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

35. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
Chi phí thuế, lệ phí và phí	229.264	175.396
Chi phí cho nhân viên	5.060.266	3.430.934
<i>Trong đó:</i>		
Chi lương và phụ cấp	4.339.711	2.948.388
Các khoản chi đóng góp theo lương	296.524	217.958
Chi trợ cấp	314.689	167.096
Chi khác	109.342	97.492
Chi về tài sản	1.101.356	949.653
<i>Trong đó: khấu hao tài sản cố định</i>	244.832	177.433
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	948.596	733.927
<i>Trong đó:</i>		
Chi công tác phí	58.833	41.803
Chi phí dự phòng rủi ro khác	(14.759)	75.969
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh số 13)	(34.346)	75.969
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh số 16.4)	19.587	-
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	141.741	111.853
Chi phí hoạt động khác	1.428.506	1.143.620
	8.894.970	6.621.352

36. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Thuyết minh số 11)	7.681.876	5.382.689
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng trái phiếu VAMC (Thuyết minh số 12.3)	320.438	(70.635)
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác (Thuyết minh số 16.4)	(1.256)	1.040
	8.001.058	5.313.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

37. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	2.574.284	1.727.361
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6.460.795	2.982.589
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	6.186.517	2.025.318
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua	9.032.203	2.063.858
	24.253.799	8.799.126

38. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
I. Tổng số nhân viên bình quân (người) <i>(Chi bao gồm các nhân viên chính thức)</i>	20.607	15.157
II. Thu nhập của nhân viên (Triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương	4.364.765	2.332.047
2. Thu nhập khác	423.717	293.582
3. Tổng thu nhập (1+2)	4.788.482	2.625.629
4. Tiền lương bình quân tháng	17,65	12,82
5. Thu nhập bình quân tháng	19,36	14,44

39. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ SỐ SÁCH TÀI SẢN THỂ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG VAY

39.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Bảng dưới đây trình bày giá trị số sách của tài sản thế chấp của khách hàng tại thời điểm cuối năm:

	Giá trị số sách	
	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Bất động sản	173.456.281	148.665.359
Động sản	39.934.274	30.749.819
Giấy tờ có giá	79.901.398	66.248.237
Các tài sản đảm bảo khác	106.177.159	94.972.311
	399.469.112	340.635.726

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu của TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Giá trị mệnh giá	
	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Trái phiếu Chính phủ mua và cam kết bán lại	2.050.000	2.702.000

39.2 Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Chi tiết các tài sản, giấy tờ có giá của Ngân hàng được đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố	6.160.155	8.545.572
Giấy tờ có giá bán và cam kết mua lại	8.400.000	8.109.000
Tài sản khác đưa đi thế chấp, cầm cố	13.949.016	2.921.715
	28.509.171	19.576.287

40. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017 Triệu đồng	31/12/2016 Triệu đồng
Cam kết bảo lãnh vay vốn	3.792	12.108
Cam kết giao dịch hối đoái	76.976.531	33.307.126
- Cam kết mua ngoại tệ	369.768	3.687.797
- Cam kết bán ngoại tệ	370.388	3.669.239
- Cam kết giao dịch hoán đổi	76.236.375	25.950.090
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	8.801.290	6.356.322
Bảo lãnh khác	11.590.623	11.585.463
- Cam kết bảo lãnh thanh toán	1.802.861	2.096.425
- Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	2.399.403	3.150.585
- Cam kết bảo lãnh dự thầu	575.831	511.987
- Cam kết bảo lãnh khác	6.812.528	5.826.466
Các cam kết khác	7.034.321	2.334.851
	104.406.557	53.595.870
Trừ: Tiền ký quỹ	(353.774)	(415.505)
Nghĩa vụ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	104.052.783	53.180.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

41. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Ngân hàng có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
- kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng thành viên hoặc Ban Điều hành của Ngân hàng;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị	
		2017 Triệu đồng	2016 Triệu đồng
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Chi phí lương và phụ cấp khác	48.919	33.412
	Chi phí nhận tiền gửi	1.483	640

Các khoản phải thu, phải trả trọng yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Bên liên quan	Số dư	Phải thu/Phải trả	
		31/12/2017 Triệu đồng	21/12/2016 Triệu đồng
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Tiền gửi tại ngân hàng	40.962	20.246

Ngoài ra, Ngân hàng không có các giao dịch, các khoản phải thu, phải trả trọng yếu nào khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày với các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

42. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

42.1 Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Cho mục đích quản lý, Ngân hàng và các công ty con được tổ chức thành các bộ phận dựa trên các lĩnh vực sau:

Hoạt động ngân hàng:	Các sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng bao gồm
	- Nhận tiền gửi;
	- Cấp tín dụng;
	- Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; và
	- Các hoạt động ngân hàng khác.
Hoạt động quản lý tài sản:	Quản lý tài sản bảo đảm và các khoản vay tái cơ cấu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong bảng sau:

	Hoạt động ngân hàng Triệu đồng	Hoạt động quản lý tài sản Triệu đồng	Điều chỉnh nội bộ Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
I. Doanh thu				
1. Doanh thu lãi	34.133.371	1.512	(1.512)	34.133.371
<i>Doanh thu lãi từ khách hàng bên ngoài</i>	34.133.371	-	-	34.133.371
<i>Doanh thu lãi từ nội bộ</i>	-	1.512	(1.512)	-
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	1.461.428	130.978	(130.862)	1.461.544
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	2.966.555	(16.434)	-	2.950.121
	38.561.354	116.056	(132.374)	38.545.036
II. Chi phí				
1. Chi phí lãi	(13.518.945)	-	-	(13.518.945)
<i>Chi phí lãi khách hàng bên ngoài</i>	(13.518.945)	-	-	(13.518.945)
<i>Chi phí lãi nội bộ</i>	-	-	-	-
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(244.364)	(468)	-	(244.832)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(8.536.019)	(114.119)	-	(8.650.138)
	(22.299.328)	(114.587)	-	(22.413.915)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	16.262.026	1.469	(132.374)	16.131.121
Chi phí dự phòng rủi ro	(8.001.058)	-	-	(8.001.058)
Kết quả kinh doanh bộ phận	8.260.968	1.469	(132.374)	8.130.063
III. Tài sản				
1. Tiền mặt	2.574.284	-	-	2.574.284
2. Tài sản cố định	807.600	886	-	808.486
3. Tài sản khác	274.283.013	185.144	(98.613)	274.369.544
	277.664.897	186.030	(98.613)	277.752.314
IV. Nợ phải trả				
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	242.004.849	-	-	242.004.849
2. Nợ phải trả nội bộ	719.909	-	-	719.909
3. Nợ phải trả khác	5.306.697	25.149	-	5.331.846
	248.031.455	25.149	-	248.056.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong bảng sau:

	Hoạt động ngân hàng Triệu đồng	Hoạt động quản lý tài sản Triệu đồng	Điều chỉnh nội bộ Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
I. Doanh thu				
1. Doanh thu lãi	25.631.116	3.763	(3.763)	25.631.116
<i>Doanh thu lãi từ khách hàng bên ngoài</i>	25.631.116	-	-	25.631.116
<i>Doanh thu lãi từ nội bộ</i>	-	3.763	(3.763)	-
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	852.303	81.824	(81.201)	852.926
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	841.361	1.611	-	842.972
	27.324.780	87.198	(84.964)	27.327.014
II. Chi phí				
1. Chi phí lãi	(10.463.257)	-	-	(10.463.257)
<i>Chi phí lãi khách hàng bên ngoài</i>	(10.463.257)	-	-	(10.463.257)
<i>Chi phí lãi nội bộ</i>	-	-	-	-
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(176.757)	(676)	-	(177.433)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(6.359.640)	(84.279)	-	(6.443.919)
	(16.999.654)	(84.955)	-	(17.084.609)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	10.325.126	2.243	(84.964)	10.242.405
Chi phí dự phòng rủi ro	(5.313.094)	-	-	(5.313.094)
Kết quả kinh doanh bộ phận	5.012.032	2.243	(84.964)	4.929.311
III. Tài sản				
1. Tiền mặt	1.727.361	-	-	1.727.361
2. Tài sản cố định	623.771	426	-	624.197
3. Tài sản khác	226.313.876	187.613	(82.129)	226.419.360
	228.665.008	188.039	(82.129)	228.770.918
IV. Nợ phải trả				
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	207.120.718	-	-	207.120.718
2. Nợ phải trả nội bộ	627.602	-	-	627.602
3. Nợ phải trả khác	3.819.309	25.761	-	3.845.070
	211.567.629	25.761	-	211.593.390

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

42.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Ngân hàng và các công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt do Ngân hàng hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng nhận định rằng Ngân hàng và các công ty con chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, Ngân hàng và các công ty con không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

43. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các đối tác của Ngân hàng và các công ty con tại thời điểm cuối năm như sau:

	Trong nước Triệu đồng	Nước ngoài Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tổng dư nợ cho vay	184.966.131	2.118	184.968.249
Tổng huy động	220.375.495	16.405.719	236.781.214
Các cam kết tín dụng và bảo lãnh khác	20.395.705	-	20.395.705
Các công cụ tài chính phái sinh	160.469	-	160.469
Kinh doanh và đầu tư chứng khoán	55.960.769	-	55.960.769

44. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Ngân hàng chịu những rủi ro sau từ các công cụ tài chính:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này trình bày thông tin về những rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải theo loại rủi ro; mục tiêu, chính sách và quy trình của Ngân hàng nhằm đánh giá và quản lý rủi ro và việc quản lý nguồn vốn của Ngân hàng.

Khung quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị (“HDQT”) Ngân hàng có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát tình hình thực hiện một khuôn khổ quản lý rủi ro thống nhất, đồng thời chịu trách nhiệm cuối cùng và cao nhất về chất lượng, hiệu quả quản lý rủi ro của Ngân hàng. Để hỗ trợ vai trò giám sát này, HDQT Ngân hàng đã thành lập Hội đồng Quản lý Tài sản có/tài sản nợ (“ALCO”) và Ủy ban Quản lý Rủi ro (“RCO”), các hội đồng/ủy ban này có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro quan trọng theo từng lĩnh vực được HDQT ủy quyền và định kỳ báo cáo lên HDQT về các hoạt động của mình. Thành viên của các hội đồng bao gồm các thành viên có quyền biểu quyết và các thành viên không có quyền biểu quyết.

Khung quản lý rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác lập các nguyên tắc chủ chốt trong hoạt động quản lý và kiểm soát những rủi ro trọng yếu phát sinh từ các hoạt động Ngân hàng. Trên cơ sở này, chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà Ngân hàng gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, và nhằm giám sát rủi ro và tuân thủ các hạn mức.

Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên soát xét để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường, các sản phẩm và dịch vụ Ngân hàng cung cấp. Thông qua các hoạt động đào tạo và các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, Ngân hàng hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tinh thần tích cực, trong đó toàn bộ các nhân viên của Ngân hàng hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

44.1 Rủi ro tín dụng

Ngân hàng chịu rủi ro tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng cho khách hàng, gửi tiền tại và cho vay các TCTD khác và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cũng như khi Ngân hàng đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Ngân hàng cấp bảo lãnh. Rủi ro tín dụng phát sinh khi khách hàng, bên có nghĩa vụ hoặc đối tác không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo các cam kết và thỏa thuận đã ký với Ngân hàng. Rủi ro tín dụng chính mà Ngân hàng gặp phải phát sinh từ hoạt động cho vay và ứng trước khách hàng doanh nghiệp, cho vay và ứng trước khách hàng bán lẻ và đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Ngoài ra, Ngân hàng còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoài bảng dưới dạng các cam kết bảo lãnh, thu tín dụng chứng từ và các công cụ tài chính phái sinh.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro có tác động lớn nhất đến thu nhập và vốn của Ngân hàng. Ngân hàng xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng theo tôn chỉ quản lý các hoạt động tín dụng một cách thận trọng và các giới hạn cấp tín dụng bao gồm giới hạn rủi ro tập trung tín dụng và nằm trong khả năng chịu đựng rủi ro của Ngân hàng. Về nguyên tắc, Ngân hàng nhận dạng và quản lý các rủi ro tín dụng tại tất cả các hoạt động và sản phẩm tiềm ẩn rủi ro và đảm bảo rằng Ngân hàng chỉ cung cấp các sản phẩm mới khi có đầy đủ các quy định, quy trình liên quan đến sản phẩm mới, hoạt động trên thị trường mới nhằm nhận dạng, đo lường, đánh giá, theo dõi và kiểm soát các rủi ro phát sinh trọng yếu. Để quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng chủ trương giao dịch với các đối tác đáng tin cậy và yêu cầu đối tác phải có các biện pháp bảo đảm khi cần thiết.

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa. Theo đó, công tác xây dựng chính sách rủi ro, xác định giới hạn rủi ro và công tác theo dõi, báo cáo và kiểm soát rủi ro được thực hiện độc lập và tập trung tại Khối Quản trị Rủi ro. Các báo cáo của Khối Quản trị Rủi ro là cơ sở để RCO ban hành các quyết định tín dụng quan trọng.

Ngân hàng thực hiện đo lường rủi ro tín dụng, thực hiện trích lập dự phòng và tuân thủ các tỷ lệ an toàn cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và cho các tổ chức tín dụng khác trên cơ sở áp dụng các quy định của NHNN.

Cách tiếp cận tổng thể của Ngân hàng đối với rủi ro tín dụng là cách tiếp cận theo mức độ rủi ro. Theo đó, các quyết định phê duyệt, định giá tín dụng cũng như các biện pháp ứng xử về giám sát, phân luồng tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng đang được thiết kế phù hợp theo mức độ rủi ro của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, các hoạt động quan trọng mà Ngân hàng đang thực hiện bao gồm những nội dung sau:

- Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu phục vụ công tác xây dựng các hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại rủi ro theo chuẩn mực quốc tế;
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng và hệ thống chấm điểm;
- Tập hợp và rà soát các chính sách/văn bản tín dụng toàn hệ thống để đánh giá lại tính đồng bộ và mức độ đáp ứng các yêu cầu được đặt ra trong Chính sách khung quản trị rủi ro;
- Hoàn thiện cơ chế giám sát chất lượng tín dụng cho toàn bộ vòng đời của khoản vay;
- Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng; và
- Xây dựng hệ thống thu hồi nợ và tái cấu trúc nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản bằng với giá trị ghi sổ gộp của nhóm tài sản tài chính đó trên bảng cân đối kế toán được trình bày như sau:

	Chưa quá hạn Triệu đồng	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá Triệu đồng	Đã quá hạn và đã trích lập dự phòng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	17.520.025	-	731	17.520.756
- Tiền gửi tại TCTD khác	15.218.720	-	-	15.218.720
- Cho vay các TCTD khác	2.301.305	-	731	2.302.036
Chứng khoán kinh doanh	1.424.854	-	-	1.424.854
Cho vay khách hàng	174.841.497	1.071.994	6.752.722	182.666.213
Chứng khoán đầu tư	54.535.915	-	-	54.535.915
- Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	50.384.788	-	-	50.384.788
- Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	4.151.127	-	-	4.151.127
Tài sản Có khác	15.689.475	-	66.434	15.755.909
Tổng cộng	264.011.766	1.071.994	6.819.887	271.903.647

Bảng trên thể hiện trường hợp xấu nhất với mức độ mất vốn tối đa của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, chưa tính đến bất kỳ các tài sản thế chấp được nắm giữ hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng nào.

Các tài sản chưa quá hạn của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ nhóm 1, không kể đến các khoản quá hạn dưới 10 ngày, các khoản nợ chưa quá hạn nhưng được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 do đã được cơ cấu lại hoặc gia hạn kỳ hạn trả nợ hoặc buộc chuyển nhóm nợ xấu nhất trên CIC; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản khác không quá hạn. Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản này trong tương lai.

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá là do Ngân hàng đang nắm giữ các tài sản đảm bảo đủ bù đắp các tổn thất tín dụng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngân hàng hiện đang nắm giữ các tài sản đảm bảo là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác cho các tài sản này. Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

44.2 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do những biến động bất lợi và thay đổi của các nhân tố rủi ro thị trường (bao gồm lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường...) gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập và vốn của Ngân hàng.

Quản lý rủi ro thị trường

Công tác quản lý rủi ro thị trường được thực hiện tại Phòng Rủi ro Thị trường và Đối tác thuộc Khối Quản trị Rủi ro. Phòng Rủi ro Thị trường và Đối tác chịu trách nhiệm xây dựng chi tiết các chính sách, quy trình; xây dựng các công cụ đo lường; đề xuất hạn mức rủi ro thị trường độc lập trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện giám sát hạn mức rủi ro thị trường hàng ngày/hàng tháng theo quy định của Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Năm 2017, chính sách quản lý rủi ro thị trường đã được sửa đổi đưa ra mô hình quản lý rủi ro phân tách rõ chức năng về quản lý rủi ro thị trường giữa các đơn vị, ủy ban theo mô hình 3 lớp phòng vệ, thành lập Tiểu ban Quản lý Rủi ro Thị trường (MACO) trực thuộc Ủy ban Quản lý Rủi ro (RCO) thực hiện nhiệm vụ đề xuất, phân tích chuyên sâu các vấn đề rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro đối tác. Quy định về phân tách Sở Kinh doanh và Sở Ngân hàng cũng được ban hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tuân thủ tiêu chuẩn Basel II, theo đó từng danh mục đều phải quy định rõ chiến lược kinh doanh, chiến lược phòng vệ, phân tích các rủi ro tiềm ẩn. Phương pháp định giá cũng đã được ban hành theo tiêu chuẩn IFRS, giúp cho Ngân hàng tính toán được giá trị hợp lý của các sản phẩm tài chính một cách chính xác.

Các loại rủi ro thị trường của Ngân hàng (bao gồm rủi ro tiền tệ, lãi suất, giá hàng hóa, quyền chọn, chênh lệch lợi suất và thanh khoản thị trường) đều được phân tích chuyên sâu, nhận diện, đo lường và quản lý bằng hệ thống các hạn mức nội bộ. Việc quản lý và kiểm soát rủi ro bao gồm các báo cáo rủi ro định kỳ (chủ yếu là hàng ngày) và báo cáo các trường hợp vi phạm hạn mức.

Hệ thống hạn mức rủi ro thị trường được thiết lập dựa trên 2 phương pháp: từ trên xuống (top-down) dựa trên khẩu vị rủi ro của Ngân hàng, quy định của NHNN và các quy định của đối tác chiến lược và phương pháp từ dưới lên (bottom-up) dựa trên nhu cầu từ đơn vị kinh doanh và phân tích rủi ro-lợi nhuận.

Ngân hàng đã thực hiện tính toán vốn bù đắp cho rủi ro thị trường dựa trên tiêu chuẩn Basel II định kỳ hàng tháng.

(a) Rủi ro lãi suất

Lãi suất thực tế cho các khoản cho vay khách hàng và tiền gửi khách hàng theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại *Thuyết minh số 10* và *Thuyết minh số 20*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

	Thời hạn định lại lãi suất										Tổng cộng Triệu đồng	
	Quá hạn Triệu đồng	Không chịu lãi Triệu đồng	Đến 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 - 6 tháng Triệu đồng	Từ 6 - 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 5 năm Triệu đồng	Trên 5 năm Triệu đồng				
Tài sản												
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	2.574.284	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.574.284
Tiền gửi tại NHNN	-	-	6.460.795	-	-	-	-	-	-	-	-	6.460.795
Tiền gửi tại các TCTD khác - góp	731	-	13.284.623	4.235.402	-	-	-	-	-	-	-	17.520.756
Chứng khoán kinh doanh - góp	-	-	1.424.854	-	-	-	-	-	-	-	-	1.424.854
Cho vay khách hàng - góp	7.824.716	-	83.215.711	27.646.672	21.619.017	19.328.027	22.962.512	69.558	-	-	-	182.666.213
Chứng khoán đầu tư - góp	-	4.063.794	4.905.000	7.247.976	2.521.964	11.689.997	17.384.025	6.723.159	-	-	-	54.535.915
Góp vốn, đầu tư dài hạn - góp	-	194.602	-	-	-	-	-	-	-	-	-	194.602
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	808.486	-	-	-	-	-	-	-	-	-	808.486
Tài sản Cố khác - góp	66.433	10.540.521	921.516	1.240.944	2.072.809	913.686	-	-	-	-	-	15.755.909
Tổng tài sản	7.891.880	18.181.687	110.212.499	40.370.994	26.213.790	31.931.710	40.346.537	6.792.717	6.792.717	281.941.814		
Nợ phải trả												
Các khoản nợ NHNN	-	-	676	6.901	16.416	2.022	-	-	-	-	-	26.015
Tiền gửi và vay từ TCTD khác	-	-	17.116.718	9.643.755	4.965.634	913.686	560.625	-	-	-	-	33.200.418
Tiền gửi của khách hàng	-	-	55.790.287	24.752.110	28.264.642	16.241.959	8.500.722	1.092	-	-	-	133.550.812
Các CCTC phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	145.212	(13.010)	(31.611)	44.625	15.253	-	-	-	-	160.469
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chi trả rui ro	-	-	164.389	1.161.068	1.295.682	1.278.225	-	-	-	-	-	3.899.364
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	3.197.782	6.825.096	16.705.346	28.171.007	11.205.374	-	-	-	-	66.104.605
Các khoản nợ khác	-	9.822.078	-	-	1.292.843	-	-	-	-	-	-	11.114.921
Tổng nợ phải trả	-	9.822.078	76.415.064	42.375.920	52.506.952	46.651.524	20.281.974	1.092	248.056.604	248.056.604		
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	7.891.880	8.359.609	33.797.435	(2.004.926)	(26.295.162)	(14.719.814)	20.064.563	6.791.625	33.885.210	33.885.210		
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (trùng)	-	-	-	872.332	697.687	(224.115)	(1.345.904)	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội, ngoại bảng	7.891.880	8.359.609	33.797.435	(1.132.594)	(25.597.475)	(14.943.929)	18.718.659	6.791.625	33.885.210	33.885.210		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến Ngân hàng như sau:

	Mức tăng lãi suất	Ảnh hưởng đến	
		Lợi nhuận trước thuế Triệu đồng	Lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017			
USD	1,50%	(14.615)	(11.692)
VND	3,00%	588.962	471.169
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016			
USD	1,50%	(157.764)	(126.211)
VND	3,00%	161.595	129.276

(b) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ (hay thường gọi là rủi ro tỷ giá) là rủi ro gây ra tổn thất cho Ngân hàng do các thay đổi bất lợi của giá trị hợp lý của các trạng thái khi tỷ giá biến động. Trạng thái ngoại hối cũng như các trạng thái vàng và kim loại quý khác có tiềm ẩn rủi ro tỷ giá. Rủi ro tỷ giá xuất hiện khi danh mục bao gồm các dòng tiền giao ngay hoặc dòng tiền tương lai bằng ngoại tệ. Rủi ro tỷ giá tiềm ẩn trên cả Sổ Kinh doanh và Sổ Ngân hàng. Rủi ro tỷ giá tác động trực tiếp tới bảng cân đối tài sản và bảng thu nhập khi các loại tài sản, nợ và thu nhập bằng ngoại tệ cần được chuyển đổi sang nội tệ.

Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ được quản lý bằng các công cụ hạn mức cho trạng thái mở ngoại tệ cho từng loại ngoại tệ cũng như tổng trạng thái mở ngoại tệ. Ngân hàng sẽ quản lý bằng cách thiết lập các hạn mức trạng thái mở của từng ngoại tệ phù hợp với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đồng Việt Nam là đồng tiền chính trong giao dịch của Ngân hàng; đồng Đô la Mỹ được giao dịch chủ yếu trên các khoản cho vay, tiền gửi và phái sinh; các loại ngoại tệ khác chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng tài sản và nợ của Ngân hàng. Các trạng thái mở ngoại tệ được giám sát hàng ngày và các chiến lược phòng vệ được sử dụng để đảm bảo các trạng thái luôn trong hạn mức cho phép.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo được trình bày tại *Thuyết minh số 48*. Theo dự báo của Ngân hàng, trong năm 2018 tỷ giá USD/VND sẽ dao động xung quanh mức 22.730 VND/USD.

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Ngân hàng là không đáng kể.

	Mức tăng tỷ giá	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017		
USD	2,00%	(11.742)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016		
USD	2,00%	(12.359)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	EUR được quy đổi Triệu đồng	USD được quy đổi Triệu đồng	Vàng được quy đổi Triệu đồng	Các loại ngoại tệ khác quy đổi Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tài sản					
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	378.732	288.990	152.515	589.185	1.409.422
Tiền gửi tại NHNN	-	1.775	-	-	1.775
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	250.186	1.327.535	-	77.145	1.654.866
Cho vay khách hàng		5.136.810	-	-	5.136.810
Tài sản Có khác	55.905	5.215.032	-	1.687	5.272.624
Tổng tài sản	684.823	11.970.142	152.515	668.017	13.475.497
Nợ phải trả					
Tiền gửi của và vay các TCTD khác	355.627	19.218.096	-	1.687	19.575.410
Tiền gửi của khách hàng	380.127	4.540.160	-	427.209	5.347.496
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	19.185	(14.808.265)	-	225.083	(14.563.997)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	3.570.587	-	-	3.570.587
Các khoản nợ khác	3.734	168.727	-	4.075	176.536
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	758.673	12.689.305	-	658.054	14.106.032
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(73.850)	(719.163)	152.515	9.963	(630.535)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(15.804)	38.255	-	(23.071)	(620)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(89.654)	(680.908)	152.515	(13.108)	(631.155)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản có thể xảy ra khi Ngân hàng không cân đối đủ tiền để có thể đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn; hoặc có thể đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện các nghĩa vụ đó. Rủi ro này có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận, vốn, danh tiếng của Ngân hàng; thậm chí có thể làm cho Ngân hàng bị phá sản.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Ngân hàng luôn duy trì một danh mục và khối lượng cụ thể của các tài sản có tính thanh khoản cao, có thể bao gồm nhưng không hạn chế: tiền mặt, vàng, tiền gửi liên ngân hàng, trái phiếu Chính phủ và các tài sản khác có tính thanh khoản cao khác để đảm bảo luôn đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong hoàn cảnh căng thẳng mà không phát sinh các tổn thất không chấp nhận được hoặc gây ra tác động tiêu cực đến hình ảnh của Ngân hàng. Trong từng thời kỳ, dựa trên cấu trúc về Tài sản Nợ - Tài sản Có của Ngân hàng mà Ngân hàng sẽ xây dựng các hạn mức chênh lệch thanh khoản cụ thể và tuân thủ nghiêm túc.

Ngân hàng hiểu rõ mối quan hệ qua lại của các rủi ro tín dụng, thị trường tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng. Ngân hàng nhận thức rõ ràng rủi ro thanh khoản đến từ hai phía của bảng cân đối tài sản Ngân hàng. Vì vậy, cách tiếp cận quản lý rủi ro thanh khoản của Ngân hàng luôn chú trọng việc đa dạng hóa hoạt động đầu tư, tín dụng và tăng cường khả năng tiếp cận thị trường vốn bằng nhiều công cụ và sản phẩm huy động vốn khác nhau.

Phòng Quản lý Bảng cân đối thuộc Khối Tài chính thực hiện nhiệm vụ giám sát hàng ngày về vấn đề thanh khoản của Ngân hàng, đồng thời xây dựng các báo cáo chi tiết về trạng thái thanh khoản của Ngân hàng trình ALCO xem xét và đưa ra các quyết định phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng và tình hình kinh doanh cũng như diễn biến thị trường ở từng giai đoạn khác nhau. Ngân hàng áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, Ngân hàng theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng trong tương lai đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

Các giới hạn rủi ro thanh khoản được thiết lập dựa trên kết quả dự báo thanh khoản của Ngân hàng trong hoàn cảnh bình thường cũng như trong các điều kiện căng thẳng trên thị trường. Ngân hàng định kỳ thực hiện các kịch bản căng thẳng thanh khoản khác nhau để kiểm tra khả năng đáp ứng thanh khoản của Ngân hàng trong các tình huống bất lợi. Đồng thời cũng ban hành quy định cụ thể về kế hoạch dự phòng thanh khoản (LCP), theo đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và quy trình phối hợp thực hiện ngay khi có dấu hiệu của một sự kiện căng thẳng thanh khoản có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Bảng dưới đây trình bày thời gian đáo hạn của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

	Quá hạn			Trong hạn					Tổng cộng Triệu đồng
	Trên 3 tháng Triệu đồng	Đến 3 tháng Triệu đồng	Đến 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 đến 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 đến 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 đến 5 năm Triệu đồng	Từ 5 năm Triệu đồng		
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	2.574.284	-	-	-	-	-	2.574.284
Tiền gửi tại NHNN	-	-	6.460.795	-	-	-	-	-	6.460.795
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – góp	731	-	13.284.623	4.235.402	-	-	-	-	17.520.756
Chứng khoán kinh doanh – góp	-	-	1.424.854	-	-	-	-	-	1.424.854
Cho vay khách hàng – góp	3.424.826	4.399.890	18.179.639	20.794.944	52.672.331	61.211.791	21.982.792	182.666.213	
Chứng khoán đầu tư – góp	-	-	-	207.634	11.839.761	32.425.004	10.063.516	54.535.915	
Góp vốn, đầu tư dài hạn – góp	-	-	-	-	-	-	194.602	194.602	
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	808.486	808.486	
Tài sản Có khác – góp	66.433	-	11.402.180	1.241.573	2.995.627	23	50.073	15.755.909	
Tổng tài sản	3.491.990	4.399.890	53.326.375	26.479.553	67.507.719	93.636.818	33.099.469	281.941.814	
Nợ phải trả									
Các khoản nợ NHNN	-	-	676	6.901	18.438	-	-	26.015	
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	17.860.244	5.694.891	4.475.634	5.047.426	122.223	33.200.418	
Tiền gửi của khách hàng	-	-	55.790.287	24.752.110	44.506.601	8.500.722	1.092	133.550.812	
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	145.212	(13.009)	13.013	15.253	-	160.469	
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	667	421	9.810	3.884.634	3.832	3.899.364	
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	3.163.598	6.859.281	35.055.353	18.526.373	2.500.000	66.104.605	
Các khoản nợ khác	-	-	9.058.291	191.497	1.857.539	7.594	-	11.114.921	
Tổng nợ phải trả	-	-	86.018.975	37.492.092	85.936.388	35.982.002	2.627.147	248.056.604	
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	3.491.990	4.399.890	(32.692.600)	(11.012.539)	(18.428.669)	57.654.816	30.472.322	33.885.210	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

(d) *Rủi ro giá cả thị trường khác*

Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

45. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày sau đây trên báo cáo tài chính hợp nhất chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*
Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chúng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
 - b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*
Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:
 - a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
 - c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.
- *Các khoản cho vay và phải thu:*
Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

- a) Các khoản mà Ngân hàng có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

➤ *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, phát hành giấy tờ có giá và các khoản phải trả tài chính khác.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

➤ *Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, nếu và chỉ nếu, Ngân hàng có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Bảng sau trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Giá trị ghi số							Giá trị hợp lý Triều đồng
	Ghi nhận giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh Triều đồng	Giữ đến ngày đáo hạn Triều đồng	Cho vay và phải thu Triều đồng	Sẵn sàng để bán Triều đồng	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ Triều đồng	Tổng cộng giá trị ghi số Triều đồng		
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	2.574.284	-	-	-	2.574.284	2.574.284
Tiền gửi tại NHNN	-	-	6.460.795	-	-	-	6.460.795	(*)
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – góp	-	-	17.520.756	-	-	-	17.520.756	(*)
Chứng khoán kinh doanh	1.424.854	-	-	-	-	-	1.424.854	(*)
Cho vay khách hàng – góp	-	-	182.666.213	-	-	-	182.666.213	(*)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán – góp	-	-	-	50.384.788	-	-	50.384.788	(*)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – góp	-	4.151.127	-	-	-	-	4.151.127	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	11.964.741	194.602	-	-	12.159.343	(*)
	1.424.854	4.151.127	221.186.789	50.579.390	-	-	277.342.160	(*)
Các khoản nợ NHNN	-	-	-	-	26.015	-	26.015	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	33.200.418	-	33.200.418	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	133.550.812	-	133.550.812	(*)
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	160.469	-	-	-	-	-	160.469	(*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	3.899.364	-	3.899.364	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	66.104.605	-	66.104.605	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	8.268.311	-	8.268.311	(*)
	160.469	-	-	-	245.049.525	-	245.209.994	(*)

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không thể xác định được do các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

46. SỐ LIỆU SO SÁNH

Ngày 31 tháng 12 năm 2015, NHNN đã ban hành Thông tư số 35/2015/TT-NHNN quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 35"), trong đó có quy định báo cáo phân tích dư nợ cho vay theo ngành được hiểu là ngành của mục đích vay. Thông tư 35 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2017. Ngân hàng đã tiến hành phân loại lại số liệu so sánh tại 31 tháng 12 năm 2016.

Trích từ Thuyết minh số 10.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành:

	31/12/2016 Đã trình bày trước đây Triệu đồng	%	Phân loại lại Triệu đồng	%	31/12/2016 Đã trình bày trước đây Triệu đồng	%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	2.498.851	1,73	(1.453.191)	(1,01)	1.045.660	0,72
Khai khoáng	290.298	0,20	(122.120)	(0,08)	168.178	0,12
Công nghiệp chế biến, chế tạo	16.637.628	11,50	(8.224.711)	(5,68)	8.412.917	5,82
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	2.479.019	1,72	(205.993)	(0,15)	2.273.026	1,57
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	562.659	0,39	(167.126)	(0,12)	395.533	0,27
Xây dựng	6.035.306	4,17	(1.023.139)	(0,71)	5.012.167	3,46
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	11.228.534	7,76	(3.415.244)	(2,36)	7.813.290	5,40
Vận tải kho bãi	3.427.557	2,37	6.618.528	4,57	10.046.085	6,94
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	3.258.575	2,25	13.682	0,01	3.272.257	2,26
Thông tin và truyền thông	562.148	0,39	(127.009)	(0,09)	435.139	0,30
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	5.540.253	3,83	(2.746.422)	(1,90)	2.793.831	1,93
Hoạt động kinh doanh bất động sản	17.794.732	12,30	(848.362)	(0,59)	16.946.370	11,71
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	962.987	0,67	(694.539)	(0,48)	268.448	0,19
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1.838.986	1,27	(1.406.931)	(0,97)	432.055	0,30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

Trích từ Thuyết minh số 10.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành: (tiếp theo)

	31/12/2016 Đã trình bày trước đây Triệu đồng	%	Phân loại lại Triệu đồng	%	31/12/2016 Đã trình bày trước đây Triệu đồng	%
Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	206.364	0,14	(206.364)	(0,14)	-	-
Giáo dục và đào tạo	700.782	0,48	(488.061)	(0,33)	212.721	0,15
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	228.241	0,16	(201.578)	(0,14)	26.663	0,02
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	633.031	0,44	(198.377)	(0,14)	434.654	0,30
Hoạt động dịch vụ khác	8.565.281	5,92	(8.276.906)	(5,72)	288.375	0,20
Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư tiêu dùng của hộ gia đình	61.186.300	42,29	23.209.544	16,05	84.395.844	58,34
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	35.681	0,02	(35.681)	(0,02)	-	-
	144.673.213	100	-	-	144.673.213	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

47. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

48. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM TÀI CHÍNH

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
AUD	17.718	16.274
CAD	18.054	16.718
CHF	23.308	22.121
CNY	3.486	3.192
DKK	3.160	3.159
EUR	27.248	23.770
GBP	30.692	27.656
JPY	202	194
NZD	17.249	17.122
SEK	3.078	3.027
SGD	16.980	15.609
THB	640	620
TWD	30	30
USD	22.425	22.159
XAU	364.500	359.000

Người lập: 



Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:


Bà Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm Giám đốc Tài chính



Ông Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 5 tháng 2 năm 2018

KẾ HOẠCH KINH DOANH 2018

Nền kinh tế toàn cầu trong năm 2018 được kỳ vọng sẽ duy trì đà phục hồi với tăng trưởng khả quan ở hầu hết các nền kinh tế chủ chốt. Quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF dự báo tăng trưởng toàn cầu ở mức 3,7%, tuy nhiên tăng trưởng được dự báo là không đồng đều và còn yếu ở một nước (châu Phi, Trung Đông, Mỹ La Tinh), đồng thời tiềm ẩn một số rủi ro như xu hướng bảo hộ hay các bất ổn chính trị. Kinh tế châu Á được dự đoán tăng trưởng khả quan nhờ tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng trong khu vực và trên thế giới cộng với chính sách tiền tệ nới lỏng của các quốc gia.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam được đánh giá sẽ là điểm sáng trong các nền kinh tế ASEAN (Theo Moody's Investors). Tuy nhiên, những thách thức cho kinh tế Việt Nam là giữ được tăng trưởng trong môi trường lạm phát thấp, thay đổi chính sách thương mại của các quốc gia làm ảnh hưởng đến xuất khẩu. Mục tiêu tăng trưởng 6,5%-6,7% do Quốc Hội đặt ra được đánh giá là khá thận trọng và khả thi. Tăng trưởng tín dụng mục tiêu sẽ ở mức 18-20% (gấp 2,5-3 lần tăng trưởng kinh tế) được cho là mức hợp lý để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà không làm gia tăng lạm phát.

Năm 2018, bên cạnh các chính sách để điều tiết kinh tế, Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục các nỗ lực cấu trúc ngành tài chính ngân hàng, đặt trọng tâm vào an toàn hiệu quả hoạt động của hệ thống. Đầu năm 2018, Luật các Tổ chức tín dụng sửa đổi chính thức có hiệu lực, theo đó cho phép phá sản ngân hàng, quy định mới sẽ gây các áp lực tích cực lên các ngân hàng để minh bạch hóa, cải thiện chất lượng tài sản, tăng vốn, nâng cao chất lượng dịch vụ.

VPBank vừa xây dựng chiến lược 5 năm 2018-2022 với những mục tiêu tham vọng về chất lượng tăng trưởng, tiếp tục đảm bảo VPBank là ngọn cờ dẫn đầu về tăng trưởng và hiệu quả trên mọi mặt; củng cố vị trí dẫn đầu trong chiến lược bán lẻ và ngân hàng số; là dịch vụ tài chính tin cậy của mọi người dân Việt; nâng cao tỷ trọng giao dịch của khách hàng qua các kênh tự phục vụ, đón đầu các xu hướng công nghệ ngân hàng mới, với hai mục tiêu chiến lược:

1. Là 1 trong 3 ngân hàng có giá trị nhất Việt Nam.
2. Trở thành ngân hàng thân thiện với người tiêu dùng nhất thông qua ứng dụng công nghệ.

Mục tiêu trong năm 2018, là duy trì tăng trưởng chất lượng trên các phân khúc thị trường chủ đạo, hoàn thiện hạ tầng công nghệ và quản trị rủi ro đáp ứng các yêu cầu phát triển chiến lược ngân hàng số một cách mạnh mẽ nhất. Năm 2018 sẽ là một dấu mốc quan trọng là năm đầu tiên trong giai đoạn chiến lược 5 năm 2018-2022. Theo đó, VPBank xác định các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Tiếp tục các nỗ lực duy trì tăng trưởng ở tất cả các khối kinh doanh để đạt các mục tiêu tăng trưởng đề ra, tập trung thúc đẩy tăng trưởng cho vay, huy động, cơ sở khách hàng của các phân khúc khách hàng chiến lược. Triển khai tăng trưởng chọn lọc đi đôi nâng cao hiệu quả với mục tiêu tăng trưởng 20%-30% ở các chỉ tiêu quy mô và tăng trưởng mạnh mẽ ở các chỉ tiêu hiệu quả ở mức 40%-50%.
- Tập trung nỗ lực để củng cố và nâng cấp các hệ thống nền tảng trọng yếu với trọng tâm là hệ thống quản trị rủi ro (bao gồm cả an ninh công nghệ); củng cố hệ thống phê duyệt; củng cố hệ thống quản lý, xử lý và thu hồi nợ có vấn đề; triển khai và hoàn thiện hệ thống mô hình tổ chức hệ thống bán hàng và dịch vụ; phát triển nhân sự; và thực hiện chiến lược công nghệ thông tin 2017 – 2020 song song với tiếp tục triển khai cải tiến công nghệ đảm bảo phục vụ tốt quá trình phát triển nhanh của các hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Tìm kiếm và lựa chọn các cơ hội kinh doanh mới cho ngân hàng để khai thác hiệu quả đầu tư cơ bản, tạo ra các kênh thu nhập mới cho tăng trưởng hiệu quả trong tương lai.

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Một số chỉ tiêu kinh doanh, tài chính hợp nhất trong năm 2018

STT	Chỉ tiêu (Tỷ đồng,%)	Kế hoạch 2018
1	Tổng tài sản	359.477
2	Huy động khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá	241.675
3	Dư nợ cấp tín dụng	243.320
	<i>Trong đó: Cho vay khách hàng</i>	229.148
4	Tỷ lệ nợ xấu	<3%
5	Lợi nhuận trước thuế	10.800

*Ghi chú: Kế hoạch tăng trưởng dư nợ cấp tín dụng không bao gồm trái phiếu VAMC được xây dựng trên cơ sở dự kiến của VPBank và sẽ trình Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

Năm 2018 khởi đầu cho 5 năm tiếp theo đầy thách thức với những biến đổi hết sức nhanh chóng của công nghệ số, hành vi người dùng và những hình thái kinh tế mới. Nhưng VPBank sẵn sàng đón nhận những vận hội và cả những thách thức mới để tiếp tục phát triển và chinh phục những đỉnh cao tiếp theo. Ban Điều hành hoàn toàn tin tưởng vào thành công của VPBank trong năm 2018 cũng như hiện thực hóa tầm nhìn đưa VPBank trở thành Ngân hàng thân thiện nhất với người tiêu dùng nhờ ứng dụng công nghệ và trở thành 1 trong 3 ngân hàng giá trị nhất Việt Nam vào năm 2022.



Quần đảo Hoàng Sa



Quần đảo Trường Sa

ANGIANG	2	ĐỒNG NAI	3	HUẾ	6	QUẢNG TRỊ	2
BẮC GIANG	4	ĐỒNG THÁP	1	KIÊN GIANG	1	THÁI BÌNH	4
BẮC NINH	2	GIA LAI	1	LONG AN	2	THÁI NGUYÊN	2
BÌNH ĐỊNH	2	HÀ NAM	1	NAM ĐỊNH	5	THANH HÓA	7
BÌNH DƯƠNG	2	HÀ NỘI	64	NGHỆ AN	6	TIỀN GIANG	1
BÌNH THUẬN	2	HÀ TĨNH	5	NHA TRANG	2	VĨNH LONG	1
CẦN THO	4	HẢI DƯƠNG	3	PHÚ THỌ	2	VĨNH PHÚC	3
ĐÀ LẠT	1	HẢI PHÒNG	9	QUẢNG BÌNH	4	VŨNG TÀU	1
ĐÀ NẴNG	8	HỒ CHÍ MINH	45	QUẢNG NAM	1		
ĐAKLAK	1	HÒA BÌNH	2	QUẢNG NINH	4		

216

ĐIỂM GIAO DỊCH TRÊN TOÀN QUỐC

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VPBANK)

Trụ sở: 89 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Tel: 024. 39288869/ Fax: 024. 39288867

Website: www.vpbank.com.vn

Dịch vụ chăm sóc khách hàng: 024 39288880 hoặc 1900545415

